



KNUT HAMSUN

DUỐI ÁNH SAO THỦ

Nguyễn Thành Nhân dịch

Published in Kristiania, by Gyldendal

Dưới Ánh Sao Thu

Knut Hamsun

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[TÁC GIẢ](#)

[Chương I](#)

[Chương II](#)

[Chương III](#)

[Chương IV](#)

[Chương V](#)

[Chương VI](#)

[Chương VII](#)

[Chương VIII](#)

[Chương IX](#)

[Chương X](#)

[Chương XI](#)

[Chương XII](#)

[Chương XIII](#)

[Chương XIV](#)

[Chương XV](#)

[Chương XVI](#)

[Chương XVII](#)

[Chương XVIII](#)

[Chương XIX](#)

[Chương XX](#)

[Chương XXI](#)

[Chương XXII](#)

[Chương XXIII](#)

[Chương XXIV](#)

[Chương XXV](#)

[Chương XXVI](#)

[Chương XXVII](#)

[Chương XXVIII](#)

[Chương XXIX](#)

[Chương XXX](#)

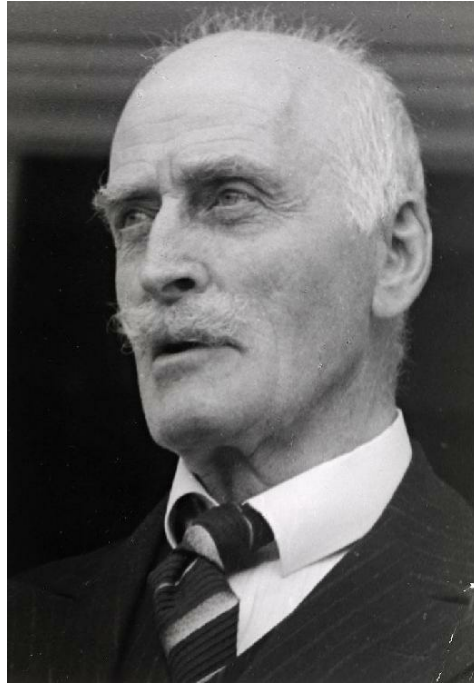
[Chương XXXI](#)

[Chương XXXII](#)

[Chương XXXIII](#)

[Chương XXXIV](#)

TÁC GIẢ



Knut Hamsun (1859-1952)

Trong lịch sử giải Nobel văn chương có rất nhiều dạng nhà văn khác nhau, nhưng có lẽ nhà văn Na Uy Knut Hamsun là nhân vật ẩn chứa nhiều mâu thuẫn nhất mà vẫn được nhận vinh hạnh này (ông được trao giải Nobel văn chương năm 1920).

Ông rất ghét sân khấu nhưng lại lấy một trong những nữ diễn viên tài năng nhất thời đại mình sống làm vợ. Ông ca tụng nghề nông nhưng sinh kế chủ yếu lại nhờ các khoản nhuận bút. Ông say đắm tình yêu nhưng lại ngưỡng mộ những chính trị gia sắt đá đã phải trả giá đắt cho việc làm này.

Năm 2009 đang qua, tại nhiều nước trên thế giới đã tổ chức nhiều hoạt động trọng thể kỷ niệm 150 năm ngày sinh của Hamsun (ông sinh ngày 4-8-1859, mất ngày 19-2-1952). Trong ký ức của nhân loại, Hamsun mãi là một trong những nhà văn vĩ đại nhất của thế kỷ XX, người mà ngay chính văn hào Nga Liev Tolstoi cũng rất ngưỡng mộ.

Knut Hamsun (tên họ thật là Knud Pedersen) cất tiếng khóc chào đời trong một gia đình nghèo đông con ở Lom, nằm trong khu vực thịnh nông nhất tại trung tâm Na Uy. Tuổi thơ của nhà văn lớn đã trôi qua trong cảnh lam làm vất vả trên ruộng đồng. Mới lên 9 tuổi, Knut đã buộc phải trở thành tá điền cho ông chú đằng mẹ, cực nhọc và đói khát, thậm chí còn bị đánh đập, đến mức chỉ sau vài ba năm (1873), đã phải bỏ nhà đi lang thang và kiếm sống bằng rất nhiều công việc khác nhau. Cuối cùng, Hamsun đã trở thành thợ làm giày ở thành phố Bode (miền Bắc Na Uy). Chính ở đây Hamsun đã hoàn thành tác phẩm đầu tay của mình "Con người bí ẩn" (Den Gaadefulde). Tiểu thuyết này đã được in với tên tác giả là Knud Pedersen vào năm 1877, khi nhà văn mới 18 tuổi.

Sang năm 1878, Hamsun trở thành giáo viên ở trường trung học tại Vesteralen, rồi đi làm trợ lý của một ông chánh án. Chính ở trong thư viện của ông chánh án này mà Hamsun đã phát hiện ra cho mình những tác phẩm đầy ấn tượng của các nhà văn lớn trên vùng đất Scandinavia như Bjornstjerne - Bjornson, Henrik Ibsen... Cũng trong thời gian này, Hamsun đã cho xuất bản tiểu thuyết "Bjorger" (1878), mà trong đó nhân vật mang tên họ này đã viết những vần thơ xuất sắc về cuộc sống khổ ải của mình. Bút danh mà nhà văn dùng khi ấy là Knud Pedersen.

Nhờ có một thương gia nên cũng trong năm 1878, Hamsun mới lên được Cristiania (nay là Oslo) để mong tìm kiếm cơ hội lớn hơn cho tương lai. Tuy nhiên, tại đó, Hamsun không có cách gì để đủ sống bằng tiền nhuận bút nên sau khi tiêu hết cả số tiền chắt bóp được, cùng quần quá, Hamsun phải đi làm thợ sửa đường ở miền Đông Na Uy. Tới năm 1882, có được một số lá thư giới thiệu tới những người Na Uy di cư sang Mỹ có thể lực, nhà văn đã vượt đại dương tới "thế giới mới". Tuy nhiên, những kỳ vọng phù hoa đã mau chóng tan thành mây khói và Hamsun đã buộc phải làm công việc đồng áng ở bang Wisconsin, rồi làm thư ký cho một nhà truyền giáo người Na Uy ở Minnesota. Cảnh bần hàn đã khiến chàng trai trẻ lâm trọng bệnh và các bác sĩ dự đoán là dường như Hamsun mắc bệnh lao. Rốt cuộc, nhà văn lại phải tìm đường về cố quốc.

Về tới Oslo năm 1884, Hamsun đột nhiên thấy người khoẻ khoắn ra. Ông đã cư trú một thời gian ở Valdres và tại đó, với bút danh Knut Hamsund (chữ "d" về sau do lỗi nhà in nên đã bị mất đi) đã hoàn thành công trình về nhà văn Mỹ Mark Twain. Tại Oslo, con đường văn học của Hamsun không mấy suôn sẻ và nhà văn lại lâm vào cảnh khốn cùng. Tới năm 1886, cực chẳng đã, Hamsun lại dần bước vượt đại dương sang Mỹ. Đến Chicago, Hamsun buộc phải làm người bán vé trên xe điện và mỗi khi hè tới lại đi kiếm tiền thêm bằng công việc nhà nông trên những cánh đồng lúa mì ở Bắc Dakota. Thất vọng về những bước đi đầu chập chững trên con đường văn học, Hamsun lại quay về châu Âu và ở Copenhagen, trung tâm in ấn thuở đó của vùng Scandinavia, ông đã mang tác phẩm đang viết dở tới ra mắt với Edvard Brandes, người anh em của nhà phê bình văn học danh tiếng Georg Brandes, biên tập một tờ nhật báo ở thủ đô Đan Mạch. Edvard Brandes có ấn tượng mạnh như nhau trước vẻ ngoài tiêu tụy của Hamsun lẫn đoạn trích từ tác phẩm mà nhà văn đang viết.

Tới cuối năm 1886, tác phẩm trên đã xuất hiện trên một tạp chí văn học của Đan Mạch và tới năm 1890 đã được in thành sách ở Copenhagen với nhan đề "Đói" (Suit). "Đói" đã gây nên ấn tượng mạnh và ngay lập tức đã tạo cho Hamsun danh giá của một nhà văn nghiêm túc. Trong tiểu thuyết này, Hamsun đã cắt đứt liên hệ với truyền thống hiện thực phê phán đang là chủ đạo trên văn đàn Scandinavia thời đó và thậm chí cả quan điểm cho rằng văn học phải giúp cải thiện điều kiện sinh hoạt của con người. Tiểu thuyết "Đói" về thực chất không có cả cốt truyện, kể về một chàng trai trẻ ở tỉnh lẻ lên sống tại Oslo và mơ ước trở thành văn sĩ. Cực kỳ tin tưởng vào tài năng thiên phú của mình, chàng trai này thích chịu cảnh bần hàn còn hơn là từ bỏ mơ ước. "Đó là nhân vật của Dostoievsky - nhà phê bình văn học Mỹ Alric Gustafson nhận xét. - Đau đớn cả về tâm hồn lẫn thể xác, bị cơn đói giày vò, chàng trai đã biến cuộc sống nội tâm của mình thành một chuỗi những ảo ảnh". Nhân vật chính trong tiểu thuyết vật vã không chỉ vì đói mà vì thiếu thốn những giao tiếp xã hội, ức chế thể xác và sự thiếu điều kiện để bộc lộ bản thân...

Sự lạc lõng của nhân vật trong tiểu thuyết của Hamsun đã là một tín hiệu báo trước của cái gọi là "phản nhân vật" trong văn học thế kỷ XX. Như nhận xét của nhà thơ đương đại Mỹ Robert Bly, "sự sống động và gay cấn trong văn xuôi của Hamsun đã làm chấn động tất cả". Tiểu thuyết "Đói" đã được viết bằng những câu văn ngắn đầy biểu cảm, những mô tả rõ ràng, mạch lạc liên kết với những nhận định cố tình chủ quan, đa nghĩa... Tác phẩm được hoàn thành vào thời điểm mà những Arthur Schopenhauer, Eduard von Hartmann, Friedrich Nietzsche và August Strindberg lên tiếng kêu gọi chú ý tới những sức mạnh vô thức bí ẩn phức tạp tác động tới hành vi của con người.

Hamsun đã tổng kết quan điểm riêng của ông về "văn xuôi chủ quan" trong tiểu luận "Từ cuộc sống vô thức của tâm hồn" ("Fra det ubevidste Sjaeleliv"), cũng được hoàn thành vào năm "Đói" được xuất bản. Từ bỏ những quy ước của "văn xuôi chủ quan", Hamsun đề nghị

nghiên cứu "những chuyển động bí ẩn của tâm hồn diễn ra trong những vực sâu thẳm nhất của vô thức, phân tích cội hồn mang vô độ của cảm nhận, qua kính phóng đại xem xét cuộc sống tinh tế của trí tưởng tượng, dòng chảy vô cùng của tư tưởng và cảm xúc".

Hamsun đã lại sử dụng phương pháp chủ quan trong tiểu thuyết "Những điều bí ẩn" (Mystener, 1892), viết về một kẻ lừa đảo tới một làng nhỏ ven biển và ở đó, làm mọi người kinh ngạc bởi cách ứng xử kỳ dị của hắn. Tiểu thuyết "Quý ngài" (Pan, 1894) được viết dưới dạng hồi ức của Thomas Glahn, người đã chối bỏ xã hội văn minh và sống theo kiểu một thợ săn và đánh cá gần thị xã ở Nordland. "Tôi cố gắng tương tự như Rousseau trình bày cái gì đó tương tự như tôn vinh thiên nhiên, sự nhạy cảm, hay đúng hơn, sự siêu nhạy cảm" - Hamsun thổ lộ với một người bạn khi đang viết "Quý ngài"...

Hamsun đã viết tới hơn 30 tiểu thuyết cùng nhiều tác phẩm thi ca và kịch bản. Từ năm 1895 tới năm 1898, ông đã hoàn thành bộ ba kịch bản về cuộc sống của một triết gia "Bên ngưỡng cửa vương quốc" ("Ved rikets port", 1895), "Tấn kịch đời" ("Livets spill", 1896) và "Hoàng hôn" ("Aftenrode", 1898). Theo đánh giá chung của các nhà phê bình, trong các kịch bản của mình, Hamsun đã không mấy thành công trong việc diễn tả tính cách các nhân vật sâu sắc như trong các tiểu thuyết. Hamsun tự đốt đa phần các tác phẩm thi ca của mình trước khi chúng được in ra, nhưng năm 1904 ông đã xuất bản tập thơ "Dàn đồng ca hoang dã" ("Det vilde kor"), với chất lượng nghệ thuật không hề thua kém các tác phẩm văn xuôi.

Từ đầu thế kỷ XX, Hamsun đã viết nhiều tập tiểu thuyết dày với nhiều nhân vật đa dạng và câu chuyện được kể từ ngôi thứ ba, thí dụ như "Những đứa con của thế kỷ" (Bern av tiden, 1913) và phần tiếp theo của nó "Thị trấn Segelfloss" (Segelfoss By, 1915)...

Sau khi Hamsun chuyển về ở trong trang trại năm 1911, sự xa lạ của ông đối với xã hội đương thời càng trở nên nặng nề hơn cùng với sự chối từ những sự việc dẫn tới chiến tranh thế giới thứ nhất và xã hội công nghiệp đương thời. Tâm trạng này đã được thể hiện trong tiểu thuyết "Nhựa của đất" (Markens grede) in năm 1917. Chính tiểu thuyết này đã góp phần quan trọng giúp Hamsun được nhận giải Nobel văn chương năm 1920. Đại diện Viện Hàn lâm Thụy Điển Harald Hjarne đã nhận xét: "Những ai tìm kiếm trong văn học... sự mô tả trung thực thực tế, sẽ thấy trong "Nhựa của đất" câu chuyện về cuộc sống mà bất cứ ai cũng sống, dù ở đâu hay làm việc gì". Ông Hjarne so sánh "Nhựa của đất" với những trường ca luân lý của Hesiod. Trong lễ trao giải Nobel, Hamsun đã từ chối đọc diễn từ...

Một năm sau khi xuất bản "Nhựa của đất", Hamsun đã mua một cơ ngơi ở miền Nam Na Uy, nơi ông vừa sáng tác văn học vừa làm ruộng. Các tác phẩm sau này của ông ngày càng nhuộm màu u ám, phủ nhận hiện thực...

Bị ảnh hưởng tiêu cực do những đánh giá mang tính phê phán đối với các tác phẩm của ông, Hamsun đã bị khủng hoảng tinh thần. Ông tự chạy chữa bệnh bằng phương pháp phân tích tâm lý. Trên phương diện xã hội, Hamsun đã bị suy đồi không thể chạy chữa được. Từ chỗ phủ nhận hiện thực tư bản chủ nghĩa, ông phủ nhận luôn cả những khía cạnh lành mạnh trong cuộc sống con người. Thậm chí năm 1934, ông còn công khai tuyên bố về thái độ đồng tình của ông đối với chế độ Quốc xã. Mặc dù ông không gia nhập đảng Quốc xã Na Uy nhưng đã viết một số bài báo ủng hộ lực lượng này, được in trong giai đoạn phát xít Đức chiếm đóng Na Uy. Năm 1934, Hamsun đã sang Đức và gặp Goebbels và Hitler... Hàng nghìn độc giả khi đó đã trả lại sách của Hamsun cho ông để phản đối sự việc này.

Cuối chiến tranh thế giới thứ hai, Hamsun và vợ đã bị bắt. Mùa thu năm 1945, Hamsun được đưa vào bệnh viện tâm thần ở Oslo rồi vào trại dưỡng lão. Năm 1947, ông đã bị đưa ra tòa và bị buộc tội phản bội tổ quốc và bị phạt 425 nghìn cuaron (gần 80 nghìn USD) nhưng do suy thoái

trí tuệ nên không bị tổng giam. Năm Hamsun 90 tuổi, ông cho in tập truyện ngắn "Theo lối mòn hoang" ("Pa gjengrodde stier") kể về vụ án xét xử ông. Cuốn sách này được viết rất sinh động dù không hề biện minh được chút nào cho cách hành xử của Hamsun trong chiến tranh thế giới thứ hai...

Hamsun qua đời trong cảnh cô quạnh. Bộ toàn tập các tác phẩm của ông được in sau khi ông mất hai năm. Mặc dù phê phán nghiêm khắc cách hành xử của Hamsun, xã hội Na Uy cũng như cộng đồng văn chương thế giới đối xử rất rạch ròi đối với di sản văn học của ông: đó là những báu vật của nhân loại.

- Tác Phẩm

- Den Gaadefulde. En kjærlighedshistorie fra Nordland (Con người bí ẩn, dưới tên Knud Pedersen, 1877), tiểu thuyết.

- Bjørger (dưới tên Knud Pedersen Hamsund, 1878), tiểu thuyết.

- Fra det moderne Amerikas Aandsliv (Cuộc sống tinh thần của xã hội Mỹ hiện đại, 1889), tiểu luận.

- Sult (Đói, 1890), tiểu thuyết.

- Fra det ubevidste sjacelev (Từ cuộc sống vô thức của tâm hồn, 1890), tiểu luận.

- Mysterier (Những điều bí ẩn, 1892), tiểu thuyết.

- Redaktør Linge (Biên tập viên Linge, 1893).

- Ny Jord (Đất mới, hoàn tất năm 1893).

- Pan (Quý ngài, 1894), tiểu thuyết.

- Ved Rigets Port (Nơi cổng vương quốc, 1895), kịch.

- Livets Spil (Trò đời, 1896).

- Aftenrøde. Slutningspil (Hoàng hôn, 1898), kịch.

- Victoria. En kjærlighedshistorie (Victoria, 1898), tiểu thuyết.

- Munken Vendt. Brigantines saga I (1902), kịch thơ.

- Det vilde Kor (Bản hợp xướng hoang dã, 1904), thơ.

- Under Høststjærnen. En Vandrers Fortælling (Dưới ngôi sao mùa thu, 1906), tiểu thuyết.

- Benoni (1908), tiểu thuyết.

- En Vandrers spiller med Sordin (Kẻ lang thang chơi đàn không dây, 1909), tiểu thuyết.

- Den sidste Glæde (Niềm vui cuối cùng, 1912), tiểu thuyết.

- Børn av Tiden (Những đứa con của thế kỉ, 1913), tiểu thuyết.

- Segelfoss By (Thị trấn Segelfoss, 2 tập, 1915), tiểu thuyết.

- Markens Grøde (Nhựa của đất, 2 tập, 1917), tiểu thuyết.

- Konerne ved Vandposten (Những người đàn bà bên giếng, 2 tập, 1920), tiểu thuyết.

- Siste Kapitel (Chương cuối, 2 tập, 1923), tiểu thuyết.

- Landstrykere (Những kẻ lang thang, 2 tập, 1927), tiểu thuyết.

- August (Tháng Tám, 2 tập, 1930), tiểu thuyết.

- Ringen sluttet (Vòng vây đã khép, 1936), tiểu thuyết.

- Paa gjengrodde Stier (Theo lối mòn hoang, 1949).

I

Hôm qua mặt nước phẳng lặng như gương, và hôm nay cũng vậy. Đợt khí hậu nóng mùa thu trên đảo mới dịu và ấm làm sao! Nhưng không có ánh mặt trời.

Đã nhiều năm nay tôi mới biết một sự an bình như vậy. Hai mươi hoặc ba mươi năm, có lẽ; hay có lẽ đó là một cuộc đời khác. Nhưng đôi khi tôi cảm nhận được nó, chắc vậy rồi, vì lúc này tôi đang đi rong khắp chốn, ngâm nga nho nhỏ một giai điệu nhạc; lang thang trong niềm hoan lạc, yêu từng sợi rơm, hòn đá, và thấy như thể chúng cũng quan tâm đáp trả lại tôi.

Trong lúc đi trên lối mòn hoang ngập cỏ, băng qua cánh rừng, tim tôi run rẩy vì một niềm vui thoát tục. Tôi hồi nhớ lại một địa điểm ở vùng bờ phía đông biển Caspian, nơi có lần tôi đã đứng. Mọi thứ ở đây đều giống hệt vậy, với mặt nước tĩnh lặng, trầm trọng và xám màu thép như lúc này. Tôi bước qua cánh rừng, xúc động tận tâm can, và rưng rưng nước mắt chỉ vì niềm vui tuyệt đối, và luôn tự nhủ với mình: Thượng đế ở trên cao. Xin có mặt ở đây lần nữa...

Như thế tôi đã có mặt ở đó trước kia.

Cũng có lẽ tôi từng có mặt ở đó, đến từ một thời gian và vùng đất khác, nơi rừng cây và những con đường mòn cũng y hệt thế này. Có lẽ tôi lúc đó tôi là một cụm hoa, ở giữa khu rừng, hay có lẽ là một con bọ cánh cứng, ngụ cư trong một cây keo nào đó.

Và giờ đây tôi đã tới chốn này. Có lẽ tôi từng là một con chim và đã bay suốt chặng đường xa ấy. Hoặc là phần thịt của một thứ quả cây được một thương nhân Ba Tư gửi tới.

Nhìn xem, giờ tôi đã cách xa sự hối hả chen chúc của đô thành, cách xa mọi người và những tờ nhật báo; tôi đã chuồn khỏi những thứ đó, vì tiếng gọi đã cất lên với tôi lần nữa từ những con đường cô quạnh, im lìm, nơi tôi thuộc về. “Lần này mọi thứ sẽ đi đúng chỗ,” tôi tự nhủ, và lòng ngập tràn hy vọng. Chao ôi, trước kia tôi đã từng bỏ trốn khỏi thành phố như lần này, rồi sau đó lại quay về. Và lại bỏ trốn lần nữa.

Nhưng lần này tôi đã quyết. Tôi sẽ tìm được an bình, với bất cứ giá nào. Và hiện tại tôi đã có một căn phòng trong một ngôi nhà thôn dã tại đây, với cụ Gunhild chăm sóc cho tôi.

Đó đây, giữa những hàng thông là những cây thanh lương trà, với những chùm quả chín mọng màu san hô; lúc này những chùm quả đang rơi, chạm mạnh vào mặt đất. Chúng tự gặt hái bản thân và gieo hạt thêm lần nữa, một sự thừa thãi phi thường bị lãng phí hàng năm. Tôi có thể đếm được tới hơn ba trăm chùm quả trên một cây duy nhất. Và rải rác đó đây là những cây hoa vẫn còn đang nở rộ, những sự vật ngoan cố, sẽ không chịu chết, dù thời của chúng đã thật sự trôi qua.

Nhưng cả thời của cụ Gunhild cũng đã qua rồi – và bạn có nghĩ rằng bà sẽ chết? Bà tới lui khắp chốn như thể cái chết là một thứ không hề khiến cho bà phải quan tâm. Khi những ngư dân đặt chân lên bãi biển, để sơn lại thuyền hay mạng lưới, cụ Gunhild tới đó với đôi mắt đờ đẫn, nhưng với một trí óc sắc sảo không kém một ai để trả giá.

“Hôm nay giá cá thu thế nào?” bà hỏi.

“Cũng như hôm qua.”

“Vậy theo tôi các người cứ giữ lấy nó.”

Và cụ Gunhild trở về nhà.

Nhưng đám ngư dân biết rằng cụ Gunhild không phải là một trong số những kẻ chỉ vờ vịt bỏ đi; bà từng bỏ về như thế trước kia, quay lên ngôi nhà của mình, không một lần ngoảnh lại. Vì

thể, họ gọi bà, “Nè,” và nói rằng hôm nay họ sẽ bán với giá bảy đồng nửa chục, xem bà là một khách hàng kỳ cựu.

Và cụ Gunhild mua cá.

Những áo quần giặt xong đang phơi trên dây; váy lót đỏ và sômi xanh dương, và những quần áo lót dày cộm đến phi lý, mọi thứ được kéo sợi và dệt trên đảo bởi những bà cụ già vẫn còn sống sót. Nhưng cũng có những loại quần áo giặt xong khác: những chiếc áo sômi loại tốt không tay áo, chính cái điều khiến một cơ thể xanh tái đi vì lạnh, và những chiếc áo lót bằng len màu hoa cà có độ dày của một sợi dây đàn. Và những thứ đáng tởm này có mặt ở đó bằng cách nào? Sao nữa, đó là mấy cô con gái, chắc vậy rồi, những nàng thiếu nữ thời hiện đại, đang giúp việc trong thị trấn, và kiếm được những thứ quần áo lòe loẹt này theo cách đó. Phải giặt chúng thật cẩn thận, không thường xuyên quá, và chúng chỉ tồn tại được một tháng. Và sẽ là một cảm giác trần trụi đáng yêu khi những cái lỗ bắt đầu giãn rộng.

Nhưng không có kiểu phi lý đó, chẳng hạn, ở đôi giày của cụ Gunhild. Vào những quãng thời gian rỗi rảnh thích hợp, bà tới gặp một trong số các ngư dân, giống bà về tuổi tác và đầu óc, và phần phía trên và đế giày được kỹ lưỡng khâu lại, thêm một lớp mỡ bôi da thuộc hữu hiệu khiến cho nước trở nên bất lực. Tôi từng thấy thứ mỡ đó được đun sôi trên bãi biển; trong đó có mỡ động vật, cũng có cả hắc ín và nhựa thông.

Hôm qua, khi đang lười nhát lang thang dọc bãi biển, nhìn những mảnh gỗ trôi dạt, những đồng vảy cá và những hòn đá, tôi bắt gặp một mẫu nhỏ của một chiếc đĩa thủy tinh. Tôi không tài nào đoán được nó tới đó bằng cách nào; nhưng vật này dường như là một điều lầm lạc, một sự dối lừa, khi nhìn vào nó. Lẽ nào một ngư dân bất kỳ nào đó đã chèo thuyền tới đây cùng với nó, bỏ nó lại đó và chèo đi? Tôi bỏ mặc nó tại nơi nó nằm, nó dày, bình thường và thô thiển; có lẽ là một mảnh của một cửa sổ xe điện. Thời xưa thủy tinh còn hiếm và có màu lục sẫm. Thượng đế phù hộ cho những ngày xưa cũ, khi một vật gì đó có thể hiếm hoi!

Lúc này khói tỏa lên từ những túp lều ngư phủ ở đầu phía nam của đảo. Chiều xuống, và người ta nấu cháo đặc cho buổi tối. Khi xong bữa tối, những người dân tử tế lên giường ngủ, để mai lại thức giấc cùng ánh bình minh. Chỉ có bọn trẻ tuổi và ngốc nghếch là vẫn thơ thẩn từ nhà này sang nhà khác, trì hoãn giờ ngủ nghỉ của chúng, không hề biết đâu là điều tốt nhất cho bản thân chúng.

II

Sáng nay có một người đàn ông đặt chân lên đảo – tới để sơn ngôi nhà. Nhưng cụ Gunhild, thật đã quá già, và phần lớn thời gian đang chết dần mòn vì bệnh gout, bảo anh ta chẻ củi để nấu nướng trong vài hôm trước khi khởi sự. Nhiều lần tôi đã đề nghị được tự tay chẻ củi đó, nhưng bà nghĩ quần áo của tôi quá tốt, và không cho tôi sờ tới cái rìu vì bất cứ lý do gì.

Tay thợ sơn này là một anh chàng thấp bé, dày cơm, với mái tóc đỏ hoe và mày râu nhẵn nhụi. Tôi quan sát anh ta từ sau một ô cửa sổ trong lúc anh ta làm việc, để xem anh ta xử lý cái rìu như thế nào. Thế rồi, khi nhận thấy anh ta đang nói chuyện với chính mình, tôi lên ra khỏi nhà để lắng nghe. Nếu anh ta hạ chệch một nhát rìu, anh ta nhẩn nại chấp nhận nó, và không tự làm khó mình; nhưng bất cứ lúc nào anh ta bị va phải đốt ngón tay, anh ta trở nên cáu kỉnh và thốt lên: “Fan! Fansmagt!” [\[1\]](#) – và rồi đột ngột nhìn quanh và bắt đầu ư ử ngâm nga một giai điệu nhạc để che lấp đi những lời nói của mình.

Vâng, tôi nhận ra người thợ sơn đó. Chỉ có điều, cái gã ma bùn này chả phải là thợ sơn gì hết, mà là Grindhusen, một trong những gã đàn ông mà tôi từng làm việc chung khi đang làm đường ở Skreia.

Tôi bước tới cạnh anh ta, hỏi anh ta có nhớ tôi không, và chúng tôi trò chuyện một lúc.

Đã rất nhiều năm từ lúc chúng tôi là thợ sửa chữa đường, Grindhusen và tôi; khi ấy chúng tôi còn là những thanh niên, nhảy múa dọc theo những con đường với những đôi giày thê thảm nhất, và ăn những gì chúng tôi có thể tìm ra miễn là có đủ tiền để trả. Nhưng khi chúng tôi có thừa tiền, sẽ là dịp để khiêu vũ với các cô nàng suốt đêm Thứ bảy, và một đám đông bọn công nhân chúng tôi tới nhập bọn, và cụ già trong nhà bán cà phê cho chúng tôi cho tới lúc hẳn bà đã kiếm được chút tiền còm. Sau đó chúng tôi làm việc cật lực suốt tuần kế tiếp, mong đợi ngày Thứ bảy lại đến. Nhưng Grindhusen, anh ta là một con sói đầu đỏ săn đuổi những nàng con gái.

Anh ta có nhớ những ngày xưa ở Skreia chẳng?

Anh ta nhìn tôi, cẩn thận kiểm tra tôi với vẻ dè dặt, phải mất một hồi tôi mới có thể làm cho anh ta nhớ lại.

Vâng, anh ta nhớ khá rõ Skreia.

“Còn Anders Fila và ‘Spiralen’ và Petra?”

“Người nào?”

“Petra – cô gái của anh.”

“Phải, tôi nhớ cô ta. Rốt cuộc tôi đã bị cột chặt vào cô ta.” Grindhusen lại xoay sang chẻ củi.

“Anh đã bị cột chặt vào cô ta sao?”

“Phải, đó là kết thúc của câu chuyện. Phải thế thôi, tôi cho là vậy. Giờ tôi sẽ nói gì nhỉ? Anh đã trở nên khăm khá, qua vẻ ngoài của các thứ.”

“Sao chứ? Có phải anh đang nghĩ về bộ quần áo? Chính anh cũng đang mặc bộ quần áo ngày Chủ nhật mà, đúng không?”

“Anh đã đổi gì để lấy mấy thứ đang mặc?”

“Tôi không nhớ nổi, nhưng chả có gì nhiều. Không thể nói chính xác đó là gì.”

Grindhusen nhìn tôi ngạc nhiên và bật cười to.

“Gì chứ? Không thể nhớ anh đã trả thứ gì cho họ sao?”

Rồi anh ta trở nên nghiêm túc, lắc đầu và bảo: “Không, tôi dám nói là anh không nhớ. Không. Đó là cung cách của anh khi anh có đủ hay thừa tiền.”

Cụ Gunhild bước ra khỏi nhà, trông thấy chúng tôi đứng đó cạnh đồng cũi, đang lãng phí thời gian với cuộc trò chuyện dông dài, bà bảo với Grindhusen tốt hơn anh ta nên bắt đầu sơn.

“Vậy ra giờ anh đổi sang nghề thợ sơn à?”

Grindhusen không đáp, và tôi thấy rằng tôi đã nói một điều không nên nói trước mặt những người khác.

III

Grindhusen làm việc đôi ba giờ với vữa và sơn. Và chẳng bao lâu một mé của ngôi nhà nhỏ, phía bắc, nhìn ra biển, đã sáng một màu đỏ vui tươi. Vào lúc nghỉ trưa, tôi bước ra và tới gần anh, với chút gì để uống, và chúng tôi nằm lăn ra đất một lúc, chuyện gẫu và hút thuốc.

“Thợ sơn? Không hẳn vậy, và đó là sự thật,” anh nói. “Nhưng nếu bất cứ một ai đi tới và hỏi tôi có thể sơn một bức tường không, sao chứ, dĩ nhiên là tôi có thể. Anh đã kiếm được thứ rượu Brændevin[2] loại nhất đấy.”

Vợ và hai đứa con của anh sống cách đó chừng bốn dặm, và anh về thăm họ mỗi Thứ bảy. Ngoài ra còn có hai cô con gái, cả hai đã trưởng thành, và một cô đã lấy chồng. Grindhusen đã lên chức ông ngoại. Ngay sau khi sơn xong ngôi nhà của cụ Gunhild – nó đã được sơn hai lớp – anh sẽ tới nhà của ông mục sư để đào một cái giếng. Luôn luôn có loại công việc nào đó phải thực hiện ở những ngôi làng. Khi đông tới, và sương giá bắt đầu dày lên, anh sẽ đi đốn gỗ trong rừng hoặc nằm lười nhát một thời gian ngắn, cho tới khi có việc gì khác xuất hiện. Giờ đây anh không phải chăm sóc một gia đình lớn, và ngày mai, không còn ngờ gì nữa, sẽ tự chăm sóc cho nó hết như hôm nay.

“Giá tôi có thể xoay sở được,” Grindhusen nói, “tôi biết tôi nên làm gì. Tôi sẽ kiếm cho mình một số dụng cụ thợ nề.”

“Vậy ra anh còn là một thợ nề nữa hả?”

“Ờ, không hẳn thế, và đó là sự thật. Nhưng khi đào xong cái giếng đó, sao chứ, nó sẽ cần có cái thành giếng, điều đó rất rõ ràng...”

Tôi thả bộ quanh đảo như thường lệ, nghĩ tới việc này việc khác. Bình an, bình an, một sự an bình siêu việt đến với tôi bằng một giọng nói thỉnh lặng từ mỗi cây cối trong rừng. Và giờ đây, bạn hãy nhìn xem, chỉ còn sót lại vài con chim nhỏ; chỉ có vài con quạ lặng lẽ bay từ nơi này sang nơi khác rồi đậu lại. Và những chùm quả thanh lương trà rụng xuống với một tiếng rơi thịch dỗi hờn rồi tự chôn mình vào đám rêu.

Có lẽ Grindhusen nghĩ đúng: chắc chắn ngày mai sẽ tự chăm nom cho nó, hết như hôm nay. Suốt hai tuần qua tôi không nhìn thấy một tờ báo nào, và với tất cả những điều đó, tôi vẫn ở đây, còn sống và khỏe mạnh, đang có một bước tiến triển lớn lao về thanh tĩnh nội tâm; tôi ca hát, ưỡn ngực và đứng quan sát những vì sao ban đêm với mái đầu trần.

Suốt mười tám năm qua tôi đã ngồi trong những quán cà phê, cất tiếng gọi người phục vụ nếu một chiếc đĩa không được sạch: tôi chưa bao giờ gọi Gunhild về việc những cái đĩa có sạch hay không! Giờ đã có Grindhusen, tôi tự nhủ; cậu có chú ý không khi anh ta đốt cái tẩu của mình lên, hay cách anh ta dùng que diêm cho tới đoạn cuối cùng nhưng chả bao giờ bị phỏng tay ra sao? Tôi trông thấy một con ruồi bò trên bàn tay của anh, nhưng anh cứ mặc cho nó bò; có lẽ anh chẳng bao giờ chú ý tới việc nó đang ở đó. Đó là cách mà một gã đàn ông nên cảm thấy đối với những con ruồi...

Vào lúc xế chiều, Grindhusen lấy thuyền và chèo đi. Tôi đi dọc bãi biển, hát cho mình nghe một chút, ném mấy hòn đá xuống nước, và lôi những mảnh gỗ trôi dạt lên bờ. Những vì sao đã hiện ra, và có cả vầng trăng. Sau vài giờ Grindhusen quay lại, với một bộ đồ nghề thợ nề xôm tụ đặt trong thuyền. Đã lấy trộm ở đâu đó, tôi nghĩ bụng. Chúng tôi vác phần của mỗi người, và giấu mấy thứ đồ nghề giữa những thân cây.

Sau đó đêm buông xuống, và mỗi người chúng tôi đi theo con đường riêng biệt của mình.

Grindhusen hoàn tất công việc sơn nhà vào xế trưa hôm sau, nhưng đồng ý tiếp tục chẻ củi cho tới sáu giờ để đủ một ngày công. Tôi đi ra chỗ chiếc thuyền của Gunhild và chèo ra biển câu cá, để không có mặt ở đó khi anh ra đi. Tôi không câu được con cá nào, và ngồi trên thuyền thì khá lạnh; tôi cứ nhìn đồng hồ đeo tay hết lần này sang lần khác. Cuối cùng, vào khoảng bảy giờ: hẳn giờ này anh ta đã đi rồi, tôi tự nhủ, và chèo trở về nhà. Grindhusen đã đặt chân lên đất liền, và gọi với sang tôi từ chỗ đó: “Farvell!” [\[3\]](#)

Từ đó khiến tôi run lên vì ấm áp; như thể nó là một tiếng gọi từ tuổi trẻ của tôi, từ những ngày của một thế hệ đã trôi qua.

Tôi chèo qua chỗ anh và hỏi:

“Anh có thể đào cái giếng đó một mình không?”

“Không, tôi sẽ phải tìm thêm một người nữa.”

“Nhận tôi đi,” tôi nói. “Hãy chờ tôi ở đây trong lúc tôi lên đó và giải quyết công chuyện ở ngôi nhà.”

Khi đi được nửa đường, tôi lại nghe tiếng Grindhusen gọi:

“Tôi không đợi suốt đêm ở đây được. Và dù sao thì tôi cũng không tin anh định làm điều đó.”

“Chỉ chờ một phút thôi mà. Tôi sẽ quay xuống ngay.”

Và Grindhusen ngồi xuống bãi biển chờ tôi. Anh biết tôi vẫn còn sót lại một ít thứ rượu Brændevin loại nhất đó.

IV

Chúng tôi tới nhà ông mục sư vào một ngày Thứ bảy. Sau nhiều ngờ vực, cuối cùng Grindhusen đã đồng ý nhận tôi làm bạn đồng hành. Tôi đã mua các thứ cần dùng và vài bộ đồ lao động, và hiện đang đứng đó, trong chiếc áo blu và đôi ủng cao cổ, sẵn sàng bắt tay vào việc. Tôi tự do và vô danh; tôi đã học được cách đi với những bước sải dài, nặng nề, còn về vẻ ngoài của một người làm công, tôi đã có sẵn điều đó ở cả gương mặt và hai bàn tay. Chúng tôi ngụ ngay trong nhà ông mục sư, và nấu ăn trong nhà ủ bia ở ngoài sân.

Và chúng tôi khởi sự đào.

Tôi thực hiện phần việc của mình, và Grindhusen không hề lăm lăm khi nhận tôi làm chung. “Nói cho cùng, anh sẽ trở thành một tay thợ loại nhất ở công việc này,” anh nói.

Sau khi chúng tôi đã làm việc một lúc, ông mục sư bước ra nhìn, và chúng tôi nhấc mũ chào. Ông là một người trọng tuổi, lạnh lẽ và lịch sự trong thái độ và lời lẽ; những nếp nhăn li ti tỏa thành hình rẽ quạt từ hai đuôi mắt, giống như những dấu vết của một ngàn nụ cười tử tế. Ông xin lỗi vì đã cắt ngang, và hy vọng chúng tôi không phiền – nhưng họ gặp rất nhiều rắc rối hàng năm khi lũ gà chui vào vườn. Chúng tôi có thể gác cái giếng lại một lúc, đi vòng quanh để xem xét hàng rào của khu vườn không? Cụ thể có một chỗ...

Grindhusen đáp: tất nhiên; chúng tôi sẽ lo liệu ổn thỏa việc ấy cho ông.

Thế là chúng tôi tới đó và dựng lại bức rào đổ. Trong lúc chúng tôi đang bận rộn, một tiểu thư bước ra và đứng nhìn. Chúng tôi nhã nhặn chào nàng, và tôi nghĩ trông nàng thật là xinh xắn. Sau đó một cậu trai đang lớn bước ra nhìn, và đưa ra mọi loại câu hỏi. Hai người này là chị em, không còn ngờ gì nữa. Và công việc tiếp tục khá dễ dàng với hai người trẻ tuổi đứng đó nhìn.

Rồi chiều xuống. Grindhusen đi về nhà, bỏ tôi ở lại. Đêm đó tôi ngủ trong vựa cỏ khô.

Ngày hôm sau là Chủ nhật. Tôi không dám mặc bộ quần áo thành thị vì trông chúng có vẻ vượt khỏi địa vị của tôi, nhưng cũng cố sức làm cho bộ quần áo lao động của tôi được tươm tất, rồi lười lỉnh dạo quanh khu vực trong sự tĩnh lặng của buổi sáng Chủ nhật. Tôi tán gẫu với những tay nông dân và nhập bọn với họ để chuyện trò vu vơ với mấy nàng thiếu nữ; khi chuông bắt đầu đổ báo hiệu giờ tới nhà thờ, tôi vào nhà để hỏi xem tôi có thể mượn một cuốn kinh cầu nguyện hay không, và con trai của ông mục sư tự tay mang tới cho tôi một cuốn. Một trong số mấy người đàn ông cho tôi mượn một cái áo khoác; thật sự, nó không đủ to, nhưng khi cởi cái áo blu và áo gi-lê ra, tôi cũng mặc vào được. Và thế là tôi tới nhà thờ.

Sự thanh tĩnh nội tâm tôi từng đạt được trước những nỗi đau để lập thân trên đảo chúng tôi vẫn còn quá bé nhỏ; với âm thanh run rẩy đầu tiên của chiếc đàn organ, tôi đã bị xé rời khỏi tâm trạng của mình và suýt bật khóc to. “Im lặng nào, đồ ngốc,” tôi tự nhủ, “đây chỉ là chứng suy nhược thần kinh.” Tôi đã chọn một chỗ ngồi tách rời khỏi số còn lại và cố hết sức che đậy cảm xúc của mình. Tôi rất mừng khi buổi lễ kết thúc.

Sau khi đã lược xong thịt và ăn bữa tối, tôi được mời vào bếp để uống một cốc cà phê. Và trong lúc tôi ngồi đó, Frøkenen^[4], người thiếu nữ mà tôi đã nhìn thấy hôm trước, bước vào; tôi đứng lên cúi đầu chào nàng và nàng gật đầu đáp lễ. Nàng thật quyến rũ, với tuổi trẻ và đôi bàn tay xinh xắn. Khi đứng lên đi ra, tôi quên mất bản thân và nói:

“Cô là người tử tế nhất, tôi chắc vậy, tiểu thư thân mến của tôi!”

Nàng ngạc nhiên nhìn tôi, cau mày, và màu hồng lan ra trên đôi má của nàng cho tới khi chúng đỏ ửng lên. Sau đó với một cái hất đầu, nàng quay lưng rời khỏi phòng. Nàng rất trẻ.

Chà, tôi đã làm một việc thật hay ho!

Khốn khổ tận tâm can, tôi len lén chuồn vào rừng để nấp. Đồ ngốc xấc xược, tại sao tôi không giữ mồm giữ miệng vậy nhỉ! Trong số tất cả những điều lố bịch để nói ra...

Nhà của ông mục sư nằm trên sườn một ngọn đồi nhỏ; từ đỉnh đồi, mảnh đất trải ra, bằng phẳng, với những khoảng cây rừng và khoảng trống xen nhau. Tôi chợt nhận ra đây mới là nơi thích hợp để đào cái giếng, rồi sau đó bắc một đường ống xuôi con dốc tới ngôi nhà. Khi tôi cố phán đoán tốt nhất độ cao, có vẻ như nó thừa sức tạo nên áp lực cần thiết; trên đường trở về, tôi ước chừng độ dài bằng cách đếm bước: hai trăm năm mươi bộ.

Nhưng nói cho cùng, phải chăng đó là công việc của tôi? Ôi chao, xin đừng để cho tôi lặp lại sai lầm lần nữa, và xúc phạm những người dân này bằng cách nói năng vượt quá địa vị của tôi.

V

Grindhusen lại tới vào sáng Thứ hai, và chúng tôi lao vào đào bới như trước. Ông mục sư già bước ra nhìn, và hỏi chúng tôi có thể giúp ông dựng một cây cột trên con đường tới nhà thờ hay chẳng. Ông rất cần tới cây cột đó; trước đây nó từng đứng đó, nhưng đã bị gió xô ngã; ông dùng nó để đóng lên những tấm bảng ghi chú và thông báo.

Chúng tôi dựng lên một cây cột mới, và gắng sức làm cho nó đứng thẳng như một cây nến trên giá nến. Tiện tay, chúng tôi cũng trùm kẽm lên đầu cột.

Trong lúc đang làm cái mũ trùm, tôi bảo Grindhusen đề nghị nên sơn đỏ cây cột; anh vẫn còn lại chút ít sơn đỏ từ công việc ở nhà cụ Gunhild. Nhưng ông mục sư muốn sơn nó màu trắng, và Grindhusen ngại việc cụ cãi nên thận trọng đồng ý với tất cả những gì ông nói, cho tới khi rốt cuộc tôi xen vào một lời, bảo rằng những bảng thông báo bằng giấy trắng sẽ nổi bật hơn trên màu đỏ. Khi nghe nói thế, ông mục sư mỉm cười, với những nếp nhăn vô tận quanh đôi mắt, và bảo: “Phải, phải, dĩ nhiên, anh hoàn toàn đúng.”

Và thế là đủ; chỉ cần nụ cười và câu nói rằng tôi đúng đã khiến lòng tôi rất đổi mừng rỡ, tự hào.

Sau đó Frøkenen xuất hiện, nói vài lời với Grindhusen; thậm chí còn nói đùa với anh, hỏi cái cột đỏ thẩm dựng trên đường đó để làm gì. Nhưng nàng không nói gì với tôi hết, thậm chí không thèm nhìn tới tôi khi tôi nhắc mũ.

Ngày hôm đó, bữa ăn là một thử thách đau đớn đối với tôi, không phải vì thức ăn tệ, mà vì Grindhusen, anh ăn món xúp với một cung cách đáng tởm, và mồm anh bóng nhờn mỡ.

“Anh ta sẽ như thế nào khi ăn cháo đặc nhỉ?” Tôi nghĩ thầm, bực bội.

Sau đó, khi anh ta ngã lưng vào chiếc ghế dài để nghỉ ngơi sau bữa ăn với cùng tình trạng mồm bóng mỡ đó, tôi nói thẳng với anh ta:

“Trời ơi, anh bạn, anh có chịu lau sạch miệng của anh không vậy?”

Anh ta nhìn tôi chằm chặp, đưa một bàn tay lên lau miệng. “Miệng hả?” anh ta nói.

Khi đó tôi cố biến nó thành một câu nói đùa và nói: “Haha, đúng đó!” Nhưng tôi bất mãn với chính mình, vì tất cả những điều đó, và rời khỏi nhà ủ bia ngay sau đó.

Rồi tôi chợt nghĩ tới Frøkenen. “Mình sẽ làm cho nàng phải trả lời khi mình chào nàng.” Tôi tự nhủ. “Mình sẽ để cho nàng sớm nhận ra mình không hề là một tên ngu ngốc.” Còn có công việc về cái giếng và đường ống nước; nếu tôi lập ra một kế hoạch để hoàn thành toàn bộ công trình thì sao nhỉ! Tôi không có dụng cụ để đo độ cao thấp của ngọn đồi... được thôi, tôi có thể tạo ra một thứ hữu dụng. Và tôi bắt tay vào việc. Một cái ống bằng gỗ, với hai cái chụp đèn gắn vào bằng mát tít, và tất cả chứa đầy nước.

Chẳng bao lâu tôi phát hiện ra có nhiều việc nho nhỏ cần để mắt tới ở nhà ông mục sư – những công việc vặt vãnh ở chỗ này chỗ khác. Một bậc thềm đá cần chỉnh cho thẳng lại, một bức tường cần được sửa; cái cầu thang bắc tới kho chứa thóc cần được kéo dài trước khi có thể đưa thóc vào. Ông mục sư thích mọi thứ trong nhà đều ngăn nắp và trật tự – và với chúng tôi tất cả cũng như nhau, khi xét tới việc chúng tôi được trả công theo ngày. Nhưng theo thời gian, tôi ngày càng trở nên mất kiên nhẫn với sự có mặt của người bạn làm chung. Ví dụ, việc nhìn thấy anh nhặt một ổ bánh từ bàn lên, kê nó sát vào ngực, rồi cắt ra một lát với một con dao bỏ túi bóng mỡ mà anh luôn luôn đưa vào miệng, thật là một cực hình đối với tôi. Và thêm nữa, anh thường không tắm rửa suốt cả tuần, từ Chủ nhật này sang Chủ nhật khác. Vào buổi sáng,

trước khi mặt trời ló dạng, và vào buổi chiều tối, sau khi nó đã lặn, luôn luôn có một giọt lấp lánh treo lủng lẳng ở chóp mũi của anh. Rồi tới những cái móng tay của anh! Còn về đôi lỗ tai của anh, đơn giản là chúng đã biến dạng.

Ôi chao! Tôi là một gã nhà giàu mới phát đã học được những cung cách tốt đẹp trong những quán cà phê thị trấn. Và do tôi không thể kèm chế được việc thảnh thơi nói với người bạn của tôi những gì tôi nghĩ về cung cách bắn thủ của anh, giữa chúng tôi đã nảy sinh một cảm giác khó chịu nhất định, và tôi sợ rằng chúng tôi sẽ sớm phải tách rời nhau. Do vậy, hầu như giờ đây chúng tôi không nói năng gì ngoài những điều cần thiết.

Và cái giếng còn đó, vẫn chưa đào xong như trước. Chủ nhật đến, và Grindhusen đã trở về nhà.

Hiện giờ tôi đã làm xong cái dụng cụ thí nghiệm của mình. Vào buổi xế trưa, tôi trèo lên mái nhà chính và đặt nó ở đó. Tôi nhìn thấy ngay rằng tầm nhìn cắt với sườn đồi nhiều mét bên trên đỉnh mái nhà. Tốt. Ngay cả khi hạ mực nước xuống một mét, vẫn còn đủ và thừa áp lực.

Trong lúc tôi bận bịu trên đó, con trai của ông mục sư nhìn thấy tôi. Cậu ta tên là Harald Meltzer. Và tôi đang làm gì trên đó? Đo ngọn đồi; để làm gì? Tôi muốn biết độ cao để làm gì? Tôi có thể cho cậu ta thử không?

Sau đó tôi tìm ra một khúc dây dài mười mét, và đo ngọn đồi từ chân tới đỉnh, với sự giúp đỡ của Harald Meltzer. Khi chúng tôi trở xuống nhà, tôi đề nghị được gặp ông mục sư, và nói với ông về kế hoạch của tôi.

VI

Ông mục sư nhần nại lắng nghe, và không phản đối ý tưởng đó ngay.

“Thật thế!” ông nói với một nụ cười. “Sao, có lẽ anh nói đúng. Nhưng việc này sẽ tốn bọn tiền. Vì sao chúng ta phải chuốc lấy phiền toái vì nó chứ?”

“Từ nhà tới cái giếng mà chúng tôi đã đào là bảy mươi bước. Các cô gái phải đi bảy mươi bước qua bùn lầy và tuyết các thứ trong mùa hè và mùa đông.”

“Điều đó đúng, vâng. Nhưng cái cách kia sẽ tiêu tốn một món tiền kinh khủng.”

“Không kể tới cái giếng – trong bất cứ trường hợp nào ông cũng phải có nó; toàn bộ việc lắp đặt, công làm và vật liệu, sẽ không hơn hai trăm Kroner,” tôi nói.

Ông mục sư có vẻ ngạc nhiên.

“Tất cả chỉ thế thôi sao?”

“Vâng.”

Tôi chờ một lát mỗi lần trước khi trả lời, như thể tôi có bản tính chậm chạp bẩm sinh. Nhưng thật ra tôi đã nghĩ tới mọi việc trước đó rồi.

“Nó sẽ rất thuận tiện, điều đó đúng,” ông mục sư trầm ngâm nói. “Và cái chậu nước trong bếp khá choán chỗ.”

“Và nó còn đưa nước tới các phòng ngủ nữa.”

“Tất cả các phòng ngủ đều ở tầng trên. Tôi e là nó sẽ không có tác dụng ở đó.

“Chúng ta có thể đưa các đường ống lên tầng một.”

“Anh nghĩ là có thể sao? Lên tới các phòng ngủ? Anh nghĩ là có đủ áp lực cho việc đó hả?”

Tới đây tôi chờ lâu hơn bình thường trước khi trả lời, như một gã lừ đừ chậm nghĩ, không thực hiện mọi việc một cách khinh suất.

“Tôi nghĩ tôi có thể trả lời với chiều cao của mái nhà,” tôi nói.

“Thật thế!” ông mục sư cảm thán. Và lại nói: “Đi và chỉ cho chúng tôi xem nơi anh nghĩ sẽ đào cái giếng.”

Chúng tôi đi lên đồi, ông mục sư, tôi, Harald, và tôi cho ông xem dụng cụ của tôi, chỉ cho ông thấy rằng sẽ có thừa áp lực.

“Tôi phải bàn với cậu kia về việc này,” ông nói.

Nhưng tôi gạt Grindhusen ra ngay lập tức, và bảo: “Grindhusen hả? Anh ta không biết gì về công việc này cả.”

Ông mục sư nhìn tôi.

“Thật thế ư?”

Sau đó chúng tôi đi xuống, ông mục sư như tự nói với mình:

“Hoàn toàn đúng, phải. Lấy nước vào mùa đông là một công việc vô tận. Và cả mùa hè nữa, về vấn đề đó. Tôi phải xem mấy người phụ nữ nghĩ thế nào về việc này.”

Và ông đi vào nhà.

Sau khoảng mười phút, tôi được gọi đi vòng ra mấy bậc thềm trước nhà; lúc này toàn bộ gia đình đang ở đó.

“Vậy ra anh là người sắp đưa nước vào nhà?” Fruen[5]nhã nhận nói.

Tôi nhấc mũ ra và cúi chào với một cung cách lừ đừ, nặng nề, và ông mục sư thay tôi đáp: phải, chính là người này.

Frøkenen liếc nhìn tôi với vẻ tò mò, rồi bắt đầu nói thì thầm với cậu em trai. Fruen tiếp tục với nhiều câu hỏi – nó có thật sự là một nguồn cung cấp nước như người ta có trong thị trấn, chỉ cần mở vòi nước và đã có sẵn nước? Cả cho các tầng trên? Hai trăm Kroner? “Thật sự, tôi nghĩ ông nên đồng ý,” bà nói với ông chồng.

“Bà nghĩ thế à? Được, chúng ta hãy đi lên đỉnh đồi, bàn tính mọi điều xem sao.”

Chúng tôi đi lên đồi, tôi dựng cái máy đo lên và để cho họ nhìn qua.

“Tuyệt diệu!” Fruen nói.

Nhưng Frøkenen không hề nói lời nào.

Ông mục sư hỏi:

“Nhưng anh có chắc là ở đây có nước không?”

Tôi thận trọng trả lời, như một người có phán xét tỉnh táo, rằng đó không phải là một điều có thể đoán chắc trước, nhưng có mọi dấu hiệu của nước.

“Những dấu hiệu nào vậy?” Fruen hỏi.

“Bản chất của đất. Và bà sẽ nhận ra rằng có liễu và liễu gai mọc quanh đây. Và chúng thích đất ẩm.”

Ông mục sư gật đầu và bảo:

“Anh ta biết công việc của mình, Marie, bà có thể thấy.”

Trên đường trở về, Fruen đi xa tới mức đưa ra một lý luận hoàn toàn không có gì bảo đảm rằng bà có thể xoay sở để giảm bớt một người hầu khi nước đã được dẫn vào nhà. Để không làm bà thất vọng, tôi xen vào:

“Ít nhất bà có thể vào mùa hè. Bà có thể tưới cả khu vườn với một cái ống gắn vào vòi và đưa ra ngoài qua cửa sổ tầng hầm.”

“Tuyệt diệu!” bà cảm thán.

Nhưng tôi không mạo hiểm tới mức nói về việc đưa một đường ống vào chuồng bò. Tôi đã nhận ra rằng với một cái giếng có kích thước gấp đôi, một đường ống phụ băng ngang qua sân, có thể tiết kiệm số người giúp việc vắt sữa ngang với số người giúp việc bếp núc trong nhà. Nhưng điều đó sẽ cũng sẽ tăng gần gấp đôi chi phí. Không, việc đưa ra một dự án lớn như thế không khôn ngoan tí nào.

Dù sao đi nữa, tôi phải đồng ý chờ cho tới khi Grindhusen trở lại. Ông mục sư bảo ông muốn cân nhắc kỹ.

VII

Thế nên giờ đây tôi phải tự mình nói với Grindhusen, và chuẩn bị tinh thần cho anh trước sự sắp xếp mới. Và để anh không hướng sự ngờ vực vào mình, tôi đổ mọi thứ cho ông mục sư, bảo rằng đó là ý tưởng của ông, nhưng tôi cũng ủng hộ ông. Grindhusen không phản đối; anh nhận ra ngay điều đó có nghĩa là chúng tôi có thêm việc làm, vì trong bất cứ trường hợp nào chúng tôi cũng phải đào giếng, ngoài ra còn những mương đặt đường ống nữa.

May làm sao, vào sáng Thứ hai ông mục sư bước ra và nói nửa đùa nửa thật với Grindhusen:

“Người bạn của anh đây và tôi đã quyết định sẽ đào giếng trên đồi, và đưa một đường ống tới nhà. Anh nghĩ sao về việc đó? Một ý tưởng điên rồ?”

Grindhusen nghĩ đó là một ý tưởng loại nhất.

Nhưng khi chúng tôi bàn bạc và cả ba người cùng đi lên để xem vị trí đào giếng, Grindhusen bắt đầu nghi ngờ tôi đánh giá tới việc này nhiều hơn mức tôi nói. Chúng tôi nên hạ thấp đường ống, anh nói, khi xét tới sương giá...

“Một mét ba mươi là khá rồi,” tôi nói.

... và điều đó sẽ tốn một món tiền to.

“Bạn anh đây đã nói tất cả chỉ tốn hai trăm Kroner,” ông mục sư trả lời.

Grindhusen không biết gì về việc ước đoán, và chỉ có thể nói:

“Tốt, tốt, dù sao thì hai trăm Kroner là một khoản tiền lớn.”

Tôi nói:

“Ở Aabot sẽ ít hơn nhiều khi ông dời đi.”

Ông mục sư kinh ngạc nhìn tôi.

“Aabot? Nhưng tôi đâu có nghĩ tới việc rời khỏi nơi này,” ông nói.

“Sao, vậy thì ông sẽ sử dụng nó hết công suất. Và có thể ông sẽ tận hưởng nó trong suốt nhiều năm,” tôi nói.

Tới đây ông mục sư nhìn tôi chăm chú, rồi hỏi:

“Anh tên gì vậy?”

“Knut Pedersen.”

“Anh từ đâu đến?”

“Từ Nordland.”

Nhưng tôi hiểu vì sao ông hỏi, và quyết không nói theo cung cách sách vở đó thêm nữa.

Dù sao, cái giếng và đường ống đã được quyết định, và chúng tôi bắt tay vào việc...

Những ngày kế tiếp khá vui vẻ. Thoạt tiên tôi hơi lo âu về việc chúng tôi có thể tìm ra nước ở trên đồi hay không, và tôi ngủ không ngon giấc trong vài đêm. Nhưng khi nỗi sợ đó qua đi, tất cả những gì còn lại là công việc giản đơn, minh bạch. Có đủ nước; sau vài hôm chúng tôi phải dùng xô múc nước ra mỗi buổi sáng. Ở dưới thấp hơn là đất sét, và chẳng bao lâu quần áo của chúng tôi đã trở nên thấm hại vì công việc.

Chúng tôi đào một tuần, và tuần kế tiếp thu lượm đá để xây thành giếng. Đây là công việc mà cả hai chúng tôi đã quen thuộc từ những ngày trước ở Skreia. Sau đó, chúng tôi đào tiếp một tuần nữa, tới lúc này chúng tôi đã đào được đủ sâu. Đáy giếng sớm mềm đi đến nỗi chúng tôi

phải bắt đầu xây thành ngay, không thì những bức tường đất sét sẽ đổ ập lên đầu chúng tôi.

Tuần lại tuần cứ thế trôi qua, với công việc đào và xây. Đó là một cái giếng lớn, và là một công trình đẹp đẽ; ông mục sư rất hài lòng về nó. Grindhusen và tôi bắt đầu hòa hợp với nhau hơn; và khi anh nhận ra tôi không đòi hỏi gì hơn là một khoản tiền công công bằng, dù phần lớn công việc được thực hiện dưới sự hướng dẫn của tôi, anh mong muốn làm một điều gì đó để đền đáp cho tôi, và lưu tâm hơn tới cách xử sự ở bàn ăn của mình. Tôi hoàn toàn không thể ước ao có được một khoảng thời gian hạnh phúc hơn; và chẳng có thứ gì trên đời có thể thuyết phục tôi quay lại cuộc sống thị trấn thêm lần nữa!

Vào những chiều tối, tôi đi lang thang trong rừng, hay trong khu nghĩa trang, đọc những câu khắc trên các mộ bia, suy nghĩ tới chuyện này chuyện khác. Tôi cũng tìm kiếm một cái móng tay từ một cái xác nào đó. Tôi muốn có một cái móng tay; đó là một ham thích của tôi, một ý thích bất chợt nhỏ nhoi. Tôi đã tìm được một mẫu rễ bạch dương xinh xắn mà tôi muốn chạm thành một cái tẩu với hình dáng một nắm tay nắm chặt; ngón cái sẽ là cái nắp, và tôi muốn có một cái móng tay để dán vào, làm cho nó đặc biệt giống như thật. Ngón đeo nhẫn sẽ có một chiếc nhẫn nhỏ xíu vòng quanh.

Việc suy nghĩ về những chuyện vặt vãnh như thế khiến tâm trí tôi bình thản và thoải mái. Giờ đây tôi không còn vội vã với bất kỳ điều gì trong cuộc sống. Tôi có thể mộng mơ tùy thích, không có gì khác để làm; những chiều tối là của riêng tôi. Nếu có thể, tôi cũng sẽ tới xem và bày tỏ một cảm giác tôn kính nào đó đối với sự thiêng liêng của nhà thờ và sự kinh khủng của cái chết; tôi vẫn còn một ký ức về sự thần bí từ những ngày mà giờ đây đã tụt lại sau lưng rất xa, và ước gì tôi có thể có chút phần chia sẻ nào trong đó thêm lần nữa. Có lẽ khi tôi tìm được cái móng tay đó, từ những ngôi mộ sẽ phát ra một giọng nói: “Đó là của tôi!” và tôi sẽ buông rơi cái móng tay trong niềm khiếp hãi, rồi co giò bỏ chạy.

“Tôi ước gì cái chong chóng trên kia đừng có kêu cọt kẹt như thế,” thỉnh thoảng Gridnhusen lại nói.

“Anh sợ à?”

“Ồ, không hẳn là sợ; không. Nhưng đôi khi nó mang tới cho anh một cảm giác ghê ghê khi nghĩ tới tất cả những cái xác đang nằm đó rất gần.”

Con người hạnh phúc!

Một hôm Harald chỉ tôi cách trồng quả thông và những bụi cây nhỏ. Trước kia tôi không biết tới loại công việc này; hồi còn đi học chúng tôi không học thứ này. Nhưng giờ khi đã thấy cách làm, tôi bận bịu trồng cây vào những ngày Chủ nhật; và để đáp lại, tôi dạy cho Harald một hai thứ nhỏ nhỏ mới mẻ đối với lứa tuổi của cậu ta, và chúng tôi trở thành bạn bè.

VIII

Mọi thứ hẳn sẽ tốt đẹp nếu không vì Frøkenen, cô con gái trong nhà. Càng ngày tôi càng ưa thích nàng hơn. Tên của nàng là Elischeba, Elisabeth. Có lẽ không đẹp sắc sảo; nhưng nàng có đôi môi đỏ thắm, và một ánh mắt thiếu nữ biếc xanh buộc người ta phải nhìn thấy vẻ đẹp của nàng. Elischeba, Elisabeth – con của bình minh đầu tiên của cuộc đời, với đôi mắt nhìn xuống cõi trần. Một chiều nọ nàng nói chuyện với chàng trai Erik đến từ Gaard (khu vườn) lân cận, và đôi mắt nàng tràn ngập sự ngọt ngào và một thứ gì đó chín muồi.

Với Grindhusen thì mọi việc đều tốt đẹp. Anh đã săn lùng các cô gái hồi còn trẻ, và vẫn còn lượn lờ với cái mũ kéo lệch sang một bên, do thói quen. Nhưng giờ đây anh khá lạnh lẽo và thuần tính, có thể nói thế – đó là cung cách của tự nhiên. Nhưng có một số người không theo cung cách tự nhiên và trở nên thuần tính; và rốt cuộc làm sao nó thích hợp với họ? Rồi còn có Elisabeth bé bỏng; và nàng không hề bé nhỏ chút nào, mà cao như mẹ nàng. Và nàng giống mẹ nàng như đúc.

Từ hôm Chủ nhật đầu tiên đó, họ không còn mời tôi vào bếp uống cà phê, và tôi tự lo cho mình nếu họ không quan tâm, nhưng tránh xa họ. Tôi vẫn còn xấu hổ khi nhớ lại. Nhưng rồi, cuối cùng, vào giữa tuần, một trong các cô hầu tới với một tin nhắn rằng tôi đừng bỏ vào rừng mỗi chiều Chủ nhật nữa, mà hãy tới uống cà phê với những người còn lại. Chính Fruen đã nói thế.

Tốt!

Bây giờ tôi có nên mặc bộ đồ đẹp nhất hay không? Không có hại gì, có lẽ, trong việc để cho nàng thiếu nữ đó nhận ra rằng tôi là một kẻ đã chọn cách quay lưng khỏi cuộc sống thành đô, khoác lớp áo nguy trang của một người giúp việc, vì tôi là một người trong số họ, có thể đưa nước vào một ngôi nhà. Nhưng khi đã mặc đồ xong, tôi cảm thấy bộ quần áo lao động của tôi giờ thích hợp với tôi hơn; tôi lại cởi bộ đồ đẹp nhất ra, và cẩn thận giấu chúng trong giỏ xách.

Nhưng, như chuyện đã xảy ra, Frøkenen không phải là người tiếp đón tôi vào chiều Chủ nhật đó, mà là Fruen. Bà trò chuyện với tôi một lúc, và đã trải một mảnh vải trắng bên dưới cốc của tôi.

“Cái kiểu ăn trứng của anh có khả năng khiến chúng tôi phải tiêu tốn thêm trước khi chúng tôi ăn xong,” Fruen nói với tiếng cười nhân hậu. “Thằng bé đã ăn hết nửa chục trứng rồi.”

Tôi đã dạy Harald cách tuồn một quả trứng đã luộc chín còn vỏ qua cổ một cái bình thon cổ, bằng cách rút bớt không khí bên trong. Đó là thí nghiệm vật lý duy nhất mà tôi biết.

“Nhưng cái cách bẻ gãy chiếc que trong hai thòng lọng giấy thì thật sự thú vị,” Fruen nói tiếp. “Bản thân tôi không hiểu loại đó... Nhưng khi nào thì cái giếng hoàn thành?”

“Cái giếng đã xong. Mai chúng tôi bắt đầu đào mương.”

“Việc đó mất bao lâu?”

“Khoảng một tuần. Rồi người thợ có thể tới và đặt các đường ống.”

“Không! Thật thế sao?”

Tôi nói lời cảm ơn rồi bước ra. Fruen có một cách thức mà bà đã duy trì từ nhiều năm trước, không còn ngờ gì nữa; thi thoảng bà lại liếc mắt sang một phía, dù không có chút ranh mãnh nào trong những gì bà nói...

Lúc này cánh rừng phô bày một lớp lá vàng ở nơi này nơi khác, mặt đất và không khí bắt đầu

tỏa mùi của mùa thu. Hiện chỉ có những cây nấm đang phát triển tối đa, lú lên ở khắp nơi, và nảy nở dày đặc xum xuê trên những nhánh gỗ – nấm sữa, và loại nấm thường, và nấm nâu. Đó đây, một cây nấm độc vươn cao cái mũ nấm lốm đốm, khoe màu đỏ rực một cách không xấu hổ. Một sự vật kỳ diệu! Ở đây nó mọc trên cùng một chỗ với các loại nấm không độc, được bồi bổ bởi cùng loại đất, ánh mặt trời và mưa xuống từ trời như chúng; nó bổ dưỡng và đậm đà, ăn ngon, chỉ trừ việc nó đầy chất muscarin độc hại. Có lần tôi đã nghĩ tới việc bịa ra một câu chuyện cổ hay ho về loài nấm độc, và bảo rằng tôi đã đọc được trong một cuốn sách.

Với tôi, luôn là một lạc thú khi ngắm nhìn những loài hoa và côn trùng trong cuộc đấu tranh sinh tồn của chúng. Khi mặt trời nóng lên chúng sẽ quay lại với sự sống, và tận hưởng trong khoảng một giờ niềm hân hoan cũ; những con ruồi to, mạnh mẽ cũng linh hoạt không kém gì lúc giữa mùa hạ. Ở đây có một loại rệp đất mà tôi chưa từng thấy trước đó – những con vật nhỏ bé màu vàng, không to hơn một dấu phẩy cỡ nhỏ, thế nhưng chúng có thể nhảy một khoảng cách gấp nhiều ngàn lần chiều dài của chúng. Hãy nghĩ tới sức mạnh của một cơ thể trong tỷ lệ kích thước của nó! Có một loài nhện tí hon với bộ phận cản trở giống như một chiếc giáo màu vàng nhạt. Và chiếc giáo nặng tới mức con vật phải trèo ngược đầu lên một cọng cỏ. Và khi gặp một vật chướng ngại mà chiếc giáo không thể vượt qua, nó chỉ đơn giản buông mình thẳng xuống và bắt đầu một cuộc leo trèo khác. Một con nhện-giáo như thế không chỉ là một con nhện mà thôi đâu. Nếu tôi chìa một chiếc lá về phía nó để giúp nó đặt chân lên một cái nền, nó dọ dẫm một lúc trên chiếc lá, và tự nhủ: “Hừm, có gì đó không ổn ở việc này!” và lui trở lại, từ chối bị mắc bẫy trên một cái nền với bất cứ giá nào...

Từ mé dưới khu rừng có ai đó gọi tên tôi. Đó là Harald; cậu ta đã bắt đầu một buổi dạy học ngày Chủ nhật với tôi. Cậu ta cho tôi học một bài học trích từ Pontoppidan^[6], và lúc này cậu ta đang nghe tôi đọc. Thật xúc động khi giờ đây được dạy về tôn giáo khi lẽ ra tôi phải tự học hồi còn bé.

IX

Cái giếng đã hoàn thành, mương đã đào xong, và người thợ đã tới để đặt những đường ống. Anh ta chọn Grindhusen giúp mình làm việc, và tôi được cắt cử mở một con đường cho những đường ống chạy lên từ tầng hầm qua hai tầng của ngôi nhà.

Một hôm Fruen đi xuống khi tôi đang bận rộn trong tầng hầm. Tôi cất tiếng gọi bà để nhắc bà để ý tới cái hố trên sàn nhà, nhưng bà tỏ ra rất bình thản.

“Giờ thì chưa có cái hố nào ở đó, phải không?” bà hỏi, chỉ sang một phía. “Hay ở đó?” Nhưng rốt cuộc bà vẫn bị vấp, và trượt vào cái hố tôi đang đứng. Và chúng tôi đứng đó. Dù sao thì ở đó không được sáng; và với bà, vừa đi vào từ ánh sáng phía ngoài, hẳn nó phải tối đen. Bà sờ soạng cạnh hố và bảo:

“Làm sao tôi trở lên lại đây?”

Tôi nhắc bà lên. Chuyện này không có gì đáng nói; bà có một thân hình mảnh khảnh, dù đã có một cô con gái lớn.

“Chà, tôi phải nói là...” Bà đứng lên, phủi đất ra khỏi chiếc váy. “Một, hai, ba, và lên – gọn gàng hết sức.... Nghe này, tôi muốn anh giúp tôi vài việc trên gác hôm nào đó, được không? Tôi muốn dờn một số đồ đạc. Chỉ có điều chúng ta phải đợi tới hôm chồng tôi làm xong phần chái; ông ấy không thích việc tôi di chuyển các thứ. Bao lâu nữa anh mới làm xong mọi thứ ở đó để làm tại đây?”

Tôi nói ra một thời gian, một tuần hay khoảng đó.

“Rồi anh sẽ đi đâu?”

“Tới nông trại gần đây. Grindhusen đã xác định chúng tôi sẽ tới đào khoai ở đó...”

Sau đó là công việc trong bếp; tôi phải cưa xuyên qua sàn nhà ở đó. Tiểu thư Elisabeth vào bếp một hai lần trong lúc tôi đang ở đó; hầu như không thể làm khác được khi xét tới việc đây là nhà bếp. Và dù không ưa tôi, nàng cố nói một đôi từ, và đứng nhìn tôi làm việc một lúc.

“Cứ tưởng tượng, Oline ạ,” nàng nói với người giúp việc, “khi mọi thứ xong xuôi, và bà chỉ cần mở một cái vòi nước.”

Nhưng Oline, đã già, trông không có gì vui vẻ. Việc đưa nước qua một cái ống thẳng vào nhà giống như chống lại Đấng Toàn năng, bà nói. Bà đã xách tất cả số nước bà cần trong suốt hai mươi năm qua, giờ bà sẽ làm gì?

“Nghỉ ngơi,” tôi nói.

“Nghỉ ngơi, đúng thật là! Chúng ta được tạo ra để làm việc. Tôi chọn công việc chứ không phải nghỉ ngơi.”

“Và may vá các thứ để chống lại thời gian bà có chồng,” Frøken Elisabeth nói, với một nụ cười.

Đó chỉ là cách nói của con gái, nhưng tôi biết ơn nàng về việc tham gia một phần nhỏ trong cuộc chuyện trò và ở đó một lúc. Và lạy Trời, tôi đã cố cư xử nói năng một cách thông minh và hợp lý, cố thu hút sự chú ý như một cậu con trai. Tôi vẫn còn nhớ. Rồi đột nhiên dường như Frøken Elisabeth nhớ ra việc ở đây với chúng tôi lâu hơn là không thích hợp, vì thế nàng đi.

Chiều hôm đó tôi ra nghĩa trang, như từng làm trước đó nhiều lần, nhưng khi nhìn thấy Frøkenen đã có mặt ở đó, tôi quay đi, bước vào rừng. Sau đó tôi nghĩ: chắc chắn giờ đây nàng sẽ cảm động vì sự khiêm tốn của tôi, và nghĩ: anh chàng tội nghiệp, anh ta tỏ ra thật sự thanh

lịch trong việc đó. Và điều kế tiếp, tất nhiên, là tưởng tượng rằng nàng đi theo tôi. Tôi sẽ đứng lên từ tảng đá đang ngồi và cất tiếng chào hỏi. Khi đó nàng sẽ bối rối chút đỉnh và nói: “Tôi chỉ đi tản bộ một chút – chiều hôm nay thật đẹp – anh đang làm gì ở đây vậy?” “Chỉ ngồi đây thôi,” tôi đáp, với đôi mắt thơ ngây, như thể những ý nghĩ của tôi đã biến đi đâu hết. Và khi nghe nói tôi chỉ ngồi đó trong chiều muộn, nàng phải nhận ra rằng tôi là một gã mơ mộng và một tâm hồn có chiều sâu tiềm ẩn, và rồi nàng sẽ yêu tôi...

Chiều hôm sau nàng lại có mặt ở nghĩa trang, và một ý nghĩ rất tự cao tự đại đột ngột bay vào tâm trí của tôi: nàng đến là để gặp tôi! Nhưng, khi quan sát nàng kỹ hơn, tôi thấy rằng nàng đang bận rộn làm gì đó cạnh một ngôi mộ, vậy là nàng tới không phải vì tôi. Tôi len lén đi tới chỗ gò mồi trong rừng và quan sát những con côn trùng một lúc lâu; sau đó, tôi ngồi lắng nghe tiếng rơi của những quả thông và những chùm quả thanh lương trà. Tôi ngâm nga một giai điệu, huyết sáo cho mình nghe và suy nghĩ; thỉnh thoảng tôi phải đứng lên đi một chút để làm ấm người. Nhiều giờ trôi qua, đêm buông xuống, và tôi yêu nàng đến nỗi tôi bước đi ở đó với mái đầu trần, để lộ mọi vẻ mặt ra trước ánh nhìn đăm đăm của những vì sao.

“Mấy giờ rồi?” Grindhusen có thể sẽ hỏi khi tôi quay về cái kho thóc.

“Vừa hết mười một giờ,” tôi sẽ đáp, dù có thể đã là hai ba giờ sáng.

“Chà! Và là một giờ hay ho để lên giường. Fansmagt! Đánh thức người ta khi họ đang say giấc!”

Và Grindhusen trở người để rơi lại vào giấc ngủ trong khoảnh khắc. Với Grindhusen thì không có gì rắc rối.

Phải, đúng là một gã đàn ông sẽ trở nên ngốc nghếch quá mức khi yêu trong lứa tuổi chớm tàn. Và ai là người có thể chỉ ra một phương cách để tìm được sự yên tĩnh thanh bình trong tâm trí?

X

Một người đàn ông tới vì mấy thứ đồ nghề thợ nề của mình; anh ta muốn lấy lại chúng. Gì chứ? Vậy ra Grindhusen không lấy cắp chúng! Nhưng Grindhusen luôn là thế: tầm thường, tối dạ, không hề xuất chúng trong bất cứ việc gì, chưa bao giờ là một tâm hồn cao thượng.

Tôi nói:

“Anh đó, Grindhusen, ở anh chả có gì khác ngoài ăn, ngủ và làm việc. Giờ thì một gã tới để lấy mấy thứ đồ nghề đó. Vậy là anh chỉ mượn chúng; anh chỉ giỏi những việc đó. Tôi sẽ không trở thành anh vì bất cứ thứ gì.”

“Đừng có ngốc thế,” Grindhusen nói.

Anh ta bị xúc phạm, nhưng tôi lại xoa dịu anh ta, như từng làm nhiều lần trước đó, bằng cách vờ rằng tôi chỉ nói đùa.

“Giờ chúng ta sẽ làm gì?” anh ta hỏi.

“Anh sẽ xoay xở tốt thôi,” tôi đáp.

“Xoay xở, được sao?”

“Phải, không thì tôi sai lầm nhiều lắm.”

Và một lần nữa Grindhusen dịu xuống.

Nhưng vào lúc nghỉ giữa trưa, khi đang cắt tóc cho anh, tôi lại chọc giận anh khi đề nghị anh nên gội đầu.

“Một người ở tuổi của anh nên hiểu biết hơn để đừng nói những câu như thế,” anh nói.

Và có Trời biết, nhưng có thể anh nói đúng. Mái tóc đỏ của anh vẫn dày như cũ, dù anh đã có cháu ngoại rồi...

Chuyện gì sắp xảy đến với cái kho thóc của chúng tôi? Có những hồn ma quanh quất hay không? Ai đã đột ngột tới đó một ngày kia và quét dọn sạch sẽ nơi đó, biến mọi thứ trở nên dễ chịu và ngăn nắp? Grindhusen và tôi, mỗi người có chỗ ngủ của mình; tôi có mua hai tấm chăn, nhưng hàng đêm anh đi ngủ với đầy đủ quần áo, anh khoác mọi thứ đó lên mình, rồi cuộn người vào đồng cỏ khô. Và lúc này hai tấm chăn của tôi nằm gọn gàng, chờ đợi toàn thể gian như một cái giường. Tôi không phản đối việc này; chắc chắn là một trong số những người giúp việc đã sắp xếp để dạy tôi những cách thức ngăn nắp và trật tự. Với tôi thì không có gì khác biệt.

Giờ tôi đã sẵn sàng để bắt đầu cắt qua sàn nhà ở tầng trên, nhưng Fruen năn nỉ tôi hãy dời việc đó qua hôm sau; chồng bà sẽ hoàn tất cái chái, và tôi không nên làm phiền ông. Nhưng sáng hôm sau, chúng tôi lại phải hoãn nó lần nữa; Frøken Elisabeth sẽ tới cửa tiệm để mua vô số thứ, và tôi cùng đi với nàng để mang chúng.

“Tốt,” tôi nói, “tôi sẽ tiếp tục làm sau vậy.”

Cô gái lạ lùng! Phải chăng nàng đã nghĩ tới việc thôi đi chung với tôi trên đường? nàng nói:

“Nhưng anh nghĩ anh có thể một mình tìm ra đường đi không?”

“Chắc chắn, tôi từng tới đó trước đây. Đó là nơi chúng tôi mua sắm đồ cho mình.”

Tôi không thể băng qua cả ngôi làng trong bộ quần áo lao động lấm lem đất sét: tôi mặc cái quần tốt nhất, nhưng khoác lên người cái áo blu. Cứ thế tôi đi ở phía sau. Chặng đường dài khoảng hai dặm; ở phần cuối chặng đường thảnh thơi tôi nhìn thấy Frøken Elisabeth ở phía trước, nhưng tôi cẩn thận không tới gần. Có lần nàng nhìn quanh, lúc ấy tôi thu người bé lại hết

mức, và nép vào bìa rừng.

Sau khi mua sắm xong, Frøken Elisabeth ở lại sau với vài cô bạn gái; tôi mang các thứ trở về nhà vị cha xứ, tới nơi vào khoảng giữa trưa, và được mời vào ăn trong bếp. Ngôi nhà có vẻ vắng người. Harald đi vắng, những người hầu đang vắt quần áo, chỉ có Oline bận rộn trong bếp.

Sau bữa ăn, tôi lên gác, và bắt đầu cưa trong hành lang.

“Anh tới đây giúp tôi một tay được không?” Fruen nói, bước tới trước mặt tôi.

Chúng tôi đi qua thư phòng của chồng bà và vào phòng ngủ.

“Tôi muốn dời cái giường của tôi,” Fruen nói. “Nó quá gần lò sưởi vào mùa đông, và tôi không chịu nóng được.”

Chúng tôi dời cái giường tới cửa sổ.

“Anh có nghĩ nó ở đây thì tốt hơn không? Mát hơn,” bà nói.

Và, tình cờ liếc sang bà, tôi thấy bà đang quan sát tôi với cái nhìn nghiêng kỳ quặc đó... Phải... Trong khoảnh khắc cả người tôi tươi tỉnh, tràn máu nóng và sự xuẩn ngốc. Tôi nghe bà nói:

“Anh điên à? – Ồ không, xin anh đẩy... cánh cửa...”

Rồi tôi nghe tên tôi được thì thầm lặp đi lặp lại...

Tôi cưa qua sàn nhà trong hành lang, và hoàn tất mọi thứ. Fruen ở đó suốt buổi. Suốt buổi, bà nôn nao nói, giải thích, cười và khóc.

Tôi nói:

“Cái bức tranh treo trên giường bà đó, có dời cả nó đi hay không?”

“Vâng, có lẽ nên dời,” Fruen nói.

XI

Giờ thì mọi đường ống đã đặt xong, các vòi nước đã được lắp; nước bắn vào bồn với một tia mạnh mẽ. Grindhusen đã mượn những thứ đồ nghề chúng tôi cần từ một nơi khác, nhờ thế chúng tôi có thể trám lại những còn lỗ còn sót dây đó; thêm hai ngày nữa, chúng tôi lấp đầy con mương xuôi sườn đồi, và công việc ở nhà ông mục sư hoàn tất. Ông rất hài lòng; ông đề nghị dán một thông báo trên cây cột đỏ nói rằng chúng tôi là những chuyên gia về giếng, đường ống và cấp nước, nhưng xét tới việc đã quá muộn trong năm, và sương giá có thể rơi vào bất cứ lúc nào, điều đó chẳng ích lợi mấy cho chúng tôi. Chúng tôi xin ông thay vì vậy nên nhớ tới chúng tôi vào mùa xuân sau.

Sau đó chúng tôi tới nông trại kế bên để đào khoai tây, hứa sẽ ghé thăm lại nhà ông vào dịp nào đó.

Có nhiều nhân công đang làm ở nơi mới; chúng tôi chia thành nhiều nhóm và khá là vui vẻ. Nhưng công việc này sẽ không kéo dài tới một tuần; sau đó chúng tôi sẽ phải di chuyển tiếp.

Một chiều nọ ông mục sư ghé tới và đề nghị nhận tôi làm người giúp việc đồng áng ở nhà ông. Đó là một đề nghị tốt đẹp, và tôi suy nghĩ về nó một lúc, nhưng rốt cuộc từ chối. Tôi thà đi lang thang và tự làm chủ chính mình còn hơn, làm những công việc tôi có thể tìm được dây đó, ngủ ngoài trời, tìm ra một điều vật vãnh để suy tư. Ở đây, trong những cánh đồng khoai tây, tôi gặp một người tôi có thể kết bạn khi Grindhusen đã đi. Người mới này là một anh chàng có tâm hồn giống như tôi, và từ những gì tôi đã nghe và nhìn thấy, gã là một lao động giỏi; gã tên là Lars Falkberget, nhưng gã tự gọi mình là Falkenberg (Cái tên sau có một âm thanh nổi bật hơn là cái tên địa phương mộc mạc Falkberget).

Anh chàng Erik trẻ tuổi là đốc công và giám thị phụ trách những nhân công đào khoai, và chở khoai thu hoạch về nhà. Cậu ta là một gã trai hai mươi đẹp mã, điềm tĩnh và khỏe mạnh ở lứa tuổi của mình, và là đứa con trai đích thực của ngôi nhà. Không ngờ gì nữa, giữa cậu ta và Frøken Elisabeth ở nhà ông mục sư có một quan hệ nào đó, xét tới việc một hôm nọ nàng tới đó và đứng nói chuyện với cậu ta ở giữa đồng một lúc. Khi nàng sắp đi, nàng cũng tìm ra vài lời để nói với tôi, rằng Oline bắt đầu quen với những thiết bị ống nước và vòi nước mới.

“Thế còn cô? tôi hỏi.

Vì lịch sự, nàng cũng trả lời câu hỏi này, nhưng tôi có thể thấy nàng không muốn ở lại trò chuyện với tôi.

Nàng ăn mặc thật dễ thương, với một tấm áo choàng nhẹ mới tinh rất hợp với đôi mắt xanh biếc của nàng...

Ngày hôm sau Erik gặp một sự cố; ngựa của cậu ta đã lồng lên, lôi cậu ta ngang qua những cánh đồng và cuối cùng quăng cậu ta vào một cái hàng rào. Cậu ta thâm tím cả người và chảy máu đầm dề; vài giờ sau, khi hồi tỉnh lại, cậu ta vẫn còn chảy máu. Lúc này Falkenberg được cử làm người đánh xe.

Tôi vờ đau buồn trước chuyện đã xảy ra, và đi lòng vòng, lặng lẽ và buồn rầu như số còn lại, nhưng tôi không hề cảm thấy như thế. Thật sự, tôi không hề hy vọng có Frøken Elisabeth cho mình; tuy nhiên, tôi đã tổng khứ được kẻ được nàng ban ân huệ nhiều hơn tôi.

Chiều hôm đó tôi tới khu nghĩa trang và ngồi ở đó một lúc. Ước gì nàng tới, tôi nghĩ bụng. Và mười lăm phút sau nàng tới. Tôi đột ngột đứng lên, hoàn toàn theo dự tính trước, vờ như thể sẽ chuẩn đi và trốn, rồi tôi dừng lại, đứng một cách bất lực và nhượng bộ. Nhưng tới đây mọi

dự định và kế hoạch của tôi bỏ rơi tôi, và tôi hoàn toàn yếu ớt khi nàng tới gần đến thế; tôi bắt đầu nói đôi điều.

“Erik – nghĩ tới việc đã xảy ra – và hôm qua...”

“Tôi đã biết chuyện đó,” nàng đáp.

“Cậu ta bị thương nặng.”

“Vâng, vâng, dĩ nhiên, anh ta bị thương nặng – vì sao anh nói với tôi về anh ta?”

“Tôi đã nghĩ... Không, tôi không biết. Nhưng, dù sao, anh ta đã khá hơn. Và chắc chắn là mọi chuyện sẽ ổn thôi.”

“Vâng, vâng...”

Im lặng.

Nghe như thể nàng đang chế giễu tôi. Rồi đột nhiên nàng nói với một nụ cười:

“Anh thật là một người kỳ lạ! Cái gì xui khiến anh đi suốt chặng đường để tới đây ngồi vào một buổi chiều vậy?”

“Chỉ là một thói quen tôi mới có gần đây. Có gì đó để làm cho tới giờ ngủ.”

“Vậy anh không sợ à?”

Giọng đùa cợt của nàng mang tới cho tôi can đảm; tôi cảm thấy mình đang đứng trên một mảnh đất chắc chắn hơn, và đáp:

“Không, đó chính là vấn đề. Tôi muốn học cách rùng mình ớn lạnh.”

“Học cách rùng mình ớn lạnh? Như cậu bé trong chuyện cổ tích. Tôi tự hỏi anh đọc chuyện đó ở đâu?”

“Tôi không biết. Trong cuốn sách nào đó, tôi cho là vậy.”

Im lặng.

“Vì sao anh không tới làm việc cho chúng tôi khi Cha đề nghị anh?”

“Tôi không giỏi làm công chuyện đó. Tôi sẽ lên đường với một người khác.”

“Anh đi đường nào?”

“Tôi không thể nói. Đông hoặc Tây. Chúng tôi chỉ là những gã lang thang.”

Im lặng.

Tôi xin lỗi,” nàng nói. “Ý tôi là, tôi không nghĩ anh khôn ngoan... Nhưng có phải đó là điều anh đã nói về Erik? Tôi chỉ tới để hỏi thăm về anh ta...”

“Giờ thì cậu ta hơi tệ, nhưng ổn.”

“Bác sĩ có nghĩ là anh ta sẽ khá hơn?”

“Vâng, trong chừng mực tôi biết. Tôi không nghe thấy gì khác.”

“Vâng – chúc ngủ ngon.”

Ồi, trẻ trung, giàu có và đẹp mã, nổi tiếng và hiểu biết các ngành khoa học!... Nàng bỏ đi...

Trước khi rời nghĩa trang tôi tìm được một cái móng của ngón tay cái và bỏ nó vào túi. Tôi chờ một lát, nhìn phía này phía khác, và lắng nghe, nhưng mọi thứ vẫn im lìm. Không có giọng nói nào bảo rằng, “Cái móng tay đó của tôi!”

XII

Falkenberg và tôi bước ra ngoài. Đang là chiều tối; không khí mát, bầu trời cao tít với những vì sao đang tỏa sáng. Tôi thuyết phục gã đi theo đường vòng qua khu nghĩa trang; trong tình trạng xuân ngốc của mình, tôi muốn đi con đường đó, để xem có ánh sáng trong ô cửa sổ nhỏ ở dưới nhà của ông mục sư hay không. Ôi, trẻ trung, giàu có và...

Chúng tôi đi vài giờ, không mang vác gì nặng, ngoài ra, chúng tôi là hai kẻ lang thang vẫn còn khá xa lạ với nhau, vì thế chúng tôi chỉ nói rất ít. Chúng tôi đi ngang qua thương trạm đầu tiên, rồi tới một thương trạm khác; chúng tôi có thể nhìn thấy cái tháp của chái nhà thờ trong ánh chiều hôm.

Hoàn toàn theo thói quen, tôi cũng muốn đi vào khu nghĩa trang ở đây. Tôi nói:

“Anh nghĩ sao? Chúng ta có thể tìm được một nơi ở đây để nghỉ đêm?”

“Chả có nghĩa lý gì trong việc đó,” Falkenberg nói, “khi có cỏ khô trong mọi cái vựa cỏ dọc theo đường. Và nếu chúng ta ngủ, sẽ có chỗ trú trong rừng.”

Và chúng tôi đi tiếp, Falkenberg dẫn đầu.

Gã khoảng trên ba mươi. Cao và vạm vỡ, nhưng hơi gù lưng; bộ ria dài vòng xuống mép. Gã ít lời, nhanh nhậy và tử tế; gã cũng có một giọng hát tuyệt vời; một dạng hoàn toàn khác với Grindhusen về mọi mặt. Và khi nói, gã dùng những từ lạ lùng xuất phát từ những thổ ngữ khác nhau, với đôi chút tiếng Thụy Điển ở câu này câu khác; không ai có thể nói gã đến từ vùng nào.

Chúng tôi tới một trang trại, lũ chó sủa rân, và người trong trại vẫn còn đi lại.

Falkenberg yêu cầu được gặp chủ trại. Một người đàn ông bước ra.

Anh ta có công việc gì cho chúng tôi không?

Không.

Nhưng cái hàng rào dọc đường đã đổ hết rồi, chúng tôi sửa nó được không?

Không. Bản thân anh ta cũng không có việc gì khác để làm vào thời điểm này trong năm.

Họ có thể cho chúng tôi trú đêm không?

Rất tiếc, nhưng..

Cả trong vựa cỏ cũng không?

Không, các cô gái vẫn đang ngủ ở đó.

“Đồ đáng ghét,” Falkenberg lầm bầm trong lúc chúng tôi bỏ đi. Chúng tôi đi qua một khu rừng nhỏ, tìm một chỗ khá dĩ để ngủ.

“Giả sử chúng ta quay lại nông trại gặp những cô gái trong vựa cỏ? Có khả năng họ sẽ không từ chối chúng ta.”

Falkenberg suy nghĩ giây lát.

“Lũ chó sẽ làm ồn lên.”

Chúng tôi bước ra một cánh đồng nơi hai con ngựa đang được thả rong. Một con có đeo lục lạc trên cổ.

“Cái gã này tẻ thật,” Falkenberg, “ngựa của anh ta vẫn còn ở ngoài và các phụ nữ của anh ta vẫn đang ngủ trong vựa cỏ. Sẽ là một việc tốt cho hai con vật nếu cưới chúng một lúc.”

Gã tóm lấy con ngựa đeo lục lạc, nhét cỏ và rêu vào cái lục lạc, và phóng lên lưng nó. Con ngựa

của tôi khá nhút nhát, và tôi phải vất vả lắm mới tóm được nó.

Chúng tôi cưỡi ngựa ngang qua đồng, tìm được một cánh cổng, và tiến ra đường cái. Mỗi chúng tôi có một tấm chắn để lót. Nhưng không ai có một sợi dây cương.

Dù sao, chúng tôi xoay xở khá ổn, xoay xở cực kỳ tốt; chúng tôi phi gần năm dặm, tới một ngôi làng khác. Đột nhiên chúng tôi nghe thấy ai đó ở phía trước con đường.

“Tốt hơn nên phi nước đại,” Falkenberg ngoảnh đầu nói, “Tiến lên nào.”

Nhưng với đôi chân của mình, Falkenberg không phải là một kỵ sĩ kỳ tài; đầu tiên gã bám vào cái lục lạc, rồi tuột về trước và treo lủng lẳng với cả hai tay vòng quanh cổ con ngựa. Tôi trông thấy một trong đôi chân của gã chĩa lên trời khi gã té xuống.

May thay, rốt cuộc không có nguy hiểm lớn nào chờ đợi chúng tôi; chỉ là một cặp trẻ tuổi ra ngoài hò hẹn.

Thêm nửa giờ phi ngựa, và cả hai chúng tôi đều cứng cả người và đau nhức. Chúng tôi xuống ngựa, quay đầu hai con ngựa về phía nhà chúng, và đuổi chúng đi. Giờ chúng tôi lại một lần nữa trở thành những khách bộ hành.

Gakgak, gakgak – âm thanh đến từ một chốn xa xôi. Tôi biết nó rất rõ; đó là một con ngỗng xám. Hồi còn nhỏ, chúng tôi được dạy phải chấp hai tay lại và đứng thật yên lặng để không làm con ngỗng hoảng sợ khi nó bay ngang. Không có tổn hại gì trong việc đó; giờ cũng không có tổn hại gì trong việc đó. Và vì thế tôi thực hiện. Một cảm giác bí ẩn lặng thầm len lén xuyên qua tôi; tôi nín thở và nhìn dăm dăm. Và đôi cánh hình lưới cày tuyệt diệu lướt qua dưới những vì sao...

Rốt cuộc chúng tôi tìm thấy một cái vựa cỏ khô ở một trang trại im lìm, và chúng tôi ngủ ở đó vài giờ. Họ bắt gặp chúng tôi đang ngủ say vào sáng hôm sau.

Falkenberg tới gặp người chủ trại ngay và đề nghị trả tiền cho việc trọ đêm. Chúng tôi đã tới trễ vào đêm trước, gã giải thích, và không muốn đánh thức mọi người, nhưng chúng tôi không phải là những kẻ lẩn trốn về chuyện đó. Người đàn ông không nhận tiền của chúng tôi; lại còn mời chúng tôi uống cà phê trong bếp. Nhưng anh ta không có việc làm cho chúng tôi, vụ thu hoạch đã xong, lúc này bản thân anh ta và người nhà cũng không có gì để làm ngoài việc sửa lại hàng rào ở chỗ này chỗ khác.

XIII

Chúng tôi lê bước suốt ba ngày và không tìm được việc làm nào, nhưng phải thanh toán tiền ăn uống, trở nên nghèo hơn từng ngày một.

“Anh còn lại bao nhiêu, và tôi còn lại bao nhiêu? Chúng ta không bao giờ đạt được điều gì khá với mức độ thế này,” Falkenberg nói. Và gã đưa ra một gợi ý rằng chẳng bao lâu chúng tôi sẽ phải thử trộm cắp đôi chút.

Chúng tôi trao đổi về chuyện đó một lát, và đồng ý chờ xem mọi sự sẽ chuyển biến ra sao. Thức ăn không khó kiếm, chúng tôi luôn có thể bắt được một con gà. Nhưng tiền là món chúng tôi thật sự cần tới, và phải có. Nếu không thể xoay được nó theo cách này, chúng tôi phải cố xoay được nó theo cách khác. Chúng tôi không phải là những thiên thần.

“Tôi không phải là một thiên thần mắc đọa,” Falkenberg. “Giờ tôi ở đây, ngồi với bộ quần áo tốt nhất, và chúng cũng chả tốt hơn quần áo lao động của một người khác. Tôi có thể giặt chúng trong một dòng suối, rồi ngồi đợi cho tới khi chúng khô; nếu có một lỗ thủng tôi sẽ vá lại, và ngày nào đó nếu tôi có dịp kiếm được chút tiền, tôi có thể mua thêm vài bộ. Và đó là mục đích.”

“Nhưng Erik đã bảo rằng anh là một gã ăn xin để uống rượu.”

“Cái thằng nhãi đó. Uống rượu – chà, dĩ nhiên là tôi uống. Chỉ ăn thôi thì có nghĩa lý gì... Chúng ta hãy tìm một nơi có đàn dương cầm,” Falkenberg nói.

Tôi nghĩ bụng: nơi có một cây dương cầm cũng có nghĩa là những người giàu có; đó là nơi gã sẽ bắt đầu ăn trộm.

Vào xế trưa chúng tôi tới một nơi như thế. Falkenberg đã mặc trước bộ đồ thành thị của tôi, và đưa cái ba lô của gã cho tôi đeo để có thể bước dễ dàng với bộ tịch ta đây. Gã đi thẳng lên các bậc thềm cửa trước, biến khỏi tầm nhìn của tôi một lúc, rồi lại bước ra, bảo rằng phải, gã sẽ chỉnh dây cho chiếc đàn của họ.

“Sẽ làm cái gì?”

“Im lặng đi,” Falkenberg nói. “Trước kia tôi từng làm việc này, dù tôi không khoe khoang về chuyện đó ở khắp nơi.”

Gã lôi ra khỏi ba lô một cái khóa để chỉnh dây đàn dương cầm, và tôi thấy rằng gã có vẻ nghiêm chỉnh.

Tôi được lệnh ở gần chỗ đó trong lúc gã chỉnh dây đàn.

Tốt, tôi đi lang thang quanh quần để giết thì giờ; thỉnh thoảng khi vòng ra mé nam ngôi nhà, tôi có thể nghe thấy Falkenberg đang chỉnh dây đàn trong phòng khách, và gã dùng sức mạnh để xử lý nó. Gã không thể đánh một hợp âm đàn hoàng, nhưng có lỗi tai tốt, bất cứ lúc nào lên một sợi dây đàn, gã cũng cẩn thận vặn nó trở lại chính xác vị trí ban đầu, để với bất cứ giá nào cây đàn cũng không thể tệ hơn.

Tôi lân la trò chuyện với một trong những người giúp việc trong trại, một chàng trai trẻ. Cậu ta bảo cậu ta kiếm được hai trăm Kroner mỗi năm, ngoài bao ăn. Thức dậy lúc sáu giờ rưỡi để cho lũ ngựa ăn, hoặc lúc năm giờ rưỡi vào mùa bận rộn. Làm việc cả ngày, cho tới tám giờ tối. Nhưng cậu ta rất hài lòng với cuộc sống của mình trong cái thế giới bé nhỏ đó. Tôi còn nhớ bộ răng đẹp, khỏe mạnh và nụ cười vui vẻ khi cậu ta nói về cô gái của mình. Cậu ta đã tặng nàng một chiếc nhẫn bạc với một quả tim vàng ở mặt trên.

“Cô ta đã nói gì về chuyện đó?”

“Chà, nàng sướng rên lên, anh có thể chắc thế.”

“Và cậu đã nói gì?”

“Nói gì ư? Sao, tôi không biết. Bảo rằng tôi hy vọng nàng thích nó. Tôi cũng muốn tặng nàng vải để may một cái váy, nhưng...”

“Cô ta có trẻ không?”

“Sao, có. Nói năng cứ như một chiếc đàn hạc Do Thái nhỏ. Trẻ – tôi nghĩ thế.

“Cô ta sống ở đâu?”

“À, tôi không thể nói điều đó. Cả làng sẽ biết chuyện nếu tôi nói ra.”

Và tôi đứng đó như một Alexander khác, rất chắc chắn về thế giới, và hơi coi khinh cậu trai này cùng cuộc đời nhỏ bé khốn khổ của cậu ta. Khi chúng tôi lên đường, tôi cho cậu ta một trong số chăn của mình; mang cả hai tấm thì nặng quá. Cậu ta nói ngay rằng cậu ta sẽ tặng nó cho cô bạn gái; nàng sẽ vui mừng với một tấm chăn tốt và ấm.

Và Alexander nói: Giá tôi không phải là chính mình, tôi sẽ là cậu...

Khi Falkenberg xong việc và bước ra, gã trở nên cực kỳ thanh lịch trong mọi cung cách ngay tức khắc, và nói năng với một kiểu cách tinh tế, tôi hầu như không hiểu nổi gã. Cô con gái trong nhà bước ra cùng gã. Chúng tôi sẽ đi ngay không trì hoãn sang nông trại lân cận, gã nói; ở đó có một cây đàn dương cầm cần được săn sóc tới. Và thế là “Farvel, Frøken, Farvel.”

“Sáu Kroner, anh bạn của tôi,” gã thì thầm vào tai tôi. “Và sáu đồng khác ở chỗ kế tiếp, tổng cộng là mười hai.”

Chúng tôi lên đường, và tôi mang vác các thứ của cả hai.

XIV

Falkenberg nói đúng; những người ở trại kế tiếp sẽ không để lảng giềng của họ chơi trội hơn; cây đàn của họ cũng cần được xem qua. Cô con gái trong nhà lúc này đang đi vắng, nhưng có thể tiến hành công việc khi nàng vắng mặt như là một sự ngạc nhiên nho nhỏ dành cho nàng khi về tới nhà. Nàng thường phàn nàn rằng cây đàn bị lạc dây kinh khủng nên không thể nào chơi đàn được. Vì thế giờ đây tôi lại bị bỏ mặc một mình như trước, trong lúc Falkenberg bận rộn trong phòng khách. Khi trời tối, gã yêu cầu mang đèn vào và tiếp tục chỉnh dây. Gã ăn tối ở đó, và khi ăn xong, gã bước ra gọi tôi để lấy cái tẩu thuốc.

“Cái tẩu nào?”

“Anh ngốc thật! Dĩ nhiên là cái tẩu với cái nắm tay.”

Tôi trao cho gã cái tẩu được chạm khắc công phu của mình, hơi miễn cưỡng; tôi cũng vừa mới hoàn thành nó, với cái móng tay trên nắp, một chiếc nhẫn vàng và một cái ống dài.

“Đừng để cái móng bị nóng quá,” tôi thì thầm, “không thì nó sẽ cong lại.”

Falkenberg đốt tẩu và khệnh khạng đi vào. Nhưng gã cũng có lời nhắc tới tôi, bảo họ dọn cho tôi bữa tối và cà phê trong bếp.

Tôi tìm được chỗ ngủ trong vựa cỏ khô.

Giữa đêm tôi thức giấc, Falkenberg đang đứng bên cạnh, gọi tên tôi. Vàng trắng rầm rộ thẳng vào, và tôi có thể nhìn thấy mặt gã.

“Có chuyện gì thế?”

“Tẩu của anh đây. Nhận lại nó đi, anh bạn.”

“Tẩu ư?”

“Phải, tẩu của anh, tôi sẽ không cầm nó thêm phút nào nữa. Hãy nhìn xem, cái móng đã muốn sút ra rồi.”

Tôi cầm lấy cái tẩu và thấy cái móng tay đã bị co lại trên lớp gỗ. Falkenberg nói:

“Cái vật gớm ghiếc này cứ nhìn tôi với một nụ cười xấu xa dưới ánh trăng. Và rồi tôi sực nhớ ra nơi anh kiếm được cái móng tay đó...”

Falkenberg đại hạnh!

Sáng hôm sau khi chúng tôi chuẩn bị lên đường, cô con gái trong nhà đã về tới nhà. Chúng tôi nghe thấy nàng nện như gõ trống một điệu waltz trên cây đàn, và giây lát sau nàng bước ra và bảo:

“Cây đàn khác hẳn đi. Cám ơn anh rất nhiều.”

“Tôi hy vọng cô hài lòng với nó,” tay thợ chỉnh dây đàn nói với vẻ kẻ cả.

“Vâng, thật sự. Giờ tiếng đàn hoàn toàn khác hẳn.”

“Tiểu thư có thể giới thiệu cho tôi bất kỳ chỗ nào khác không...?”

“Hãy hỏi những người ở Øvrebø; tên chủ nhà là Falkenberg.”

“Tên gì?”

Falkenberg. Cứ đi thẳng từ đây, anh sẽ tới một cây cột ở mé tay phải cách đây chừng một dặm rưỡi. Quẹo tại đó và con đường sẽ đưa anh tới trại.”

Nghe tới đây, Falkenberg ngồi thụp xuống thềm và bắt đầu đưa ra đủ loại câu hỏi về

Falkenberg ở Øvrebø. Chỉ để nghĩ rằng gã sắp tình cờ gặp bà con tại đây, và nhận ra mình, như đã từng, lại một lần nữa ở nhà. Gã rất đổi biết ơn về thông tin đó. “Chân thành cảm ơn, Frøken.”

Sau đó chúng tôi lại lên đường, và tôi vác các thứ.

Có một lần trong rừng chúng tôi ngồi xuống để bàn bạc về điều cần thực hiện. Nói cho cùng, một thợ chỉnh dây đàn có nên đi tới gặp viên đại úy ở Øvrebø và nhận họ hàng hay không? Tôi là người rụt rè nhất, và kết thúc với việc khiến cho bản thân Falkenberg cũng hơi hổ thẹn chút chút. Mặt khác, nó có thể là một câu đùa vui vẻ:

Gã có thứ giấy tờ gì ghi tên mình trên đó không? Một loại giấy chứng nhận nào đó?

“Có, nhưng không có gì trong chúng ngoài việc ghi rằng tôi là một người lao động đáng tin cậy.”

Chúng tôi bàn tới việc thay đổi những giấy tờ chút đỉnh, nhưng cuối cùng đồng ý rằng tốt hơn nên tạo ra một giấy chứng nhận mới hoàn toàn. Chúng tôi có thể làm một tờ về khả năng chỉnh dây đàn siêu giỏi và ghi tên thánh là Leopold thay vì Lars. (Một lần nữa thay một cái tên mặc bằng một cái tên quý tộc.) Không có giới hạn nào với những gì chúng tôi có thể làm theo cách đó.

“Anh nghĩ anh có thể viết vào tờ chứng nhận đó không,” gã hỏi.

“Vâng, tôi có thể.”

Nhưng lúc này bộ não khốn khổ của tôi bắt đầu giở trò chơi khăm, và khiến cho toàn bộ sự việc trở nên lố bịch. Một thợ chỉnh dây đàn thì chưa đủ, tôi nghĩ; không, phải biến gã thành một thiên tài cơ khí, một người từng giải quyết những vấn đề phức tạp hơn, một nhà phát minh với một nhà máy riêng...

“Lúc đó tôi đâu có cần phải đi lòng vòng và vung vẩy những tờ chứng nhận,” Falkenberg nói, và từ chối nghe thêm nữa. Không, rốt cuộc toàn bộ việc này có vẻ như không đi tới đâu cả.

Nản lòng và thất vọng, hai chúng tôi tiếp tục lê bước cho tới khi tới chỗ cây cột.

“Anh có lên đó không?” tôi hỏi.

“Anh có thể tự đi,” Falkenberg chưa chát đáp. “Này, nhận lấy các thứ giẻ rách của anh.”

Nhưng khi đi xa thêm một chút, gã bước chậm lại và lẩm bẩm:

“Thật xấu hổ khi vất đi một cơ may như thế. Sao, nó tự hiện ra trước chúng ta mà.”

“Tốt, vậy thì sao anh không lên đó và ghé vào thăm họ? Ai biết được, nói cho cùng anh có thể là một người bà con.”

“Tôi đang nghĩ tới chuyện hỏi ông ta có một người cháu họ ở Mỹ hay không.”

“Vậy thì sao? Nếu có, anh có thể nói tiếng Anh với họ hay không?” “Cứ lo việc của anh, đừng nói nhiều quá,” Falkenberg nói. “Dù sao, tôi không thấy anh có gì để khoe khoang hết.”

Gã bõn chồn và nổi cáu, và bắt đầu bước đi. Rồi đột nhiên gã dừng lại và bảo:

“Tôi sẽ làm. Hãy cho tôi mượn lại cái tẩu của anh. Tôi sẽ không đốt nó lên.”

Chúng tôi đi lên đồi, Falkenberg khoác lên người vẻ bệ vệ, chỉ trở chỗ này chỗ khác với chiếc tẩu và phê phán địa điểm này. Tôi hơi bức mình khi nhìn thấy gã khệnh khạng với cung cách hiu hiu tự đắc đó trong lúc tôi đang vác nặng. Tôi bảo:

“Lần này sẽ là một thợ chỉnh dây đàn hả?”

“Tôi nghĩ tôi sẽ cho thấy tôi có thể chỉnh dây một cây đàn dương cầm,” gã nói ngắn gọn. “Tôi giỏi việc đó, với bất cứ giá nào.”

“Nhưng nếu như có người trong nhà rành về nó – chẳng hạn bà chủ – và thử lại cây đàn sau khi anh làm xong?

Falkenberg im lặng. Tôi có thể thấy gã đang hoài nghi trở lại. Dần dà, dáng đi chủ nhân ông của gã chùng xuống thành một nhịp bước ủ rũ.

“Có lẽ tốt hơn chúng ta đừng nói gì,” gã nói. “Này, cái tẩu của anh đây. Chúng ta chỉ lên đó và đơn giản hỏi xin việc làm.”

XV

Như chuyện đã xảy ra, có một cơ hội để chúng tôi trở nên hữu dụng ngay khoảnh khắc chúng tôi tới nơi. Họ đang dựng một cột cờ, và thiếu người làm. Chúng tôi bắt tay vào việc và dựng nó lên thẳng thớm. Có một đám phụ nữ nhìn ra từ cửa sổ.

Đại úy Falkenberg có nhà không?

Không.

Còn phu nhân?

Phu nhân đi ra. Nàng cao và trắng trẻo, thân thiện như một chú ngựa con; nàng đáp lại những lời chào hỏi của chúng tôi với cung cách tử tế nhất.

Bà có việc gì cho chúng tôi làm không?

“Chà, tôi không biết. Thật sự tôi không nghĩ là có, khi chồng tôi vắng nhà.”

Tôi có cảm tưởng rằng nàng thấy khó lòng nói không, nên chạm tay vào mũ rồi quay đi, không muốn quấy rầy nàng nữa. Nhưng hائنàng đã phát hiện ra điều lạ lùng nào đó về Falkenberg, lên chỗ này trong bộ quần áo lịch sự như thế, với một người mang vác các thứ cho gã; nàng tò mò nhìn gã và hỏi:

“Loại công việc gì thế?”

“Bất cứ loại công việc ngoài trời nào,” Falkenberg đáp. “Chúng tôi có thể dựng hàng rào, đào mương, xây gạch...”

“Với loại công việc đó thì đến cuối năm mới có,” một người đàn ông cạnh cột cờ xen vào.

“Phải, tôi cho là vậy,” Fruen đồng ý. “Tôi không biết... Dù sao, vừa đúng vào giờ ăn; nếu các anh muốn vào ăn chút gì đó thì xin mời.”

“Cám ơn lòng tốt của bà,” Falkenberg đáp.

Lúc này, hình như trong đầu tôi cách nói đó thật nghèo nàn và thiếu tế nhị; tôi cảm thấy gã đã làm cho cả hai chúng tôi xấu hổ khi trả lời như vậy, và điều đó khiến tôi khó chịu. Vì thế tự tôi phải xen vào một lời:

“Mille grâces, Madame; vous êtes trop aimable”^[7], tôi lịch sự nói, và nhắc mũ ra.

Fruen quay lại và nhìn tôi chăm chú với sự ngạc nhiên; vẻ mặt nàng thật buồn cười.

Chúng tôi được đưa vào bếp và được dọn cho một bữa ăn thịnh soạn. Fruen đi vào nhà. Khi chúng tôi ăn xong, và chuẩn bị lên đường, nàng lại xuất hiện; lúc này Falkenberg đã lấy lại được can đảm, và lợi dụng sự tử tế của nàng để đề nghị chỉnh lại cây đàn dương cầm.

“Anh còn có thể chỉnh đàn dương cầm sao,” nàng hỏi, ngạc nhiên.

“Phải, thật vậy; tôi đã chỉnh cho cây đàn của nông trại bên dưới.”

“Đàn của tôi là một cây đại dương cầm, và rất tốt. Tôi không muốn nó...”

“Phu nhân có thể an tâm về chuyện đó.”

“Anh có bất kỳ loại...”

“Tôi không có chứng chỉ, không. Yêu cầu thứ đó không phải là cách của tôi. Nhưng phu nhân có thể tới và nghe thử.”

“Ờ, có lẽ – vâng, mời đi lối này.”

Nàng đi vào nhà, và gã theo sau. Tôi nhìn qua cửa khi họ bước vào, và nhìn thấy một căn phòng với nhiều bức tranh trên tường.

Những người hầu lẳng xẵng ra vào bếp, ném vào tôi những tia mắt tò mò, tôi là người lạ mà; một trong các cô gái rất xinh. Tôi thầm biết ơn trời đất vì đã cạo râu sáng hôm đó.

Khoảng mười phút trôi qua; Falkenberg đã bắt đầu. Phu nhân ra khỏi nhà, lại đi vào bếp và bảo:

“Và nghĩ tới việc anh nói tiếng Pháp! Quá sức tưởng tượng của tôi.”

Tạ ơn trời đất vì điều đó. Tôi không muốn đi xa hơn. Nếu tôi nói thêm, hầu hết chỉ là những câu nói của kẻ làm thuê làm mướn.

“Bạn anh đã cho tôi xem giấy tờ của anh ta,” Fruen nói. “Có vẻ các anh là những người tao nhã. Tôi không biết... Tôi có thể đánh điện cho chồng tôi và hỏi xem ông có công việc gì cho các anh hay chẳng.”

Lẽ ra tôi phải cảm ơn nàng, nhưng không thể thốt được lời nào vì đang nuốt vật gì đó trong cổ họng.

Chúng suy nhược thần kinh!

Sau đó tôi bước ngang qua sân và tản bộ trong mấy cánh đồng một lúc; mọi nơi đều ngăn nắp trật tự, và vụ thu hoạch đã được đưa vào kho chứa. Cả những cọng khoai tây cũng được chở đi dù ở nhiều chỗ chúng vẫn còn sót lại cho tới khi tuyết rơi. Tôi có thể nhìn thấy chả có gì cho chúng tôi làm cả. Rõ ràng những người này rất khá giả.

Khi trời ngã về chiều, và Falkenberg vẫn còn chỉnh dây đàn, tôi nhét chút thức ăn vào túi và bước ra ngoài đi dạo, tránh xa để họ không phải mời tôi ăn tối. Trời có trăng, và những vì sao đã lộ dạng, nhưng tôi thích nhất là dò dẫm tìm đường đi vào chỗ rậm rạp nhất của khu rừng và ngồi xuống trong bóng tối. Ở đó cũng kín đáo hơn. Giờ đây, mặt đất và không khí có vẻ yên tĩnh làm sao! Khí lạnh đang ủa tới, có sương muối trên mặt đất; thỉnh thoảng một cọng cỏ kêu xào xạc, một con chuột kêu ré lên, một con quạ bay vọt lên những đỉnh cây, rồi tất cả lại trở nên yên tĩnh. Có mái tóc nào vàng như tóc của nàng không? Chắc chắn là không. Nàng bẩm sinh là một sự diệu kỳ, từ đầu tới chân, đôi môi nàng là một thứ đáng yêu chín mọng, và trò chơi của những chú chuồn chuồn trong mái tóc của nàng. Giá mà người ta có thể rút ra từ trong túi xách một cái vương miện và trao nó cho nàng. Tôi sẽ tìm một cái vỏ sò hồng ở đâu đó và khắc nó thành một cái móng tay, và tặng nàng cái tẩu để nàng trao cho chồng nàng làm quà... vâng...

Falkenberg băng qua sân để gặp tôi, và vội vã thì thầm:

“Nàng đã nhận được trả lời của ông Đại úy; ông ta bảo chúng ta có thể đồn gỗ trong rừng. Anh có giới khoản đó không?”

“Có.”

“Tốt, vậy vào nhà bếp đi. Nàng đang hỏi về anh.”

Tôi đi vào và Fruen nói:

“Tôi đã tự hỏi anh đi đâu. Hãy ngồi xuống và ăn chút gì đi. Anh ăn tối chưa? Ở đâu?”

“Chúng tôi có thức ăn trong ba lô.”

“Chà, không cần phải làm như vậy. Vậy anh uống một cốc trà nhé? Không à?... Tôi đã nhận được câu trả lời của chồng tôi. Anh đồn cây được không? Tốt, vậy là ổn. Nhìn xem, nó đây này: ‘Cần hai người đàn ông đồn gỗ. Peter sẽ chỉ những cây đã đánh dấu.’...”

Ôi Trời, nàng đứng đó cạnh tôi, chỉ vào tờ điện tín. Và mùi thơm của một thiếu nữ trong hơi

thở của nàng...

XVI

Trong rừng. Peter là một trong những người làm công ở trại; anh ta chỉ cho chúng tôi cách làm ở đây.

Khi chúng tôi nói chuyện với nhau, Falkenberg không hề tỏ ra biết ơn Fruen về công việc dành cho chúng tôi. “Chả có gì phải cúi đầu gập cổ trong chuyện đó,” gã nói. “Trong những ngày này kiếm được người làm công không phải dễ.” Nhân tiện, Falkenberg không rành mấy việc đốn hạ gỗ, trong lúc tôi đã có một số kinh nghiệm về việc này ở một vùng khác trên thế giới, vậy nên có thể giữ vai trò dẫn đầu. Và gã cũng đồng ý để tôi làm người chỉ huy.

Lúc này tôi bắt đầu suy nghĩ tới một phát minh.

Với loại cửa thông thường đang sử dụng, những người đàn ông phải đặt mặt cong lên đất và kéo nghiêng một phía. Đó là lý do vì sao không hạ được nhiều cây lăm trong một ngày, và có khá nhiều gốc cây xấu xí sót lại trong rừng. Với một thiết bị truyền động hình nón có thể áp chặt vào rễ, chúng tôi có thể cửa với chuyển động tới lui thẳng, nhưng lưỡi cửa luôn cắt theo đường ngang. Tôi bắt tay vào việc thiết kế những phần của loại máy này. Điều làm tôi nhức đầu nhất là làm cách nào để có được áp lực cần thiết trên lưỡi cửa. Có thể làm điều này nhờ một cái nhíp trong động cơ đồng hồ, hoặc có lẽ một vật nặng cũng được. Vật nặng thì dễ hơn, nhưng không thay đổi, khi lưỡi cửa vào sâu hơn, nó cũng sẽ rít hơn, và áp lực như cũ sẽ không hữu hiệu. Mặt khác, một cái nhíp thép, sẽ chùng xuống khi đường cửa sâu hơn, và luôn cho lượng áp lực đúng. Tôi quyết định chọn hệ thống nhíp. “Mình có thể xoay xở được,” tôi tự nhủ. Và uy tín đối với việc này sẽ là điều tuyệt vời nhất trong đời tôi.

Nhiều ngày trôi qua, ngày nào cũng như ngày nào; chúng tôi hạ những thân gỗ chín in-sơ, cắt ròi những nhánh và ngọn cây. Chúng tôi sống thoải mái, mang theo thức ăn và cà phê khi tiến vào rừng, và có một bữa ăn tối nóng sốt khi trở về nhà. Sau đó chúng tôi tắm rửa sạch sẽ – để có cung cách lịch sự hơn những người làm công trong trại – và ngồi trong bếp, với một cái đèn dầu lớn thấp sáng và ba nàng con gái. Falkenberg đã trở thành người yêu của Emma.

Thỉnh thoảng, có một đợt sóng âm nhạc lan tới từ chiếc dương cầm trong phòng khách; đôi khi chính Fruen sẽ tới chỗ chúng tôi với vẻ trẻ trung như thiếu nữ của nàng và những thái độ tử tế. “Hôm nay các anh làm tới đâu rồi?” nàng sẽ hỏi. “Các anh có gặp một con gấu trong rừng không?” Nhưng chiều nọ nàng cảm ơn Falkenberg vì đã giúp chỉnh rất tốt cây đàn của nàng. Gì chứ? Nàng nói thật sao? Gương mặt sạm nắng gió của Falkenberg trở nên đẹp hẳn lên với niềm vui; tôi thấy tự hào về gã khi gã khiêm tốn trả lời rằng gã nghĩ bây giờ nó tốt hơn một chút.

Hoặc gã đã có kinh nghiệm hơn trong việc chỉnh đàn, hoặc Fruen thấy biết ơn vì gã đã không làm hỏng cây đại dương cầm.

Chiều nào Falkenberg cũng mặc bộ đồ thị trấn của tôi. Giờ tôi có lấy lại và mặc chúng vào người cũng chẳng ích gì; mọi người sẽ tin rằng tôi mượn chúng từ gã.

“Hãy nhường Emma cho tôi, và anh có thể giữ lấy bộ quần áo,” tôi nói đùa.

“Tốt thôi, anh có thể nhận lấy nàng,” gã đáp.

Tôi bắt đầu thấy rằng Falkenberg đang trở nên lạnh nhạt hơn với cô gái của mình. Ồ, nhưng Falkenberg cũng đã yêu nàng, giống như tôi. Chúng tôi là những cu cậu đơn giản biết bao!

“Tôi tự hỏi không biết tối nay nàng có nhìn chúng ta một cái không?” Falkenberg thường nói trong lúc chúng tôi đang làm việc.

Và tôi sẽ đáp rằng tôi không quan tâm viên đại úy sẽ vắng nhà bao lâu.

“Không, anh nói đúng,” Falkenberg. “Và tôi bảo nhé, nếu tôi thấy ông ta không lịch sự với nàng, sẽ có rắc rối đấy.”

Tối nọ Falkenberg hát cho chúng tôi nghe một bài. Và tôi tự hào về gã hơn bao giờ hết. Fruen bước ra và gã phải hát lại lần nữa, sau đó là một bài khác; giọng hát ấm áp của gã phủ đầy căn phòng, và Fruen rất vui, bảo rằng nàng chưa bao giờ nghe bất cứ thứ gì giống như thế.

Và lúc ấy tôi bắt đầu nổi máu ghen.

“Anh có học hát không?” Fruen hỏi. “Anh có đọc được bản nhạc không?”

“Vâng, thật thế,” Falkenberg đáp. “Tôi từng hát trong một hộp đêm.”

Lẽ ra lúc này gã nên nói: không, thật không may, gã chưa bao giờ học, tôi nghĩ bụng như thế.

“Anh có hát cho người nào nghe chưa? Có người nào nghe anh hát chưa?”

“Thỉnh thoảng tôi hát trong các cuộc khiêu vũ và tiệc tùng. Và một lần trong một đám cưới.”

“Nhưng ý tôi là một người hiểu biết cơ: có người nào thử giọng của anh chưa?”

“Không, tôi không biết điều đó – hoặc có, tôi nghĩ thế, vâng.”

“Tốt, sao anh không hát thêm vài bài? Hát đi nào.”

Và Falkenberg hát.

Kết cục của chuyện này là gã sẽ được yêu cầu hát ngay trong phòng khách một tối nào đó, tôi thầm nghĩ, với Fruen đệm đàn cho gã. Tôi nói:

“Xin thứ lỗi, ông đại úy có trở về sớm không?”

“Vâng, sớm thôi,” Fruen đáp, “Vì sao anh hỏi thế?”

“Tôi chỉ nghĩ tới công việc.”

“Các anh đã hạ hết số cây đánh dấu chưa?”

“Chưa, chưa hết – chưa, còn lâu. Nhưng...”

“Ồ...” Fruen đột ngột nói, như thể nàng vừa nghĩ tới một điều gì đó. “Các anh phải có chút tiền. Phải, tất nhiên...”

Tôi vớ lấy câu nói đó để thoát thân, và đáp:

“Cám ơn bà nhiều lắm.”

Falkenberg chẳng nói lời nào.

“Các anh chỉ việc hỏi, các anh biết đó. Varsaagod^[8]”, Và nàng đưa tôi số tiền tôi đã yêu cầu. “Còn anh thì sao?”

“Không gì cả, dù sao cũng cảm ơn bà,” Falkenberg đáp.

Ôi Trời, tôi lại thua cuộc nữa rồi – lại rơi xuống đất nữa rồi! Và Falkenberg, cái gã mạo danh không biết xấu hổ đó đang ngồi đóng vai trò một người giàu có không cần tạm ứng bất cứ thứ gì. Ngay đêm nay tôi sẽ lột bộ đồ của tôi khỏi người gã, mặc cho gã trần trụi.

Chỉ có điều, dĩ nhiên, tôi đã không làm chuyện đó.

XVII

Hai ngày trôi qua.

“Nếu tối nay nàng lại ra, tôi sẽ hát bài ca về hoa anh túc,” Falkenberg nói lúc ở trong rừng. “Tôi đã quên mất bài đó.”

“Anh cũng quên luôn Emma rồi phải không?” tôi hỏi.

“Emma hả? Nghe này, tôi sẽ nói cho anh biết: anh cũng hết như trước giờ, anh là vậy đó.”

“Chà, vậy hả?”

“Phải, ý tôi là bên trong. Anh không ngại chiếm lấy Emma ngay tại đó, trước mắt Fruen. Nhưng tôi không thể làm việc đó.”

“Đó là một lời dối trá!” Tôi giận dữ đáp. “Anh sẽ không thấy tôi dính vào bất cứ chuyện ngu xuẩn nào với các cô gái chừng nào tôi còn ở đây.”

“Ồ, và tôi sẽ không ra ngoài với bất kỳ ai sau này. Nghĩ tối nay nàng có tới không? Tôi đã quên cái bài ca về hoa anh túc đó cho tới lúc này. Nghe này.”

Falkenberg hát bài ca Hoa anh túc.

“Anh thật may, có thể hát như thế,” tôi nói. “Nhưng sẽ không ai trong hai chúng ta có được nàng, với tất cả những thứ đó.”

“Có nàng! Sao, có ai nghĩ tới... Anh đúng là đồ ngốc!”

“Ồ, nếu tôi còn trẻ, giàu có và đẹp trai, tôi sẽ chiếm được trái tim của nàng,” tôi nói.

“Nếu – và nếu... Tôi cũng có thể vậy, về vấn đề đó. Nhưng còn có ông đại úy.”

“Phải, và còn có anh. Và còn có tôi. Và còn có bản thân nàng ta và mọi người khác trên thế giới. Và chúng ta là một bộ đôi cục súc khi nói về nàng như thế,” tôi nói, lúc này nổi cơn thịnh nộ với chính mình. “Một chuyện tốt đẹp thật đấy, khi hai gã tiểu phu già nói về bà chủ của họ như thế.”

Cả hai chúng tôi tái xanh cả mặt mày, và những nếp nhăn hiện trên gương mặt cau có của Falkenberg; không người nào có thể ăn. Và để cố che đậy sự khó chịu của mình, tôi đi lòng vòng, nói đủ thứ chuyện vui vui phi lý, trong lúc Falkenberg lớn tiếng khoác lác về mọi bữa ăn, rằng gần đây gã đã ăn quá nhiều, đang trở nên uể oải và béo ra.

“Sao, có vẻ như các anh không hề ăn gì cả,” Fruen nói khi chúng tôi trở về với quá nhiều thức ăn thừa. “Những người tiểu phu tốt, thật sự.”

“Chính Falkenberg là người không ăn,” tôi nói.

“Chà, thật là!” Falkenberg nói; “Tôi thích thế. Anh ta đã nhịn ăn hoàn toàn.”

Thỉnh thoảng khi nàng yêu cầu chúng tôi giúp nàng một việc nho nhỏ này khác, cả hai chúng tôi sẽ vội vã thực hiện; cuối cùng chúng tôi phải tự đi lấy nước và củi. Nhưng một hôm Falkenberg chơi xỏ tôi một vỏ hèn hạ: gã về nhà với một bó nhánh cây phỉ để đan dụng cụ đập thảm mà Fruen đã yêu cầu tôi cắt cho nàng, một cách riêng tư.

Và lúc này đêm nào gã cũng hát.

Khi đó tôi quyết tâm làm cho Fruen nổi cơn ghen – chà, chà, anh bạn tốt của tôi, cậu điên rồi sao, hay chỉ ngu xuẩn? Như thế Fruen sẽ có khi nào thêm nghĩ tới nó, bất cứ điều gì cậu đã làm.

Nhưng việc là thế. Tôi sẽ cố làm cho nàng nổi cơn ghen.

Trong số ba cô gái ở đó, chỉ có một người có khả năng sử dụng cho thí nghiệm này, đó là Emma. Vì thế tôi bắt đầu nói chuyện vớ vẩn với Emma.

“Emma, tôi biết về một người đang thờ dài vì cô.”

“Từ đâu mà anh biết điều đó vậy?”

“Từ những vì sao bên trên.”

“Tôi thích nghe về chuyện đó từ một người ở trên mặt đất này hơn.”

“Tôi cũng có thể nói với cô điều đó. Một cách trực tiếp.”

“Anh ta muốn nói là chính anh ta,” Falkenberg xen vào, nôn nóng muốn tránh xa khỏi vụ này.

“Vâng, và tôi không ngại nói đúng là thế. Paratum cor meum [\[9\]](#)”.

Nhưng Emma thật khiếm nhã, và không bận tâm tới việc nói chuyện với tôi, dù tôi giỏi các thứ tiếng hơn Falkenberg. Gì chứ – thậm chí tôi không thể điều khiển được Emma hay sao? Tốt... sau đó tôi tỏ ra kiêu hãnh và im lặng, và đi theo con đường riêng của mình, vẽ các phác họa cho cái cỗ máy của tôi và những mô hình nhỏ. Và khi Falkenberg đang hát về một buổi chiều và Fruen lắng nghe, tôi bỏ đi sang khu nhà của nhóm đàn ông và ở lại với họ. Dĩ nhiên, điều đó có phẩm giá hơn nhiều. Rắc rối duy nhất là Peter đang nằm ốm trên giường, và không thể chịu nổi tiếng ồn của rìu và búa, vì thế tôi phải đi ra ngoài mỗi khi có một công việc nặng cần làm.

Tuy nhiên, thi thoảng tôi lại tưởng tượng có lẽ Fruen đang hối tiếc, nói cho cùng, về việc không có mặt tôi trong bếp. Với tôi, có vẻ là vậy. Một chiều nọ, khi chúng tôi đang ăn bữa tối, nàng quay sang tôi và bảo:

“Cái máy mới mà những người đàn ông nói anh đang làm là thứ gì vậy?”

“Anh ta đang lu bu với một loại cửa mới,” Falkenberg nói. “Nhưng nó quá nặng nên không thể có dụng ích gì.”

Tôi không trả lời câu nói đó, nhưng tỏ vẻ như bị đối xử sai. Phải chăng số mệnh của mọi nhà phát minh là bị phán xét sai lầm? Chỉ còn nước chờ đợi: thời của tôi chưa đến. Có những lúc tôi hầu như không thể kèm được việc bật thốt lên một lời tiết lộ với các cô gái, về việc tôi thật sự là một người có gia thế hoàng gia, bị nổi tuyệt vọng vì một mối tình bất hạnh lái đi chệch hướng, và giờ bắt đầu uống rượu thường xuyên. Chao ôi, phải, những dự tính của con người, những sắp đặt của Thượng đế... Và rồi, có lẽ, bản thân Fruen có thể tới để nghe về nó...

“Tôi nghĩ tôi sẽ sang ở với nhóm đàn ông vào buổi tối, giống như anh,” Falkenberg nói.

Và tôi biết rất rõ vì sao Falkenberg đột nhiên nảy ra ý nghĩ sẽ tiêu pha những buổi chiều tối của mình ở đó; giờ đây gã không còn được yêu cầu hát thường xuyên như trước; vì lý do này khác, gần đây gã ít được yêu cầu.

XVIII

Đại úy đã trở về.

Một người đàn ông to lớn, với một bộ râu rậm, bước ra chỗ chúng tôi một hôm nọ trong lúc chúng tôi đang làm việc và nói:

“Tôi là Đại úy Falkenberg. Nào, các bạn, công chuyện ra sao?”

Chúng tôi chào ông với lòng kính trọng, và đáp: “Khá ổn.”

Sau đó là vài lời trao đổi về những thứ chúng tôi đã làm và những thứ còn lại chưa làm. Đại úy hài lòng với công việc của chúng tôi – tất cả đều được cắt gọn và sát gốc. Rồi ông hỏi chúng tôi đã cưa được bao nhiêu mỗi ngày, và bảo nó đạt được một mức trung bình khá.

“Đại úy đã quên những ngày Chủ nhật.” Tôi nói.

“Đúng vậy,” ông nói. “Vâng, thế là hơn mức trung bình. Có gặp rắc rối gì với các thứ công cụ không? Cái cưa có ổn không?”

“Hoàn toàn ổn.”

“Và không có ai bị thương?”

“Không.”

Im lặng.

“Theo lẽ thì các anh phải tự cung cấp thức ăn cho mình,” ông nói, “nhưng nếu các anh thích cách khác hơn, chúng ta có thể tính toán lại khi chúng tôi thanh toán tiền.”

“Chúng tôi rất vui được làm theo cách mà Đại úy nghĩ là tốt nhất.”

“Vâng,” Falkenberg cũng đồng ý.

Đại úy đi một vòng qua khu rừng và quay lại.

“Không thể có thời tiết tốt hơn,” ông nói. “Không có tuyết cần phải dọn.”

“Không, không có tuyết – điều đó đúng; nhưng một thêm ít sương giá sẽ không có hại gì.”

“Sao vậy? Ý anh là sẽ mát mẻ hơn khi làm việc?”

“Có lẽ cả điều đó nữa; phải. Nhưng lưỡi cưa cắt tốt hơn khi gỗ đông cứng.”

“Vậy ra anh là một tay kỳ cựu trong việc này hả?”

“Phải.”

“Và anh là người biết hát?”

“Không, thật đáng tiếc. Anh ta mới là người biết hát.”

“Ồ, vậy anh là người ca sĩ, phải không? Chúng ta trùng tên, tôi tin là vậy?”

“Sao, phải, theo một cách,” Falkenberg nói, hơi lúng túng, “tôi tên là Lars Falkenberg, và tôi có giấy chứng nhận về điều đó.”

“Anh từ miền nào tới?”

“Từ Trøndelagen.”

Đại úy trở về nhà. Ông khá thân thiện, nhưng nói năng có vẻ vắn tắt, quyết đoán, không hề có một nụ cười hay câu đùa cợt nào. Một gương mặt tốt, hơi bình thường.

Từ hôm đó trở đi, Falkenberg không bao giờ hát ngoài lúc ở khu vực đàn ông; giờ không còn

việc hát hồng trong bếp nữa khi Đại úy đã về nhà. Falkenberg có vẻ cáu kỉnh và u buồn; đôi khi gã chửi thề và bảo cuộc sống không đáng sống vào những ngày này; một người đàn ông nên đi tự treo cổ cho xong đời. Nhưng nỗi tuyệt vọng của gã sớm kết thúc. Một Chủ nhật nọ gã quay lại hai nông trại mà gã từng chinh dầy đàn, và yêu cầu mỗi nơi một lời giới thiệu. Khi trở về, gã cho tôi xem mấy tờ giấy và bảo:

“Chúng sẽ có ích đôi chút.”

“Vậy là rốt cuộc anh sẽ không tự treo cổ nữa hả?”

“Anh có lý do tốt hơn để làm điều đó, nếu anh hỏi tôi,” Falkenberg đáp.

Nhưng cả tôi nữa, giờ cũng bớt tuyệt vọng rồi. Khi Đại úy nghe nói về ý tưởng cỗ máy của tôi, ông muốn biết nhiều về nó hơn ngay tức khắc. Ông thấy ngay từ cái liếc mắt đầu tiên rằng những bản vẽ của tôi chưa được hoàn hảo lắm, hình thành từ những mảnh giấy nhỏ và không có một cái compa để dùng. Ông cho tôi mượn một bộ dụng cụ vẽ, và đưa ra một số gợi ý hữu ích về cách thực hiện những điều như thế. Cả ông cũng e rằng cái cửa của tôi sẽ tỏ ra quá nặng nề. “Nhưng dù sao cứ tiếp tục nó đi,” ông nói. “Vẽ toàn bộ theo một tỷ lệ xác định, rồi chúng ta sẽ xem sao.”

Tuy nhiên, tôi nhận ra rằng một mô hình được xây dựng một cách đúng đắn của cái máy sẽ mang tới một ý tưởng tốt hơn về nó, và ngay khi tôi thực hiện xong các bản vẽ, tôi bắt đầu khắc một mô hình bằng gỗ. Tôi không có máy tiện, và phải đẽo gọt hai cái trục, nhiều bánh xe và ốc vít bằng tay. Tôi làm việc này vào ngày Chủ nhật, và mãi mê với nó tới mức không hề nghe thấy tiếng chuông báo hiệu giờ ăn. Đại úy bước ra và gọi: “Ăn tối!” Sau đó, khi nhìn thấy điều tôi đang làm, ông đề nghị sẽ tự đánh xe tới chỗ lò rèn ngay hôm sau để tìm những bộ phận mà tôi cần được cắt trên máy tiện. “Tất cả những gì anh cần là cho tôi những số đo,” ông nói. “Và chắc là anh muốn có một số dụng cụ, phải không? Cửa và máy khoan; đúng! Những con ốc vít, phải, và một cái đục tốt... hết chưa nhỉ?”

Ông ghi chú các thứ ngay tại chỗ. Một người chỉ huy hạng nhất.

Nhưng vào xế chiều, khi tôi ăn xong bữa và đang băng qua sân tới phòng của nhóm đàn ông, Fruen cất tiếng gọi tôi. Nàng đang đứng giữa hai ô cửa sổ nhà bếp, trong bóng râm, nhưng lúc này đang bước ra.

“Chồng tôi bảo... ông ấy... nói... anh không thể đủ ấm với các thứ quần áo mỏng này,” nàng nói. “Và anh... đây, nhận lấy những thứ này.”

Nàng nhét cả một bộ đồ vào tay tôi.

Tôi cảm ơn nàng, nói cà lăm cà lạp một cách ngốc nghếch. Tôi sắp mua cho mình một số đồ mới, sớm thôi. Không có gì phải vội; tôi không cần...

“Dĩ nhiên, tôi biết anh có thể tự mua các thứ. Nhưng khi bạn anh thì rất... rất... ồ, nhận những thứ này đi.”

Và nàng lại chạy vào nhà, đúng kiểu cách của một thiếu nữ sợ bị bắt gặp đang làm một điều quá tốt. Tôi phải gọi với theo nàng những lời cảm ơn cuối cùng.

Chiều hôm sau, khi Đại úy đi ra với những chiếc bánh xe và trục lăn, tôi nhân cơ hội cảm ơn ông về bộ quần áo.

“Ồ, vâng, vâng,” ông đáp. “Chính vợ tôi đã... Chúng có vừa với anh không?”

“Vừa, cảm ơn nhiều.”

“Vậy thì tốt rồi. Phải, chính vợ tôi đã... à, đây là những thứ cho cỗ máy của anh, và các dụng cụ. Chúc buổi tối tốt lành.”

Có vẻ như cả hai người bọn họ đều sẵn lòng làm một việc tử tế ngang nhau. Và khi nó đã được thực hiện, mỗi người sẽ đổ cho người kia. Chắc chắn đây phải là một đời sống hôn nhân hoàn hảo, điều mà những kẻ mộng mơ đã mơ tưởng tới, ở chốn này trên quả đất.

XIX

Khu rừng giờ đã trút hết lá, và bật tiếng chim; chỉ có những con quạ kêu quàng quạc thất thanh lúc năm giờ sáng, khi chúng tản ra bên trên những cánh đồng. Chúng tôi nhìn thấy chúng, Falkenberg và tôi, khi chúng tôi đi tới chỗ làm việc; những con chim một năm tuổi, chưa biết sợ còi đò, nhảy loi choi trên đường mòn trước bàn chân của chúng tôi.

Sau đó chúng tôi gặp con chim sẻ xám, loài chim của vùng đất có rừng. Nó đã vào rừng, và giờ đang quay trở lại với loài người mà nó thích sống chung và nghiên cứu từ mọi phía. Một con sẻ bé nhỏ kỳ lạ. Một loài chim di trú, thật sự, nhưng cha mẹ nó đã dạy nó rằng một con chim có thể trải qua một mùa đông ở miền bắc; và giờ nó sẽ dạy cho các con của nó miền bắc là nơi chốn duy nhất để trải qua mùa đông. Nhưng bên trong nó vẫn còn lưu lại chút máu giang hồ, và nó vẫn còn là một kẻ lang thang. Một ngày nào đó nó và bầy đàn của nó sẽ tập trung lại và lên đường tới một nơi nào đó khác, cách xa nhiều giáo xứ, để nghiên cứu một tập hợp con người mới ở đó – và trong rừng dương lá rụng không còn lại bóng một con chim sẻ nào. Và có thể cả tuần sau một đàn mới của loài sinh vật có cánh này mới xuất hiện và định cư ở đó... Herregud! [\[10\]](#) Biết bao lần tôi đã quan sát những con chim sẻ đang sinh hoạt, và tìm thấy niềm vui trong tất cả.

Một hôm Falkenberg tuyên bố giờ gã đã ổn thỏa trở lại. Sẽ dành dụm và cất sang một bên một trăm Kroner trong mùa đông ấy, kiếm được từ việc chỉnh dây đàn và đốn gỗ, và sau đó làm hòa với Emma. Cả tôi nữa, gã đề xuất, tốt hơn nên thôi thở dài vì những tiểu thư cao sang, và quay về với tầng lớp, địa vị của mình.

Falkenberg nói đúng.

Chiều Thứ bảy chúng tôi ngưng làm việc sớm hơn thường lệ một chút để tới cửa tiệm mua sắm một số vật dụng. Chúng tôi cần áo sơ-mi, thuốc lá và rượu vang.

Trong lúc chúng tôi đang ở trong tiệm, tôi bắt gặp một hộp đồ khâu vá nhỏ, được trang trí với những vỏ sò, loại mà hồi trước những người đi biển thường mua ở Amsterdam và mang về nhà cho người yêu của họ; hiện giờ người Đức sản xuất chúng ở mức cả ngàn. Tôi mua cái hộp đó, với ý nghĩ rằng sẽ gỡ một trong những cái vỏ sò ra để thay cho cái móng tay trên tàu thuốc của tôi.

“Anh muốn gì với một cái hộp đựng đồ khâu vá?” Falkenberg hỏi. “Có phải cho Emma không?” Gã nổi cơn ghen với ý nghĩ đó, và không muốn bị chơi trội, gã mua một cái khăn tay lụa để tặng cô ta.

Trên đường về chúng tôi nếm thử rượu vang, và trở nên nhiều chuyện. Falkenberg vẫn còn ghen, vì thế tôi lôi cái hộp khâu vá ra, chọn cái vỏ sò mà tôi muốn, gỡ nó ra và cho gã cái hộp. Sau đó chúng tôi lại là bằng hữu.

Lúc này trời sụp tối, và không có trăng. Đột nhiên chúng tôi nghe tiếng đàn phong cầm từ một ngôi nhà trên một sườn đồi; chúng tôi có thể nhìn thấy bên trong có khiêu vũ, từ cách ánh sáng xuất hiện và biến mất như một tia sáng hải đăng.

“Chúng ta hãy lên đó nhìn xem,” Falkenberg nói.

Khi tới chỗ ngôi nhà, chúng tôi gặp một nhóm đàn ông và phụ nữ đang ở bên ngoài hóng gió. Cả Emma cũng có mặt ở đó.

“Sao, Emma kia kìa!” Falkenberg vui vẻ kêu lên, không hề bực dọc khi phát hiện ra cô ta đã đi chơi mà không có gã. “Emma, tới đây, tôi có thứ này cho em!”

Gã muốn làm cho mọi chuyện tốt đẹp với một từ, nhưng Emma quay lưng khỏi gã và quay vào nhà. Sau đó, khi gã đi theo cô ta, những cô gái khác chặn đường gã, ngụ ý khá rõ ràng rằng không ai muốn gã vào đó.

“Nhưng Emma ở đó. Hãy gọi cô ấy ra ngoài.”

“Emma không ra đâu. Cô ta tới đây với anh thợ giày Markus.”

Falkenberg đứng đó bất lực. Gã đã lạnh nhạt với Emma lâu đến nỗi đã bị cô ta từ bỏ. Và, khi thấy gã đứng đó há hốc mồm một cách xuẩn ngốc, một số cô gái bắt đầu trêu cợt gã: phải chăng cô ta bỏ gã một mình, giờ gã sẽ làm gì, anh chàng tội nghiệp?

Falkenberg đưa chai lên môi và nốc trước mắt tất cả mọi người, rồi đưa lưng bàn tay chùi miệng và chuyển cho người đàn ông gần nhất. Giờ đã có một cảm giác tốt hơn đối với chúng tôi; chúng tôi là những gã chơi được, với những chai rượu trong túi quần, và sẵn lòng chuyển chúng vòng quanh; ngoài ra, chúng tôi là những người lạ ở chốn này, và đó luôn là một điều mới mẻ. Thêm nữa, Falkenberg đã nói nhiều điều buồn cười về tay thợ giày Markus, người mà gã khẳng khái gọi là Lukas.

Cuộc khiêu vũ vẫn đang tiếp diễn bên trong, nhưng không nàng nào để cho chúng tôi bước vào tham gia.

“Tôi sẽ cược với anh,” Falkenberg nói, với một thái độ huênh hoang, “rằng Emma sẽ chỉ quá vui mừng để ra đây với chúng ta.”

Helene, Rønnaug và Sara đứng đó; mỗi lần họ uống, họ chìa tay ra một cách dễ thương để cảm ơn, theo phong tục, nhưng một số khác đã học được đôi chút những cung cách thị thành thì chỉ nói, “Tak for Skjænken”[\[11\]](#), thế thôi. Có vẻ như Helene đã trở thành bồ của Falkenberg; gã vòng tay quanh eo cô ta và bảo cô ta là của mình trong đêm nay. Và khi họ đi ngày càng xa khỏi đám còn lại chúng tôi, không ai gọi họ quay lại; một lúc sau, chúng tôi tách thành từng đôi, tất cả chúng tôi, và đi theo con đường riêng biệt của mình vào rừng. Tôi đi với Sara.

Khi chúng tôi từ trong rừng trở ra, Rønnaug vẫn còn đứng đó hóng gió. Cô gái lạ lùng, không lẽ nàng đã đứng đó một mình suốt buổi? Tôi cầm lấy tay nàng và nói với nàng đôi câu, nhưng nàng chỉ mỉm cười với tất cả những gì tôi nói và không trả lời. Chúng tôi đi về phía rừng và Sara gọi với theo chúng tôi trong bóng tối: “Rønnaug, đến đây ngay và chúng ta trở về nhà thôi.” Nhưng Rønnaug không đáp; nàng không nói năng gì cả. Mềm, trắng như sữa, cao, và thỉnh lặng.

Đợt tuyết đầu tiên đã tới; nó tan ngay tức thì, nhưng mùa đông không còn xa nữa, và giờ chúng tôi đã gần chấm dứt việc đồn cây ở Øvrebø – khoảng một tuần nữa, không hơn. Sau đó là gì? Có việc làm trên tuyến đường ray bên trên những ngọn đồi, hoặc có lẽ lại đồn cây ở một nơi khác mà chúng tôi có thể đến. Falkenberg muốn thử tới chỗ đường ray.

Nhưng tôi không thể hoàn thành cỗ máy của mình trong một thời gian ngắn như thế. Mỗi chúng tôi đều có những việc riêng để không có gì phải vội; ngoài cỗ máy, tôi còn muốn hoàn thành cái móng tay cho tẩu thuốc, và mọi buổi chiều tối trở nên quá ngắn. Về phần Falkenberg, gã đã lại làm hòa với Emma. Cô ta từng hẹn hò với thợ giày Markus, đúng thế, nhưng về phần mình Falkenberg cũng không thể chối bỏ việc gã đã tặng quà cho Helene – một cái khăn tay lụa và một hộp đựng đồ khâu vá gắn vỏ sò.

Falkenberg tỏ ra khốn khổ, và nói:

“Vì lý do nào đó, mọi sự đều sai lệch. Không có gì ngoài sự bức mình, lo lắng và khờ dại.”

“Sao, về chuyện đó...”

“Dù sao, đó là cách nghĩ của tôi, nếu anh muốn biết. Nàng sẽ không đi lên những ngọn đồi như chúng ta đã nói.”

“Vậy phải chăng Markus thợ giày đã ngăn cô ta lại?”

Falkenberg im lặng ủ ê. Rồi sau một phút ngập ngừng:

“Thậm chí họ còn không yêu cầu tôi hát.”

Chúng tôi chuyển sang trò chuyện về Đại úy và vợ ông. Falkenberg có một linh cảm xấu rằng giữa họ có sự bất hòa.

Gã ngốc nhiều chuyện! Tôi xen vào một câu:

“Xin thứ lỗi cho tôi, nhưng anh không biết anh đang nói gì đâu.”

“Thế à!” gã giận dữ nói. Và ngày càng trở nên kích động, gã tiếp tục: “Anh có bao giờ thấy họ quẩn quýt với nhau chưa? Tôi chưa bao giờ nghe họ nói với nhau câu nào.”

Đồ ngốc! – đồ hạ đẳng!

“Không biết hôm nay có vấn đề gì với anh nữa trong cái cách anh cư. Nhìn xem – anh nghĩ đường cắt đó là gì chứ?”

“Tôi à? Dù sao cả hai chúng ta cùng làm mà.”

“Tốt! Vậy chúng ta sẽ nói đó là do tuyết tan. Chúng ta hãy quay lại với rìu vậy.”

Chúng tôi tiếp tục làm việc một mình một hồi, cả hai đều nổi giận và khó chịu. Gã dám nói một điều dối trá như thế về họ sao, rằng họ không bao giờ nói chuyện với nhau? Nhưng, lạy Trời, gã nói đúng! Falkenberg có một khả năng đánh hơi nhanh nhạy đối với những điều như thế. Gã biết đôi điều về đàn ông và phụ nữ.

“Ở bất cứ giá nào, họ luôn nói tốt về nhau với chúng ta.”

Falkenberg tiếp tục công việc của mình.

Tôi suy ngẫm về toàn bộ sự việc một lần nữa.

“Được, có lẽ anh đúng trong chừng mực mọi chuyện xảy ra, rằng đó không phải là thứ những kẻ mơ mộng đã kết hôn mơ tưởng tới, tuy nhiên...”

Nhưng không ích gì khi nói chuyện với Falkenberg theo cách đó; gã không bao giờ hiểu được một từ.

Buổi trưa, khi chúng tôi ngưng làm việc, tôi lại nối tiếp câu chuyện.

“Phải chăng có lần anh từng nói rằng nếu ông ta không lịch sự với nàng thì sẽ có rắc rối?”

“Phải, tôi có nói.”

“Chà, nào có thấy rắc rối gì đâu.”

“Tôi có bảo rằng ông ta không lịch sự với nàng không?” Falkenberg bực dọc nói. “Không, nhưng họ không quan tâm và chán lẫn nhau – sự tình là thế. Khi người này vào nhà, người kia đi ra. Bất cứ lúc nào ông ta bắt đầu nói về bất cứ điều gì trong bếp, đôi mắt nàng trở nên chết lạng u buồn, và nàng không thèm nghe.”

Chúng tôi lại làm việc với rìu, mỗi người nghĩ một đằng.

“Tôi ngờ là tôi cần phải nện hẳn ta một trận.” Falkenberg nói.

“Ai?”

“Lukas....”

Tôi hoàn thành cái ống tẩu của mình và nhờ Emma đem nó tới cho Đại úy. Lần này hóa ra cái móng lại đẹp và tự nhiên, và với những thứ dụng cụ tốt đang có, tôi có thể khoan sâu vào cái móng và ghim chặt nó ở mặt dưới, để hai cái đinh ghim nhỏ bằng đồng không bị ló ra. Tôi khá hài lòng với tác phẩm này.

Chiều hôm đó, Đại úy bước ra trong lúc chúng tôi đang ăn tối, để cảm ơn tôi về cái tẩu. Ngay lúc ấy, tôi nhận ra Falkenberg nói đúng; ngay khi Đại úy ra khỏi nhà thì Fruen đi vào nhà.

Đại úy khen ngợi cái tẩu của tôi, và hỏi tôi đã làm cách nào để cố định cái móng; ông bảo tôi là một nghệ nhân và một bậc thầy. Tất cả những người khác đang đứng gần đó và nghe thấy những lời của ông – và việc được chính Đại úy gọi là một nghệ nhân cũng khá đáng kể. Tôi tin là tôi có thể chiếm được cảm tình của Emma vào lúc ấy.

Đêm đó tôi đã học được cách rùng mình và run rẩy.

Xác của một người phụ nữ xuất hiện trước mặt tôi khi tôi nằm trong gác xép, và duỗi bàn tay trái ra để chỉ cho tôi thấy: chiếc móng cái đã mất. Tôi lắc đầu để nói rằng lúc trước tôi có một cái móng tay, nhưng tôi đã vất bỏ nó, và dùng một cái vỏ sò thay vào đó. Nhưng cái xác cứ đứng mãi ở đó, còn tôi nằm đó, rùng mình, lạnh cóng vì sợ. Rồi tôi cố nói rằng giờ tôi không thể giúp nó; nhân danh Thượng đế, hãy biến đi! Và, Cha chúng ta ngự ở trên trời... Cái xác tiến thẳng về phía tôi; tôi vung hai nắm tay ra và rú lên thất thanh – và tôi ở đó, đang đè Falkenberg sát vào tường.

“Gì thế? Falkenberg la lên. “Làm sao mà...”

Tôi choàng tỉnh, ướt đẫm mồ hôi, và nằm đó với đôi mắt mở to, quan sát cái xác khi nó từ từ biến vào bóng tối của căn phòng.

“Đó là cái xác,” tôi rên rỉ. “Tới để đòi cái móng tay của bà ta. Falkenberg ngồi thẳng trên giường, hoàn toàn tỉnh táo ngay tức khắc.

“Tôi đã nhìn thấy bà ta,” gã nói.

“Cả anh cũng nhìn thấy bà ta sao? Anh có thấy ngón cái của bà ta không? Ôi trời!”

“Giờ tôi sẽ không ở địa vị của anh vì bất cứ thứ gì.”

“Hãy để tôi nằm phía trong, sát tường,” tôi năn nỉ.

“Còn tôi thì sao?”

“Bà ta sẽ không làm hại anh; anh có thể nằm ngoài yên ổn.”

“Và để cho bà ta tới lôi tôi đi trước? Không, nếu tôi biết chuyện.”

Nói đoạn, Falkenberg lại nằm xuống và kéo tấm chăn che qua mắt.

Tôi nghĩ một hồi về việc đi xuống ngủ với Peter; giờ anh ta đã khỏe hơn, và tôi không phải sợ bị lây bệnh. Nhưng tôi sợ không dám xuống thang.

Đó là một đêm khủng khiếp.

Sáng hôm sau, tôi tìm cái móng ở khắp nơi, cuối cùng tìm thấy nó trên sàn nhà, nằm giữa những vỏ bào và mặt cưa. Tôi mang nó ra ngoài và chôn nó trên con đường đi vào rừng.

“Vấn đề là anh có nên mang nó trở lại nơi anh đã lấy nó không,” Falkenberg nói.

“Sao, chỗ đó cách nhiều dặm – cả một chuyến đi dài...”

“Họ sẽ không yêu cầu điều đó nếu anh có nghĩa vụ thực hiện nó. Có lẽ bà ta sẽ không quan tâm tới việc có ngón cái ở một nơi và móng tay ở một nơi khác.”

Nhưng giờ tôi đã có đủ can đảm; một gã liều mạng tuyệt vọng trong ánh sáng ban ngày. Tôi cười nhạo Falkenberg vì sự mê tín của gã, và bảo gã rằng khoa học đã vén mở tất cả những chuyện phi lý đó từ lâu.

XXI

Một tối nọ có những vị khách tới nông trại; vì Peter vẫn còn yếu, và người đàn ông còn lại chỉ là một cậu thiếu niên, tôi phải tới và tháo đôi ngựa khỏi xe. Một tiểu thư bước xuống xe.

“Có ai ở nhà không?” nàng hỏi.

Tiếng bánh xe đã mang những gương mặt tới các ô cửa sổ, đèn được thắp lên trong các căn phòng và các hành lang. Fruen bước ra, cất tiếng gọi:

“Phải cô đó không, Elisabeth? Tôi rất vui vì cô đã tới.”

Đó là Frøken Elisabeth ở nhà ông mục sư.

“Anh ta ở đây à?” nàng hỏi với vẻ ngạc nhiên.

“Ai?”

Nàng muốn nói về chính tôi. Vậy là nàng đã nhận ra tôi...

Hôm sau hai tiểu thư vào rừng gặp chúng tôi. Thoạt tiên tôi e rằng một lời đồn nào đó về một cuộc cưới ngựa ban đêm hay về những con ngựa bị mượn đã lan tới nhà ông mục sư, nhưng rồi bình tĩnh lại khi không có ai nhắc tới chuyện đó.

“Cái ống nước hoạt động tốt lắm,” Frøken Elisabeth nói.

Tôi hài lòng khi nghe nói thế.

“Ống nước?” Fruen thắc mắc.

“Anh ấy đã đặt một đường cấp nước tới nhà cho chúng tôi. Cả những đường ống trong bếp và trên gác nữa. Chỉ cần mở vòi là xong. Chì nên cho làm nó ở đây.”

“Thật vậy à? Anh nghĩ có thể làm việc đó ở đây không?”

Tôi đáp: vâng; việc đó khá dễ dàng.

“Sao anh không nói với chồng tôi về nó?”

“Tôi có nói. Ông ấy bảo ông ấy sẽ xem phu nhân nghĩ thế nào đã.”

Một khoảng im lặng lúng túng. Vậy là ông ta đã không nói với nàng về một việc có liên quan rất gần tới nàng. Tôi vội vã phá vỡ sự im lặng, và nói đại:

“Dù sao, đã quá muộn để bắt đầu trong năm nay; mùa đông sẽ tới trước khi chúng tôi làm xong. Nhưng mùa xuân tới...”

Dường như Fruen đã chú ý trở lại từ một nơi nào đó thật xa.

“Ồ, phải, giờ tôi nhớ ra rồi, ông ấy có nói gì đó về nó,” nàng nói. “Chúng tôi đã bàn về nó. Nhưng năm nay quá muộn... Elisabeth, cô có muốn xem họ đồn cây không?”

Lúc này chúng tôi dùng một sợi dây thừng để dẫn dắt thân cây ngã đúng hướng. Falkenberg vừa cột sợi dây ở phía trên, và thân cây đứng lắc lư.

“Sợi dây đó để làm gì?”

“Để làm cho nó ngã đúng hướng,” tôi mở lời. Nhưng Fruen không bận tâm lắng nghe tôi nữa; nàng quay sang Falkenberg và hỏi thẳng gã:

“Việc nó ngã hướng nào có quan trọng không?”

Falkenberg phải trả lời nàng.

“Sao, không, chúng tôi cần lèo lái nó chút xíu, để nó không làm gãy quá nhiều cây non khi ngã

xuống.”

“Cô có nhận thấy không,” Fruen nói với cô bạn, “anh ta có một chất giọng thật tuyệt. Anh ta là người biết hát.”

Lúc này tôi thấy ghét mình biết bao vì đã nói quá nhiều, thay vì đọc được ý muốn của nàng! Nhưng cuối cùng tôi sẽ cho nàng thấy rằng tôi hiểu ngụ ý đó. Và, ngoài ra, chính Frøken Elisabeth chứ không phải ai khác là người tôi đang yêu; nàng không hay thay đổi thái độ, và cũng xinh đẹp không kém người kia – phải, một ngàn lần xinh hơn. Tôi sẽ tới nhận công việc ở chỗ cha nàng... Lúc này tôi quan tâm, bất cứ khi nào Fruen nói, tới việc đầu tiên nhìn Falkenberg rồi nhìn sang nàng, kèm lại câu đáp của mình như thể sợ phải nói không đúng lượt của mình. Tôi cũng nghĩ rằng nàng bắt đầu cảm thấy hơi hồi lồi khi nhận thấy điều này, vì có lần nàng nói, với một nụ cười khổ sở: “Vâng, vâng, tôi hỏi anh đó.”

Nụ cười đó và những lời của nàng... Một cơn lốc hân hoan cuộn trong quả tim tôi; tôi bắt đầu vung rìu với tất cả sức lực có được từ quá trình lao động lâu dài, và tạo nên những nhát rìu sâu, tôi chỉ nghe thấy một từ lúc này lúc khác về những điều họ nói.

“Họ muốn tối nay tôi hát cho họ nghe,” Falkenberg nói, khi họ đã ra về.

Chiều xuống.

Tôi đứng ở ngoài sân, nói chuyện với Đại úy. Chỉ còn ba bốn hôm nữa, công việc đồn gỗ của chúng tôi sẽ kết thúc.

“Sau đó các anh sẽ đi đâu?” Đại úy hỏi.

“Chúng tôi sẽ tìm việc trên tuyến đường ray.”

“Tôi có thể tìm cho các anh việc gì đó để làm ở đây,” Đại úy nói. “Tôi muốn đánh xe xuống đường cái theo một lối khác; con đường quá dốc. Hãy đến xem những gì tôi định nói.”

Ông đưa tôi đi vòng qua phía nam ngôi nhà, và chỉ trở đường này lối nọ, dù trời đã tối.

“Và khi việc đó xong xuôi, và một hai chuyện nhỏ khác, chúng ta sẽ ổn cho tới mùa xuân,” ông nói. “Sau đó sẽ là vụ nước, như anh đã nói. Và ngoài ra, Peter vẫn còn nằm ốm; chúng tôi không thể thu xếp như thế này. Tôi phải có một người khác giúp đỡ.”

Đột nhiên chúng tôi nghe thấy Falkenberg đang hát. Có ánh sáng trong phòng khách. Falkenberg đang ở đó, hát theo tiếng đệm dương cầm. Tiếng nhạc lan tới chỗ chúng tôi – cái gã này có một chất giọng nổi bật – và khiến tôi rùng mình ngoài ý muốn.

Đại úy giật mình, và nhìn lên cửa sổ.

“Không,” ông đột ngột nói; “Nói cho cùng, tôi nghĩ chúng ta cũng nên gác lại việc đánh xe cho tới xuân sau. Anh bảo anh sẽ đồn xong gỗ trong bao lâu?”

“Ba hoặc bốn ngày.”

“Tốt! Chúng ta sẽ nói thêm ba bốn ngày cho việc đó, rồi kết thúc cho năm nay.”

Một quyết định bất ngờ đến lạ lùng. Tôi thầm nghĩ. Và tôi nói lớn:

“Không có lý do gì để chúng tôi không làm công việc sửa đường trong mùa đông. Theo nhiều cách, nó sẽ tốt hơn. Có việc nổ mìn, và đưa đất đá lên...”

“Vâng, tôi biết... nhưng... à, tôi nghĩ giờ tôi phải vào nhà và nghe bài hát...”

Đại úy đi vào nhà.

Tôi chợt nảy ra ý tưởng rằng ông làm như thế vì phép lịch sự, muốn tự mình, như thường lệ, chịu trách nhiệm cho việc tiếp Falkenberg trong phòng khách. Nhưng tôi tưởng tượng rằng

ông thích ở lại nói chuyện với tôi hơn.

Đó là ý nghĩ của một kẻ hợm hĩnh, và hoàn toàn sai lầm.

XXII

Tôi đã hoàn thành những bộ phận lớn nhất trong cỗ máy, và có thể gắn chúng vào nhau và thử nó. Có một gốc dương lá rung cũ đã bị gió thổi ngã cạnh cầu vào kho thóc; tôi gắn công cụ của mình và đó, và phát hiện ngay rằng cái cửa sẽ hoạt động ổn. Aha, giờ bạn phải nói gì đây? Có một vấn đề cần xử lý! Tôi đã mua một lưỡi cửa lớn và tất cả răng cửa nằm ở phía lưng; những răng cửa này được lắp vào một cái bánh răng để tạo ma sát và được đẩy tới trước bởi cái nhíp. Bản thân cái nhíp được tôi chế ra từ một miếng đồng cooc-xê to mà Emma đã cho tôi, nhưng khi kiểm tra lại, nó tỏ ra quá yếu; vì thế tôi chế ra một cái khác từ một lưỡi cửa có bề ngang chỉ sáu li, sau khi đã giũa hết những răng cửa. Tuy nhiên, cái nhíp mới lại quá cứng; tôi phải cố hết sức xoay xở bằng cách cuộn nó lên nửa chừng, và khi nó chạy xuống, lại cuộn lên nửa chừng.

Không may là tôi biết quá ít về lý thuyết; đây là một trường hợp mò mẫm ở từng bước, và điều này khiến cho quá trình chậm lại. Ví dụ, cái bánh răng hình nón, tôi thấy nó quá nặng khi đưa nó vào thực hành, và phải nghĩ ra một hệ thống hoàn toàn khác.

Hôm tôi gắn cái cửa vào gốc cây là Chủ nhật; bộ phận bằng gỗ mới màu trắng và lưỡi cửa sáng loáng lấp lánh trong ánh mặt trời. Chẳng bao lâu những gương mặt xuất hiện ở các ô cửa sổ, và chính Đại úy tới. Ông không đáp lại lời chào của tôi, rất dỗi tập trung vào cái máy.

“Ờ, anh nghĩ nó sẽ hoạt động ra sao?”

Tôi cho nó chạy.

“Ái chà, tôi tin là nó sẽ...”

Fruen và Frøken Elisabeth bước ra, tất cả các người hầu bước ra, Falkenberg bước ra, và tôi cho họ xem nó hoạt động. Aha, tôi đã nói gì nhỉ?

Ngay sau đó, Đại úy nói:

“Việc gắn cái máy vào một thân cây sau một cây khác có mất nhiều thời gian không?”

“Một phần thời gian sẽ được bù đắp lại nhờ hoạt động dễ dàng hơn. Không cần phải dừng lại nghỉ xả hơi.”

“Vì sao không?”

“Vì áp lực bên chịu tác động của cái nhíp. Chính cái áp lực đó khiến cho công việc nhọc nhằn nhất.”

“Còn phần thời gian còn lại thì sao?”

“Tôi sẽ bỏ cách bố trí cuộn này và thay bằng một bàn kẹp, có thể dùng chân để ấn lên. Một cái bàn kẹp có răng để kẹp chặt hơn, và có thể điều chỉnh theo bất cứ kích thước cây nào.”

Tôi cho ông xem bản vẽ về cách bố trí bàn kẹp này; tôi chưa có thời gian để chế ra nó.

Đại úy tự tay thử qua cái cửa một lượt, cẩn thận lưu ý tới lượng lực cần thiết. Ông nói:

“Vấn đề là có quá nặng không khi kéo một cái cửa có chiều rộng gấp đôi một cái cửa bình thường.”

“Phải,” Falkenberg đồng ý; “Trông có vẻ như thế.”

Mọi người nhìn Falkenberg, rồi nhìn tôi. Giờ đã tới lượt tôi.

“Một người đơn độc có thể đẩy một chiếc xe tải chở đầy hàng trên đường ray,” tôi nói. “Và ở đây sẽ có hai người đàn ông cửa với lưỡi cửa chạy trên hai cái trục lăn qua những rãnh có tra

dầu. Nó dễ hoạt động hơn cách cửa cũ – một người đơn độc có thể làm việc với nó, nếu tình thế bắt buộc.”

“Nghe có vẻ như chuyện này không thể xảy ra.”

“Được, chúng ta sẽ xem.”

Frøken Elisabeth hỏi nửa đùa nửa thật:

“Nhưng xin nói cho tôi biết – tôi không hiểu chút gì mấy thứ này, anh biết đó – vì sao cách cửa một thân cây theo lối cũ lại không tốt hơn?”

“Anh ta đang cố loại bỏ áp lực bên; đó là một lực cản đối với những thợ cửa,” Đại úy giải thích. “Với một cái cửa như thế này, cô có thể, như anh ta nói, cửa theo chiều ngang với cùng một áp lực cô sẽ dùng tới để cửa bình thường theo chiều thẳng đứng. Nó đơn giản thế này: cô ấn xuống, nhưng áp lực lại chuyển sang hai bên. Nhân tiện,” ông tiếp tục, quay sang tôi, “anh có nghĩ sẽ có một nguy cơ khi ấn xuống hai đầu của lưỡi cửa và tạo ra một đường cắt lồi không?”

“Điều đó đã bị loại trừ ngay từ đầu nhờ hai cái trục lăn bên dưới lưỡi cửa.”

“Đúng, thứ đó có tác dụng đấy. Còn kể đến là gì?”

“Kể đến, không thể tạo một đường cắt lồi với cái máy này ngay cả khi ông muốn. Ông thấy đó, lưỡi cửa có lưng hình chữ T; điều đó khiến cho trên thực tế không thể uốn cong nó.”

Tôi hình dung Đại úy đã tự đưa ra một số phản đối chống lại sự kết án của chính mình. Là người biết mọi thứ, ông có thể tự trả lời chúng tốt hơn tôi. Mặt khác, có những điểm ông không chú ý tới, nhưng chúng khiến tôi lo lắng. Một cái máy được mang vác tới lui trong rừng không nên được chế tạo với những cơ cấu mỏng manh. Chẳng hạn, tôi e rằng hai cái rãnh thép có thể dễ dàng bị trầy xước, hoặc bị gãy, hoặc cong đến nỗi các bánh xe có thể bị kẹt. Không, các rãnh sẽ phải bị loại bỏ, và các bánh xe lắp vào lưng của cái cửa. Nói chung, cái máy của tôi không hoàn hảo mấy...

Đại úy bước tới gần Falkenberg và nói:

“Tôi muốn anh đánh xe giúp các quý cô vào ngày mai; họ sẽ đi đây đó, và hình như Peter chưa khỏe hẳn. Anh nghĩ anh làm được không?”

“Chắc chắn, và sẵn lòng,” Falkenberg đáp.

“Frøkenen sẽ trở về nhà,” Đại úy nói, khi ông quay bước. “Anh sẽ phải có mặt lúc sáu giờ.”

Falkenberg rất phấn chấn với dấu hiệu tin tưởng đó, và vui vẻ ngụ ý rằng tôi đang ghen với gã. Nói thật lòng, tôi không hề ghen ghét gã vì chuyện đó. Có lẽ tôi hơi tổn thương chút xíu khi thấy bạn tôi được ưa chuộng hơn tôi, nhưng chắc chắn tôi thích ở đây một mình trong sự yên tĩnh của khu rừng hơn là ngồi trên một cỗ xe và đánh xe trong cái lạnh.

Falkenberg rất hài lòng với bản thân.

“Giờ trông anh tái xanh đi vì ghen,” gã nói. “Tốt hơn anh nên làm chuyện gì đó. Thử dùng chút dầu thầu dầu xem.”

Gã bận rộn suốt buổi sáng để chuẩn bị cho chuyến đi, cọ rửa cỗ xe, tra mỡ vào bánh xe, và sau đó giặt bộ dây cương. Tôi giúp gã mấy việc đó.

“Tôi không tin là anh có thể đánh một cặp ngựa, thật đó,” tôi nói, cốt chỉ để chọc tức gã. “Nhưng tôi sẽ dạy cho anh một bài học nhỏ trước khi xuất phát, nếu anh thích.”

“Anh đón nhận nó quá tệ,” gã đáp. “Thật tội nghiệp khi thấy một người đàn ông có vẻ mặt như thế, khi một liều dầu thầu dầu sẽ giúp anh ta ổn lại.”

Lúc nào cũng như thế – trêu cợt và vui đùa với nhau.

Chiều hôm đó Đại úy đi ra chỗ tôi.

“Tôi không muốn cử anh đi với các quý cô,” ông nói, “vì công việc của anh. Nhưng giờ Frøken Elisabeth bảo cô ta muốn anh đánh xe chứ không phải người kia.”

“Tôi à?”

“Phải. Vì cô ta biết anh.”

“Sao, về chuyện đó, cứ làm như cũ cũng đủ an toàn rồi.”

“Anh có phiền khi đi không?”

“Không.”

“Tốt! Vậy việc đó coi như xong nhé.”

Tôi chợt nảy ngay ra ý nghĩ này: “Aha, rốt cuộc các quý cô đã mơ tưởng tới mình, vì mình là một nhà phát minh và chủ nhân của một cái cửa tinh xảo, và ngoại hình không tệ khi mình ăn mặc đàng hoàng – không hề tệ ở bất cứ giá nào.”

Nhưng Đại úy giải thích mọi sự với Falkenberg theo một cách hoàn toàn khác hẳn, điều đó khiến tôi thấy chàm tụt ái cực kỳ: Frøken Elisabeth muốn tôi đi xuống nhà ông mục sư một lần nữa, để cha nàng có thể cố đưa ra một đề nghị khác về việc nhận tôi làm công ở đó. Nàng đã hứa với ông sẽ làm như thế.

Tôi suy nghĩ mãi về lời giải thích này.

“Nhưng nếu anh nhận làm ở nhà ông mục sư thì vụ làm ở đường ray của chúng ta kể như xong,” Falkenberg nói.

“Tôi sẽ không nhận.” tôi đáp.

XXIII

Tôi khởi hành vào buổi sớm mai với hai quý cô trong một cỗ xe có mui kín. Thoạt tiên trời khá lạnh, và tấm chăn len của tôi trở nên có ích; tôi dùng nó để đắp, khi thì trên gối, khi thì quấn quanh vai.

Chúng tôi đi theo con đường mà tôi đã đi lên với Falkenberg, và tôi nhận ra hết nơi này đến nơi khác khi đi ngang qua. Ở đó và ở đó gã đã chặt những cây dương cầm; ở đó chúng tôi đã nghe thấy con ngỗng xám bay ngang... Mặt trời ló dạng, và trời trở nên ấm áp hơn; nhiều giờ trôi qua; sau đó, khi tới một ngã tư, các quý cô gõ vào cửa sổ và bảo đã tới giờ ăn.

Theo mặt trời, tôi có thể thấy còn quá sớm để các quý cô ăn trưa, dù đã khá đủ đối với tôi, xét tới việc tôi thường ăn với Falkenberg vào buổi trưa. Vì thế tôi đánh xe đi tiếp.

“Anh không thể dừng sao? Họ la lên.

“Tôi nghĩ... nhìn chung các cô sẽ không ăn cho tới ba giờ...”

“Nhưng chúng tôi đói.”

Tôi tấp xe vào một bên đường, tháo hai con ngựa ra, cho chúng ăn uống. Phải chăng những kẻ lạ lùng này bố trí giờ ăn của họ theo giờ ăn của tôi? “Værsaagod!” (Không có chi!/ Được thôi!)

Nhưng tôi cảm thấy không thể ngồi ăn với họ, vì thế tôi vẫn đứng cạnh hai con ngựa.

“Sao?” Fruen nói.

“Cám ơn lòng tốt của bà,” tôi nói, và chờ được phục vụ. Họ giúp tôi, cả hai người, như thể họ không bao giờ có thể cho tôi đủ. Tôi khai mấy chai bia, và nhận được một phần chia hào phóng; đây là một cuộc picnic cạnh lề đường – một chuyến du lịch mạo hiểm nho nhỏ trong đời tôi. Và tôi không hề dám nhìn Fruen, vì sợ nàng bị tổn thương.

Họ trò chuyện và nói đùa với nhau, thi thoảng với tôi, do lòng tốt, để tôi có thể cảm thấy dễ chịu. Frøken Elisabeth nói:

“Ồ, tôi nghĩ ăn ngoài trời thật thú vị. Anh có nghĩ vậy không?”

Và ở đây nàng nói De (họ) thay vì Du (anh), như nàng đã nói trước đó.

“Cô biết đó, chuyện này không có gì mới đối với anh ta,” Fruen nói; “anh ta ăn trưa ngoài rừng hàng ngày.”

Chà, nhưng giọng nói đó của nàng, và đôi mắt của nàng, và vẻ dịu dàng của bàn tay đưa cái cốc về phía tôi... Lẽ ra tới lượt mình tôi cũng có thể nói gì đó – kể cho họ nghe chuyện này chuyện nọ về những điều lạ lùng của thế giới rộng lớn bên ngoài, để giúp vui cho họ; lẽ ra tôi có thể chỉnh lại họ khi họ chuyện gẫu, hoàn toàn không biết gì về cách cưỡi lạc đà hay cách thu hoạch quả trong những vườn nho...

Tôi vội vã kết thúc bữa ăn, và đi ra xa. Tôi xách hai cái xô và đi xuống lấy thêm nước cho lũ ngựa, dù không cần thiết. Tôi ngồi xuống cạnh dòng suối và ở lại đó.

Một lúc sau Fruen gọi:

“Anh phải lên đứng cạnh hai con ngựa; chúng tôi sẽ đi ra xem có thể tìm được vài cây hoa bia dại hay thứ gì đó xinh xắn hay không.”

Nhưng khi tôi lên tới họ quyết định rằng mùa hoa bia dại đã qua, và giờ không còn sót lại quả thanh lương trà hoặc những chiếc lá giàu màu sắc nào.

“Giờ trong rừng chẳng có gì,” Frøkenen nói, và nàng nói thẳng với tôi một lần nữa: “Chà, ở

đây không có nghĩa trang cho anh đi lang thang nhĩ.”

“Không có.”

“Tôi cho rằng hẳn anh nhớ nó.” Và khi nàng tiếp tục giải thích với Fruen rằng tôi là một con người kỳ lạ, đi lang thang trong những khu nghĩa trang vào ban đêm và gặp gỡ những người chết. Và chính ở đó tôi đã phát minh ra các thứ máy móc.

Để có gì đó nói, tôi hỏi thăm về anh chàng Erik trẻ tuổi. Cậu ta đã bị một con ngựa lồng lên quăng xuống đất và bị thương nặng...

“Giờ anh ta khá hơn rồi,” Frøkenen nói ngắn gọn – Chị có sẵn sàng để đi tiếp chưa, Lovise?”

“Vâng. Chúng ta có thể xuất phát chưa?”

“Bất cứ khi nào các cô muốn,” tôi đáp.

Và chúng tôi lại đi tiếp.

Nhiều giờ trôi qua, mặt trời hạ xuống thấp trên bầu trời, và khí trời lạnh hơn – một đợt giá lạnh trong không khí; sau đó là gió và uớt át, nửa mưa, nửa tuyết. Chúng tôi đi ngang qua nhà thờ phụ, vài cửa tiệm ven đường, và hết nông trại này tới nông trại khác.

Rồi có một tiếng gõ trên cửa sổ của cỗ xe.

“Có phải đây là chỗ anh đã cưỡi những ngựa mượn đêm nọ không?” Frøkenen nói, cười to. “Ồ, tất cả chúng tôi đều biết chuyện đó, đừng lo!”

Và cả hai quý cô rất hưng phấn.

Tôi trả lời với một ý nghĩ bất chợt:

“Thế mà cha cô vẫn nhận tôi giúp việc cho ông ấy – hay không phải vậy?”

“Vâng.”

“Trong lúc tôi nghĩ tới việc này, Frøken, làm sao cha cô biết tôi đang làm việc cho Đại úy Falkenberg? Chính cô đã ngạc nhiên khi thấy tôi ở đó.”

Nàng suy nghĩ nhanh, liếc sang Fruen và nói:

“Tôi đã viết thư về nhà và nói cho họ biết.”

Fruen hạ thấp đôi mắt.

Với tôi giờ đây, dường như nàng thiếu nữ này đang bịa đặt. Nhưng nàng đưa ra những câu trả lời rất khéo khiến tôi phải ngậm miệng. Tất cả nghe có vẻ khá tự nhiên; nàng viết một lá thư bình thường cho người nhà, và ghi thế này: “Và cha mẹ nghĩ có ai ở đây? Người đã làm những đường ống nước cho chúng ta; giờ anh ta đang đốn gỗ cho Đại úy Falkenberg....”

Nhưng khi chúng tôi tới nhà ông mục sư, đã có sẵn một tay giúp việc mới, và đang làm việc – đã có ba tuần trôi qua. Anh ta bước ra để lo cho lũ ngựa.

Sau đó, tôi cứ suy nghĩ mãi – vì sao họ chọn tôi đánh xe đưa họ xuống? Có lẽ họ định đối đãi tốt với tôi một chút, để bù đắp lại việc Falkenberg được mời vào phòng khách để hát. Nhưng chắc chắn – họ không hiểu sao, những người này – rằng tôi là một người sắp hoàn thành một thứ máy móc mới, và sẽ không cần tới những điều nhỏ nhặt như thế!

Tôi đi quanh quần, bọc dọc, tức tối và bất mãn với chính mình, dùng bữa trong nhà bếp, nơi Oline chúc phúc tôi vì những đường ống nước, và đi ra chăm sóc cho lũ ngựa của tôi. Tôi lấy tấm chăn và đi tới kho thóc trong bóng tối...

Tôi choàng tỉnh khi phát hiện có ai đó đang chạm vào tôi.

“Anh không nên nằm ở đây, anh biết đó; trời đang lạnh cóng,” Prestefruen (Phu nhân của ông mục sư) nói. “Đi với tôi, và tôi sẽ chỉ cho anh...”

Chúng tôi nói về chuyện đó một lát; tôi không muốn di chuyển, và cuối cùng bà ngồi xuống. Bà là một ngọn lửa – không, một nàng con gái của Tự nhiên. Bên trong người bà đang trỗi lên tiếng nhạc của một điệu vũ mê ly.

XXIV

Sáng hôm sau tôi hài lòng hơn với mọi thứ. Tôi đã bình thản lại và trở nên biết điều – tôi cam chịu. Giá mà nhìn thấy trước được điều gì tốt nhất cho tôi, hẳn tôi đã làm việc ở nhà ông mục sư, và là người đứng đầu trong số tất cả những người giúp việc. Phải, định cư và bén rễ với một cuộc sống thôn quê lặng lẽ.

Fru Falkenberg đang đứng ngoài sân. Thân hình xinh đẹp của nàng trông như một cây cột, đứng đó tự do và thẳng tắp trong sân, và nàng để đầu trần.

Tôi chào nàng buổi sáng.

“Godmorgen!” nàng đáp lại, và sai bước về phía tôi. Rồi nàng hỏi rất lặng lẽ: “Đêm qua tôi muốn xem họ thu xếp cho anh thế nào, chỉ có điều tôi không thể ra ngoài. Nghĩa là, dĩ nhiên, tôi đã ra ngoài, nhưng... anh không ở trong kho thóc, phải không?”

Những từ cuối tới với tôi như thể trong một giấc mơ, và tôi không trả lời.

“Này, sao anh không trả lời?”

“Vâng... trong kho thóc? Vâng.”

“Thế ư? Và mọi thứ hoàn toàn ổn cả?”

“Vâng.”

“Ồ, tốt, vậy... vâng – vâng. Chúng ta sẽ quay về trong ngày hôm nay.”

Nàng quay lưng và bước đi, mặt nàng đỏ bừng...

Harald tới và yêu cầu tôi làm một con diều.

“Một con diều?” Tôi lúng túng đáp. “Phải, tôi sẽ làm cho cậu một con diều thật to, nó sẽ bay tới tận những đám mây. Tôi sẽ làm.”

Chúng tôi làm diều trong khoảng hai giờ, Harald và tôi. Cậu ta tốt và nhanh nhẹn, và rất ngây thơ trong sự nôn nóng của mình; về phần mình, tôi nghĩ tới bất cứ thứ gì ngoài những con diều. Chúng tôi làm một cái đuôi dài nhiều mét, và lúi húi dán, vổ và cột; Frøken Elisabeth bước ra hai lần để xem. Có lẽ nàng vẫn rạng rỡ và ngọt ngào như trước, nhưng tôi không quan tâm tới việc nàng như thế nào và không hề nghĩ tới nàng.

Sau đó có lệnh thả ngựa để chuẩn bị lên đường. Lẽ ra tôi nên tuân lệnh ngay tức khắc, vì chúng tôi còn cả một chặng đường dài trước mặt, nhưng thay vì vậy, tôi cử Harald vào để hỏi xem chúng tôi có thể chờ thêm nửa giờ nữa không. Và chúng tôi làm tiếp cho tới khi hoàn thành con diều. Ngày hôm sau, khi giấy dán đã khô, Harald có thể thả diều và ngắm nó bay lên, và cảm nhận một cảm xúc chưa từng biết trong lòng, như tôi đang cảm thấy lúc này.

Sẵn sàng xuất phát.

Fruen bước ra; cả nhà đang ở đó để tiễn chân nàng. Cả ông mục sư lẫn bà vợ biết tôi lần nữa, đáp lại lời chào của tôi, và nói vài lời – nhưng lúc này tôi không nghe nói gì về việc phục vụ cho họ. Ông mục sư biết lại tôi – phải; và bà vợ mắt xanh của ông liếc trộm tôi như thể vừa biết lại tôi, dù bà đã biết tôi từ đêm trước.

Frøken Elisabeth mang ra một ít thức ăn cho chuyến đi, và trùm thêm áo choàng cho bạn của mình.

“Có chắc là chị đủ ấm chưa?” nàng hỏi lần cuối.

“Hoàn toàn chắc chắn, cảm ơn; với tất cả những thứ này thì quá ấm rồi. Farvel, Farvel.”

“Hãy đánh xe tốt như anh đã làm hôm qua nhé, Frøken nói, và gặt đầu với tôi.

Chúng tôi lên đường.

Ngày ẩm và lạnh buốt, và tôi thấy ngay rằng Fruen không đủ ấm với tấm chăn của nàng.

Chúng tôi đi hết giờ này sang giờ khác; hai con ngựa biết chúng đang trên đường về nhà, và phi nước kiệu mà không đợi lệnh. Hai bàn tay trần của tôi cứng lại quanh những sợi dây cương. Khi chúng tôi tới gần một ngôi nhà cách con đường một quãng ngắn, Fruen gõ vào cửa sổ để báo hiệu đã tới giờ ăn trưa. Nàng bước ra, và mặt nàng tái xanh vì lạnh.

“Chúng ta sẽ đi lên đó để ăn trưa,” nàng nói. “Hãy lên ngay khi anh đã sẵn sàng và mang theo cái giỏ.”

Và nàng đi lên đồi.

Hẳn là vì lạnh nên nàng chọn việc ăn trong nhà của một người xa lạ, tôi nghĩ bụng; không lý nào nàng lại e sợ tôi... Tôi cột hai con ngựa và cho chúng ăn cỏ khô. Có vẻ như trời mưa, vì thế tôi trùm vải dầu lên người chúng, vỗ về chúng, rồi đi lên ngôi nhà với cái giỏ.

Chỉ có một bà cụ ở nhà. “Værsaagod!” bà ta nói và “Mời vào.” Rồi bà ta tiếp tục trông nồi cà phê. Fruen mở giỏ ra và nói mà không nhìn tôi:

“Tôi cho là hôm nay tôi lại giúp cho anh?”

“Cảm ơn nếu cô sẵn lòng.”

Chúng tôi ăn trong im lặng, tôi ngồi trên một cái ghế dài cạnh cửa, đĩa đặt trên ghế bên cạnh tôi, Fruen ngồi ở bàn, suốt buổi nhìn ra cửa sổ, và hầu như không ăn gì cả. Thỉnh thoảng nàng trao đổi một lời với bà cụ, hoặc liếc nhìn cái đĩa của tôi xem nó đã hết chưa. Căn nhà nhỏ này khá chật hẹp, từ cửa sổ tới chỗ tôi ngồi chỉ có hai bước chân; vì thế, nói cho cùng, cả bọn chúng tôi đều ngồi cạnh nhau.

Khi cà phê đã sẵn sàng, tôi không còn chỗ để đặt cốc của mình, nên ngồi cầm nó trên tay. Thế rồi Fruen quay thẳng về phía tôi một cách bình thản và nói với đôi mắt nhìn xuống:

“Ở đây có chỗ.”

Tôi có thể nghe thấy tiếng tim mình đập, và tôi lẩm bẩm:

“Cảm ơn, cũng ổn thôi. Tôi muốn...”

Không còn ngờ gì rằng nàng thấy khó chịu; nàng sợ tôi sẽ nói điều gì đó. Nàng lại ngồi nhìn đi chỗ khác, nhưng tôi có thể thấy nàng đang thở một cách nặng nhọc. Chà, nàng không cần phải sợ, tôi sẽ không nói lời nào để quấy rầy nàng.

Lúc này tôi phải mang cái đĩa và cốc trống đặt lại trên bàn, nhưng tôi sợ làm nàng giật mình khi tới gần, vì nàng vẫn đang ngồi, đầu ngoảnh sang bên. Tôi tạo ra một tiếng động khẽ với cốc đĩa để thu hút sự chú ý của nàng, đặt chúng xuống và cảm ơn nàng.

Nàng cố lấy giọng của một bà nội trợ:

“Anh không ăn thêm chút nữa sao? Tôi chắc là anh không thể...”

“Không, cảm ơn nhiều... Tôi gói ghém lại các thứ nhé? Nhưng tôi ngờ là tôi không thể.”

Tôi tình cờ liếc xuống hai bàn tay của mình; chúng đã sưng phồng một cách kinh khủng trong căn phòng ẩm, và lúc này trở nên nặng nề, không hình dáng. Tôi không tài nào gói ghém các thứ với hai bàn tay như thế này. Nàng đoán ra ý nghĩ của tôi, đầu tiên nhìn vào tay tôi, rồi quanh căn phòng, và nói, với một nụ cười mỉm mỉa:

“Anh không có găng tay à?”

“Không, tôi chưa bao giờ đeo chúng.”

Tôi đi trở lại chỗ của mình, chờ cho tới khi nàng gói ghém xong các thứ để tôi có thể mang cái giỏ xuống. Đột nhiên nàng quay đầu về phía tôi, vẫn không nhìn lên, và hỏi lại:

“Anh từ đâu đến?”

“Từ Nordland.”

Im lặng.

Tôi đánh bạo hỏi lại rằng Fruen có từng tới đó chưa.

“Có, khi tôi còn bé.”

Rồi nàng nhìn đồng hồ đeo tay, như thể để ngăn tôi hỏi thêm bất cứ câu nào, đồng thời ngụ ý rằng đã muộn rồi.

Tôi đứng lên ngay lập tức và đi ra chỗ cặp ngựa.

Trời đã sập tối; bầu trời tối hơn, và một trận mưa tuyết nhỏ, ẩm ướt, bắt đầu rơi. Tôi ngấm ngấm lấy tấm chăn từ thùng xe xuống, và giấu nó bên dưới ghế trước bên trong xe; khi làm xong, tôi cho ngựa uống nước và thắt chúng vào xe. Một lúc sau, Fruen xuống đồi. Tôi đi lên để cầm cái giỏ, và gặp nàng ở giữa đường.

“Anh đi đâu vậy?”

“Để lấy cái giỏ.”

“Anh không phải bận tâm, cảm ơn; không có gì để mang về cả.”

Chúng tôi đi xuống chỗ cỗ xe; nàng bước vào và tôi giúp nàng trùm tấm chăn nàng có lên người. Sau đó tôi lôi tấm của tôi từ bên dưới ghế trước, cẩn thận để viền chăn ngoài tầm mắt kéo không nàng sẽ nhận ra nó.

“Ồ, thật may quá! Fruen kêu lên. “Sao, nó từ đâu ra vậy?”

“Dưới ghế ở đây.”

“Chà... dĩ nhiên tôi có thể mượn vài tấm chăn ở nhà ông mục sư, nhưng những người đó sẽ không bao giờ nhận chúng lại... Cảm ơn; tôi có thể lo liệu... không, cảm ơn anh; tôi có thể tự xoay xở. Anh có thể đánh xe rồi.”

Tôi đóng cửa xe lại và trèo lên chỗ ngồi của mình.

“Bây giờ, nếu nàng lại gõ vào cửa sổ, đó là vì tấm chăn đó,” tôi thầm nghĩ. “Được, mình sẽ không dừng lại...”

Nhiều giờ trôi qua; lúc này trời tối như mực, mưa và tuyết to hơn trước, và con đường ngày càng tệ hại. Thỉnh thoảng tôi phải nhảy xuống xe, chạy bên cạnh cặp ngựa để giữ ấm; nước chảy ra từ bộ quần áo của tôi.

Lúc này chúng tôi đã tới gần nhà.

Tôi hy vọng sẽ không có quá nhiều ánh sáng khi chúng tôi đi lên, kéo nàng nhận ra tấm chăn. Thật không may, mọi cửa sổ đều sáng đèn, chờ nàng tới.

Trong niềm tuyệt vọng, tôi ghìم cặp ngựa lại một quãng ngắn trước khi chúng tôi tới thềm, và nhảy xuống để mở cửa xe.

“Nhưng vì sao... anh lại dừng xe ở đây?”

“Tôi chỉ nghĩ có lẽ Fruen không ngại xuống xe ở đây. Ở phía trước toàn là bùn... Những cái

bánh xe...”

Hắn nàng nghĩ tôi đang cố quyến rũ nàng làm gì đó, có Trời mới biết!...

“Đánh xe tiếp đi, anh bạn, làm đi!” nàng nói.

Cặp ngựa đi tới, và cỗ xe dừng lại đúng ngay chỗ đèn sáng nhất.

Emma bước ra để đón bà chủ. Fruen trao cho cô ta bó chăn, vì nàng đã quấn chúng lại trước khi bước khỏi xe.

“Cám ơn!” nàng nói với tôi, đưa mắt liếc quanh khi bước vào nhà. “Ôi Trời, anh ướt sũng cả người!”

Một tin tức lạ lùng đang chờ tôi: Falkenberg đã chấp nhận làm người giúp việc trong trại cho Đại úy.

Điều này phá hỏng kế hoạch mà chúng tôi đã nhất trí, và một lần nữa tôi lại bị bỏ mặc một mình. Tôi không thể hiểu được một từ nào trong tất cả chuyện này. Dù sao, tôi có thể suy nghĩ cặn kẽ về nó vào ngày mai... Tới hai giờ sáng tôi vẫn còn nằm thao thức, rùng mình và suy nghĩ. Trong suốt mấy giờ đó tôi không thể nào ấm người lại; rồi cuối cùng nó chuyển sang nóng, và tôi nằm đó, sốt cao... Hôm qua nàng đã sợ hãi biết bao – không dám ngồi xuống ăn với tôi bên vệ đường, và không bao giờ mở mắt nhìn tôi một lần trong suốt chuyến đi...

Tôi sực nghĩ ra trong một thoáng giây tỉnh táo rằng tôi có thể đánh thức Falkenberg với sự trần trối của mình, và có lẽ sẽ nói gì đó trong cơn mê sảng. Điều này sẽ không bao giờ xảy ra. Tôi nghiêng chặt răng, và nhảy lên, mặc lại quần áo, lò dò xuống thang, và chạy khắp những cánh đồng. Một lúc sau, quần áo bắt đầu giúp tôi ấm lại; tôi tiến vào rừng, tới chỗ mà chúng tôi từng làm việc; mồ hôi và nước mưa chảy xuống mặt tôi. Giá tôi có thể tìm thấy cái cưa và làm việc để xua cơn sốt ra khỏi người tôi – đây là một cách chữa bệnh cũ và đã thử nghiệm của tôi. Không thấy cái cưa đâu cả, nhưng tôi bắt gặp cái rìu mà tôi đã bỏ lại đó hôm chiều Thứ bảy, và bắt đầu làm việc với nó. Trời tối đến nỗi hầu như không nhìn thấy gì, nhưng thỉnh thoảng tôi dùng hai tay sờ soạng vết rìu và hạ gục nhiều cây. Lúc này mồ hôi ứa ra khắp người tôi.

Sau đó, thấy khá kiệt sức, tôi giấu cái rìu vào chỗ cũ; lúc này trời rạng sáng, và tôi cất bước chạy về nhà.

“Anh đã đi đâu vậy?” Falkenberg hỏi.

Tôi không muốn gã biết việc tôi đã bị cảm hôm trước và có lẽ sẽ đi tán chuyện về nó trong nhà bếp; tôi chỉ lẩm bẩm đôi điều về việc không hoàn toàn biết rõ nơi tôi đã tới.

“Anh đã đi tìm gặp Rønnaug, tôi đánh cược,” gã nói.

Tôi trả lời: phải, tôi đã ở với Rønnaug, vì gã đã đoán như thế.

“Chuyện đó không có gì khó đoán,” gã nói. “Dù sao, giờ anh sẽ không thấy tôi chạy theo bất kỳ người nào trong số họ.”

“Vậy sẽ có Emma hả?”

“Sao, có vẻ là thế. Thật tiếc khi anh không thể kiểm được ở đây. Vậy anh có thể kiểm một trong số các người khác, có lẽ.”

Và gã tiếp tục nó về việc có lẽ tôi đã chọn các cô gái khác, nhưng Đại úy chẳng có ích gì cho tôi. Thậm chí ngày mai tôi sẽ không ra rừng... Những từ nghe thật xa xăm, tới tai tôi qua một biển cả của giấc ngủ mê đang cuộn về phía tôi.

Sáng hôm sau cơn sốt hạ; tôi vẫn còn hơi yếu, nhưng cũng chuẩn bị đi ra rừng.

“Anh không cần mặc đồ lao động vào nữa,” Falkenberg nói. “Tôi đã nói với anh điều đó từ trước.”

Đúng! Dù sao đi nữa, tôi vẫn mặc bộ đồ lao động vào, vì những bộ khác đã ướt. Lúc này Falkenberg khá lúng túng với tôi, vì đã phá vỡ kế hoạch của chúng tôi; để viện cớ, gã nói gã tưởng tôi đã nhận công việc ở nhà ông mục sư.

“Vậy ra anh sẽ không đi lên những ngọn đồi hả?” tôi hỏi.

“Ừm! Không, tôi không nghĩ thế - không. Và chính anh cũng biết, tôi muốn bệnh với việc đi

lang thang rồi. Tôi sẽ không kiếm được một cơ hội tốt hơn cơ hội này.”

Tôi làm ra vẻ điều đó với tôi không có gì quan trọng, rồi đặt một sự chú ý bất ngờ vào Peter; anh ta thật xui xẻo, anh chàng tội nghiệp, bị từ chối và không có nơi nào để đi.

“Không có chỗ nào để đi?” Falkenberg lặp lại. “Khi anh ta đã nằm ở đây suốt ba tuần anh ta được phép nghỉ bệnh theo luật, anh ta sẽ quay về nhà. Cha anh ta là một nông dân.”

Sau đó Falkenberg tuyên bố việc để tôi đi là một mất mát về phần gã. Nếu không phải vì Emma, nói chung gã sẽ hủy lời hứa với Đại úy.

“Đây,” gã nói, “tôi sẽ cho anh mấy thứ này.”

“Đó là gì vậy?”

“Đó là những giấy chứng nhận, giờ tôi không cần tới chúng, nhưng chúng có thể có ích cho anh lúc ngặt nghèo. Nếu anh muốn chỉnh một cây đàn dương cầm, chẳng hạn.”

Và gã trao cho tôi những tờ giấy và cái chìa khóa.

Nhưng, xét tới việc tôi không có lỗi tai âm nhạc, những thứ này chả có ích gì cho tôi, và tôi nói với gã như thế. Tôi có thể xử lý một hòn đá mài tốt hơn là một cây đàn dương cầm.

Nghe thấy thế Falkenberg bật cười, nhẹ nhõm khi thấy tôi sẵn sàng nói đùa cho tới cùng...

Falkenberg đi ra. Tôi có thì giờ để ở không một chút, và cứ để quần áo trên người, tôi nằm xuống giường, nghỉ ngơi và suy nghĩ. Phải, công việc của chúng tôi đã hết; dù sao chúng tôi phải ra đi. Tôi không thể tính tới việc ở lại đây mãi được. Điều duy nhất nằm ngoài mọi tính toán là việc Falkenberg ở lại. Giá mà họ đề nghị công việc đó với tôi, tôi sẽ làm việc đủ cho cả hai! Giờ có bất kỳ cơ may nào để mua chuộc gã không, tôi tự hỏi. Nói thật lòng, tôi tưởng tượng tôi đã lưu ý tới một điều gì trước đó; như thể Đại úy không hoàn toàn hài lòng khi có gã người làm mang tên của chính ông quanh quẩn ở nhà này. Chà, có lẽ tôi đã sai lầm.

Tôi nghĩ tới nghĩ lui mãi. Nói cho cùng, tôi đã là một người làm công giỏi, trong chừng mực tôi biết, và tôi chưa hề ăn cắp một phút giây nào trong giờ của Đại úy cho phát minh của riêng tôi.

Tôi lại ngủ thiếp đi, và thức giấc vì tiếng bước chân trên thang gác. Trước khi tôi có thì giờ đứng lên đang hoàng, chính bản thân Đại úy đã xuất hiện ở lối đi.

“Đừng ngồi dậy,” ông nói với vẻ tử tế, và quay đi như định sẽ tới sau. “Tuy nhiên, vì anh đã thức, chúng ta có thể thanh toán tiền. Anh nói sao?”

Tôi nói cứ làm theo ý của ông, và cảm ơn nhiều.

“Tuy vậy, tôi phải nói với anh, cả bạn anh và tôi đều nghĩ anh sẽ làm việc ở nhà ông mục sư, và vì thế... Giờ thì thời tiết đang xấu, không còn việc gì để làm trong rừng nữa. Ngoài ra, chúng ta đã hạ tất cả những cây cần hạ. Ờ, bây giờ tôi đã thanh toán với người kia. Tôi không biết anh có...”

Tôi bảo tôi sẽ hoàn toàn hài lòng với giá tiền tương tự.

“Ừm! Bạn của anh và tôi đã đồng ý anh nên được trả thêm mỗi ngày.”

Falkenberg không hề nói lời nào với tôi về việc này; nghe có vẻ như đây là ý tưởng riêng của Đại úy.

“Tôi đã đồng ý với anh ta chúng tôi sẽ chia đều nhau.”

“Nhưng anh là đốc công; tất nhiên anh nên có thêm năm mươi øre mỗi ngày.”

Tôi thấy sự do dự của mình khiến ông không hài lòng, và để mặc cho ông tính toán theo ý

thích. Khi ông đưa tiền cho tôi, tôi bảo nó nhiều hơn mức tôi đã tính. Đại úy trả lời:

“Rất vui khi nghe thấy thế. Và tôi đã viết vài dòng ở đây, có thể nó sẽ hữu ích, rằng anh đã làm việc tốt trong thời gian ở đây.”

Ông trao cho tôi tờ giấy.

Một người công bằng và tử tế, ông Đại úy này. Ông không nói gì về ý tưởng dẫn nước vào nhà vào mùa xuân tới. Tôi cho là ông có những lý do riêng cho chuyện đó, và không muốn làm khó ông.

Sau đó ông hỏi:

“Vậy là anh sẽ lên đường bây giờ để làm việc ở tuyến đường ray?”

Tôi đáp tôi không hoàn toàn chắc chắn về chuyện đó.

“Ờ, ờ... dù sao, cảm ơn về thời gian anh làm với chúng tôi.”

Ông tiến về phía cửa. Và tôi, yếu ớt khốn khổ như thế, vẫn không thể kèm lòng mà phải hỏi:

“Ông không có bất cứ công việc nào cho tôi sau này, có lẽ vào mùa xuân, hay sao?”

“Tôi không biết; chúng tôi sẽ xem. Tôi... ờ, tất cả còn tùy. Nếu anh tình cờ ở bất kỳ nơi nào gần, sao... Còn về cái máy của anh thì sao?”

Tôi đánh bạo hỏi xem tôi có thể để lại nó ở đây không.

“Tất nhiên,” Đại úy đáp.

Khi ông đã đi, tôi ngồi dậy trên giường. Vâng, giờ tất cả đã kết thúc. Vâng, như thế đấy – và Thượng đế thương xót tất cả chúng ta! Chín giờ; nàng đã thức – nàng ở đó trong ngôi nhà mà tôi có thể nhìn thấy từ ngay ô cửa sổ này. Vâng, tôi sẽ đi ra và kết thúc chuyện này.

Tôi lấy cái ba lô ra và sắp xếp các thứ vào, mặc cái áo khoác ướt bên ngoài cái áo blu, và sẵn sàng lên đường. Nhưng tôi lại ngồi xuống.

Emma đi vào: “Værsaagod”; có một thứ đã sẵn sàng cho anh trong bếp.”

Tôi hoảng hồn khi thấy cô ta ôm trên tay tấm chăn của tôi.

“Và Fruen bảo tôi hỏi đây có phải là chăn của anh không.”

“Của tôi? Không; tôi đã có chăn của tôi ở đây cùng các thứ đồ khác.”

Emma lại đi ra với tấm chăn.

Chà, làm sao tôi có thể nói đó là của tôi? Quỷ sứ hãy lấy tấm chăn đó đi!... Tôi có nên đi xuống bếp không? Tôi có thể nói lời tạm biệt và cảm ơn cùng một lúc – không có gì lạ thường trong việc đó.

Emma lại đi vào với tấm chăn đã được xếp gọn ghẽ và đặt nó lên một cái ghế đầu.

“Nếu anh không vội lên, cà phê sẽ bị nguội,” cô ta nói.

“Cô đặt tấm chăn ở đó chi vậy?”

“Fruen bảo tôi làm thế.”

“Ồ, tốt, có lẽ nó là của Falkenberg”, tôi lẩm bẩm.

Emma hỏi:

“Giờ anh sẽ đi xa hẵn sao?”

“Phải, khi xét tới việc cô sẽ không dính dáng gì tới tôi.”

“Anh!” Emma nói, với một cái hắt đầu.

Tôi cùng đi tới nhà bếp với Emma; khi đang ngồi ở bàn, tôi thấy Đại úy đi ra rùng. Thật tốt khi ông đi khỏi – có lẽ giờ đây Fruen có thể ra khỏi nhà.

Tôi kết thúc bữa ăn và đứng lên. Tôi có nên xuất phát ngay bây giờ không? Tất nhiên, còn gì khác nữa? Tôi chào từ giã những người hầu, với một câu nói đùa lần lượt với từng người.

“Tôi cũng muốn chào từ giã Fruen, nhưng...”

“Fruen đang ở trong nhà, tôi sẽ...”

Emma đi vào nhà, và quay lại trong giây lát.

“Fruen đang nằm vì bị nhức đầu. Bà ấy gửi lời chúc tốt lành.”

“Hãy quay lại nhé!” các cô gái nói khi tôi cất bước.

Tôi đi ra khỏi nơi đó, với cái ba lô ôm dưới cánh tay. Rồi đột nhiên tôi nhớ tới cái rìu; có thể Falkenberg sẽ không tìm thấy nó ở nơi tôi đã cất. Tôi quay lại, gõ cửa nhà bếp, và để lại một tin nhắn cho gã về địa điểm của nó.

Trong lúc xuôi xuống đường cái, tôi quay lại một hai lần và nhìn về phía những ô cửa sổ của ngôi nhà. Rồi tất cả khuất khỏi tầm mắt.

XXVI

Tôi đi lòng vòng cả ngày hôm đó, luôn giữ cho gần với Øvrebø; ghé vào một hai nông trại để tìm việc làm, và lại đi lang thang tiếp như một gã vô gia cư, một cách vô mục đích. Hôm đó là một ngày lạnh giá, xấu trời, và tôi cần phải đi để giữ ấm.

Lúc xế chiều tôi quay lại chỗ làm việc cũ trong khu rừng của Đại úy. Tôi không nghe thấy tiếng rìu nào; Falkenberg đã về nhà. Tôi tìm thấy những thân cây mà tôi đã đốn đêm hôm trước, và bật cười với những gốc cây nham nhở mà tôi đã bỏ lại. Chắc hẳn Falkenberg đã nhìn thấy sự tàn phá này, và tự hỏi ai là người đã thực hiện nó. Có lẽ gã đã gán nó cho một trò phù thủy, và chuồn về nhà sau đó, trước khi trời tối. Falkenberg!... Hahaha!

Nhưng tôi ngờ rằng đây không phải là một niềm vui lành mạnh – một điều phát sinh từ cơn sốt và sự yếu đuối theo sau nó. Và chẳng bao lâu sau tôi lại trở nên buồn bã. Ở đây, tại chỗ này, hôm nọ nàng đã đứng với người bạn gái của nàng; họ đã đi ra và nói chuyện với chúng tôi trong rừng...

Khi trời đủ tối, tôi bắt đầu đi về phía ngôi nhà. Có lẽ đêm nay tôi sẽ ngủ trong cái gác xép lần nữa; rồi ngày mai, khi cơn nhức đầu của nàng đã qua, nàng có thể ra ngoài. Tôi đi xuống đủ gần để nhìn thấy những ánh đèn của ngôi nhà, rồi quay lại. Không, có lẽ giờ còn quá sớm.

Sau đó là một quãng thời gian – tôi cho là khoảng hai giờ – tôi đi lang thang một vòng và ngồi xuống một lát, rồi lại đi lang thang và ngồi xuống một lát; sau đó tôi lại đi về phía ngôi nhà. Lúc này tôi có thể đi lên chỗ căn gác xép và nằm xuống đó. Còn về phần Falkenberg – đồ sâu bọ khốn khổ! – để xem gã dám nói một lời nào! Giờ tôi biết tôi sẽ làm gì. Tôi sẽ giấu cái ba lô trong từng trước khi đi lên, để trông như thể tôi chỉ quay lại vì một thứ nhỏ nhặt đã để quên.

Và tôi quay trở vào rừng.

Ngay lúc giấu cái ba lô xong tôi nhận ra tôi không quan tâm chút nào tới Falkenberg và việc ngủ trong căn gác xép. Tôi là một tên ngốc, một kẻ điên khùng, vì điều tôi muốn không phải là chỗ trú ngụ trong đêm, mà là để nhìn một con người ở đó trước khi tôi rời khỏi chốn này. Và tôi tự nhủ: “Anh bạn tốt của tôi, không phải cậu đã định sống một cuộc đời lạng lẽ giữa những người dân lành mạnh, để có lại sự an bình tâm trí hay sao?”

Tôi lôi cái ba lô khỏi nơi đã giấu nó, quẳng nó lên vai, và đi về phía ngôi nhà lần thứ ba, tránh xa khỏi khu nhà của những người giúp việc, và đi vòng qua phía nam của tòa nhà chính. Có ánh đèn trong phòng khách.

Và lúc này, dù trời tối, tôi hạ cái ba lô trên vai xuống, để trông không giống như một gã ăn xin, và dúi nó vào dưới cánh tay như thể nó là một cái gói. Cứ thế tôi thận trọng rón rén đi về phía ngôi nhà. Khi đã tới đủ gần, tôi dừng lại, đứng ở đó, thẳng và mạnh mẽ trước những ô cửa sổ, tháo mũ ra và đứng yên ở đó. Không có ai ở bên trong, không một bóng người. Phòng khách hoàn toàn tối đen; họ đã dùng xong bữa tối. Hẳn là đã muộn rồi, tôi tự nhủ.

Đột ngột cây đèn dầu trong phòng khách tắt phụt, và toàn bộ ngôi nhà dường như đã chết và bị bỏ hoang. Tôi chờ một lát, rồi có một ánh sáng lẻ loi tỏa ra từ tầng trên. Hẳn đó là phòng nàng. Ánh đèn sáng trong nửa giờ, có lẽ, rồi lại tắt phụt. nàng đã đi ngủ. Giã từ!

Giã từ mãi mãi!

Và, dĩ nhiên, tôi sẽ không trở lại chốn này vào mùa xuân. Một ý nghĩ ngớ ngẩn!

Khi trở xuống tới đường cái, tôi lại đeo cái ba lô lên vai và cất bước lững lờ...

Vào buổi sáng tôi lại tiếp tục đi, sau khi ngủ trong một kho thóc lạnh khủng khiếp, không có gì để quần quanh người; ngoài ra, tôi phải cất bước ngay vào giờ lạnh nhất, ngay lúc rạng đông, để người ta không tìm thấy tôi ở đó.

Tôi đi, đi mãi. Khu rừng thay đổi từ thông sang bạch dương rồi trở lại thứ tự cũ. Khi gặp một khoảnh rừng cây bách xù đẹp, nhánh thẳng, tôi cắt cho mình một nhánh để làm gậy, rồi ngồi bên bìa rừng để tĩa gọn nó. Đó đây giữa những cây cối, vẫn còn treo một hai chiếc lá vàng, nhưng trên những cây bạch dương mọc đầy hoa đuôi sóc với những chùm rũ xuống trông như những giọt ngọc trai. Thi thoảng, năm mười con chim nhỏ hạ cánh xuống một trong những cây bạch dương này để mổ hoa đuôi sóc, sau đó nhìn quanh để tìm một tảng đá hay một thân cây thô ráp để chà sạch chất nhựa dính khỏi mỏ của chúng. Mỗi con đều ganh nhau với những con còn lại; chúng quan sát, xua đuổi con khác đi, dù có tới hàng triệu bông hoa đuôi sóc để chúng ăn tùy thích. Và con chim đang bị săn đuổi không hề làm gì khác ngoài việc bay đi. Nếu một con chim nhỏ lao tới một con lớn hơn, con này sẽ bỏ đi; ngay cả một con chim hét to hết cỡ cũng không hề chống cự lại một con chim sẻ, mà chỉ cất cánh bay. Tôi tưởng tượng hẳn là tốc độ của cuộc tấn công đã làm được điều này.

Cái lạnh và sự khó chịu của buổi sớm mai dần biến mất; tôi thấy vui vui khi quan sát những thứ đa dạng mà tôi bắt gặp trên đường, và suy nghĩ đôi chút, khá lười lỉnh, về mỗi thứ đó. Lũ chim là vui nhộn nhất; ngoài ra, cũng thật là vui khi nhớ rằng tôi có một túi đầy tiền.

Sáng hôm đó Falkenberg có đề cập tới địa điểm nhà của Peter, và lúc này tôi tìm tới đó. Khó mà có công việc cho tôi ở một nơi nhỏ bé như thế; nhưng giờ tôi giàu có, công việc không phải là thứ tôi tìm kiếm đầu tiên. Peter sẽ sớm trở về nhà, không ngờ gì nữa, và có lẽ sẽ có vài tin tức để nói với tôi.

Tôi cố xoay xở để tới nông trại vào chiều tối. Tôi bảo rằng tôi mang tin tức về con trai của họ, rằng giờ anh ta đã khá hơn nhiều, và sẽ sớm về nhà. Và họ có thể thu xếp cho tôi ngủ lại trong đêm không?

XXVII

Tôi đã ở đây hai ngày. Peter đã trở về nhà, nhưng không có gì để nói.

“Ở Øvrebø vẫn ổn cả hả?”

“Phải, theo tôi biết thì không có gì không ổn.”

“Anh có gặp tất cả bọn họ trước khi đi không? Đại úy, Fruen?”

“Có.”

“Không ai bị ốm chứ?”

“Không, sao, ai có thể bị?”

“Ờ, Falkenberg đã nói gì đó về việc tay anh ta bị thương. Nhưng tôi cho là giờ nó đã ổn.”

Trong ngôi nhà này không thoải mái chút nào, dù dường như họ hoàn toàn khăm khá. Cha của Peter là nghị viên, và đã quen ngồi đọc những tờ báo vào buổi tối. Chà, cứ đọc, đọc mãi – cả nhà khổ sở vì chuyện đó, và các cô con gái chán chết được. Khi Peter về nhà, toàn thể gia đình bắt đầu tính toán xem anh ta có nhận đủ tiền công hay chẳng, và có nằm nghỉ ốm ở Øvrebø đủ thời gian được phép theo luật định, hoặc “được cung cấp bởi quy chế” theo cách nói của ông nghị viên, cha anh ta, hay chẳng. Hôm qua, khi tôi vô tình làm vỡ một cái cửa sổ – một tấm kính nhỏ không đáng giá mấy – đã có những lời thì thầm vô tận về việc đó và những cái liếc mắt không thân thiện vào tôi từ mọi phía; vì thế hôm nay tôi đi lên cửa hàng và mua một tấm kính mới, gắn nó lại đàng hoàng với mát tit. Sau đó ông nghị viên bảo: “Anh không cần bận tâm như thế về một tấm kính.”

Nói thật lòng, tôi tới cửa tiệm không chỉ vì chuyện đó; tôi còn mua ba chai rượu vang, để chứng tỏ tôi không quan tâm mấy tới giá của một tấm kính. Tôi cũng mua thêm một cái máy may, để tặng cho các cô gái khi lên đường. Chúng tôi có thể uống rượu vang vào tối nay; ngày mai sẽ là Chủ nhật, và cả bọn chúng tôi đều có thời gian để nằm nướng một chút. Nhưng tôi sẽ lên đường vào sáng Thứ hai.

Tuy nhiên, mọi chuyện hóa ra khác hẳn. Hai cô gái đã lên lên gác xếp, lục lọi ba lô của tôi; cả rượu vang lẫn cái máy may đã đưa vào đầu họ những tưởng tượng; họ hình dung ra đủ chuyện, và bắt đầu tung ra những lời gợi ý. Hãy chờ một chút, tôi nghĩ bụng; thời của mình sẽ đến!

Khi chiều xuống tôi ngồi trò chuyện với cả nhà trong phòng khách. Chúng tôi vừa ăn tối xong, và ông chủ nhà đã đeo cặp kính lên để đọc báo. Sau đó có tiếng ai đó ho ở bên ngoài. “Có ai đó đang đi vào,” tôi nói. Các cô gái liếc nhìn nhau và đi ra. Một lát sau họ mở cửa và đưa vào hai cậu thanh niên. “Mời vào và ngồi xuống,” bà vợ nói.

Tôi sực nghĩ ra rằng hai cậu nông dân đó đã được mời tới để nếm rượu vang của tôi, và họ là người yêu của hai cô gái. Những cô bé trẻ trung thông minh – mười tám, mười chín tuổi, và đã sẵn sàng làm bất cứ thứ gì. Tốt, nếu họ lăm le nhắm tới món rượu vang này, họ đã lăm to! Không một giọt...

Có đôi chuyện đông dài về thời tiết, về cách thức nó không tốt hơn mức người ta mong đợi vào thời điểm này của năm, nhưng thật tiếc là mưa tuyết đã ngăn trở việc cày bừa. Không có chút sự sống nào trong câu chuyện này, và một trong hai cô gái quay sang tôi, bảo rằng tối nay tôi quá lạng lẽ. Sao thế được?

“Có lẽ là vì tôi sắp đi,” tôi đáp. “Tôi còn một chặng đường khá xa để đi từ giờ cho tới sáng Thứ hai.”

“Vậy có lẽ đêm nay chúng ta nên có một ly chia tay?”

Có vài tiếng cười khúc khích với câu này, giống như một cú tấn công xứng đáng vào tôi vì đã giữ lại món rượu vang theo cung cách bủn xỉn đó. Nhưng tôi không quen biết hai cô gái này, và không quan tâm chút nào tới họ, không thì tôi đã hành động khác hẳn.

“Ý của cô là gì?” tôi hỏi. “Tôi mua mấy chai rượu này là để mang theo tới một nơi nhất định.”

“Và anh sẽ mang nó đi suốt quãng đường đó à?” cô gái hỏi giữa một tràng cười. “Như thế không bao giờ có một cửa tiệm trên đường.”

“Tiểu thư quên rằng ngày mai là Chủ nhật, và các cửa tiệm trên đường sẽ đóng cửa,” tôi đáp.

Tiếng cười tắt lịm, nhưng tôi có thể thấy cô nàng không còn tỏ vẻ tử tế với tôi vì câu nói thẳng tuột đó. Tôi quay sang bà vợ, và lạnh nhạt hỏi tôi nợ bà ta bao nhiêu tiền cho thời gian tôi ở trọ.

Nhưng chắc chắn là không có gì phải vội – sao không thanh toán nó vào ngày mai?

Tôi đang vội – cảm ơn. Tôi đã ở đây hai ngày – giá tiền là bao nhiêu vậy?

Bà ta ngẫm nghĩ hồi lâu; cuối cùng bà ta bước ra ngoài, kéo theo ông chồng để cùng tính toán với nhau.

Thấy rằng họ còn ở ngoài khá lâu, tôi đi lên gác xếp, thu xếp ba lô sẵn sàng, và mang nó xuống hành lang. Tôi cho là sẽ còn bị bức mình nhiều hơn nữa, nên sẽ lên đường ngay đêm nay. Đây sẽ là một cách ra đi tốt, theo diễn tiến mọi chuyện.

Khi tôi quay lại phòng, Peter nói:

“Anh không định nói là anh lên đường ngay đêm nay chứ?”

“Vâng, tôi sẽ đi.”

“Dù sao thì anh không việc gì phải bận tâm tới những lời ngởng ngẩn của các cô gái.”

“Herregud, cứ để anh chàng già háp đó đi nếu anh ta muốn,” em gái của anh ta nói.

Cuối cùng ông nghị viên và bà vợ quay vào, im lìm một cách cứng cỏi và ngoan cố.

Tốt! Và tôi nợ bao nhiêu?

Ừm! Họ để cho tôi tự tính lấy.

Họ giống hệt nhau – một đám bần tiện và đầy thủ đoạn; tôi cảm thấy ngọt ngào, và lựa ra tờ giấy bạc đầu tiên lọt vào tay, quẳng nó cho người phụ nữ.

Thế đã đủ chưa?

Ừm! Chắc chắn là kha khá, nhưng vẫn... Và người ta có thể nói là đủ, nhưng...

Tôi đã đưa cho bà ta bao nhiêu?

Một tờ năm Kroner.

Ờ, có lẽ nó chưa đủ. Tôi đưa tay vào túi lần nữa.

“Không, mẹ à, đó là một tờ mười Kroner,” Peter nói. “Và thế là quá nhiều rồi; mẹ phải cho lại cho anh ta thứ gì đó.”

Người đàn bà lớn tuổi xòe tay ra, nhìn tờ giấy bạc, và tỏ vẻ rất ngạc nhiên.

“Sao, đúng thế, mười Kroner, phải... Tôi đã nhìn lầm. Sao, vậy thì nó vừa đủ, và cảm ơn nhiều...”

Chồng bà ta, trong cơn bối rối, bắt đầu nói với hai cậu trai về điều ông ta đang đọc trong báo; sự cố không hay; bàn tay bị nghiền trong một cái máy đập lúa. Hai cô gái vờ vĩnh không chú ý

tới tôi, nhưng suốt buổi ngồi như hai con mèo, với cái cần cổ rụt lại và đôi mắt neho hẹp như hai lưỡi dao. Không còn gì để ở lại đây nữa – tạm biệt tất cả bọn họ.

Người đàn bà lớn tuổi bước ra hành lang và cố lấy lòng tôi.

“Giá mà bây giờ anh có thể cho chúng tôi mượn chỉ một chai rượu,” bà ta nói, “đó thật là một sự tốt bụng. Với hai cậu con trai đang ngồi đó các thứ.”

“Farvel,” tôi nói cộc lốc, và không muốn nghe thêm gì nữa.

Tôi hất ba lô lên vai, một tay xách cái máy may; nó là một vật nặng, và con đường bùn lầy không giúp cho mọi thứ dễ dàng hơn. Nhưng bất chấp tất cả những điều đó, tôi bước đi với một trái tim nhẹ nhõm. Đây là một công việc hoàn toàn khốn khổ, nhưng tôi cũng phải thừa nhận rằng tôi đã hành động hơi đê tiện. Đê tiện ư? Không hề! Tôi tựthành lập một ủy ban nho nhỏ trong đầu, và chỉ ra rằng mấy cô gái quái quỷ đó đã toan tính giúp vui cho người yêu của họ bằng rượu vang của tôi. Được và tốt; nhưng về phần mình, phải chăng ác ý của tôi đối với ý tưởng đó là sự ích kỷ của giống đực? Nếu hai cô gái lạ được mời tới thay vì hai cậu con trai, lẽ nào tôi không khui rượu mà không hề lẩm bẫm một lời? Chắc vậy rồi! Và còn vụ họ gọi tôi là anh chàng già hạp; nói cho cùng, điều đó hoàn toàn đúng. Thật sự là tôi già, vì tôi thấy bức mình khi bị cho ra rìa trước hai cu cậu nông dân lạc bước...

Nhưng cảm giác tổn thương của tôi dịu lại trong cuộc đi bộ vất vả đó. Cuộc họp của ủy ban được hoãn lại, và tôi lê bước hết giờ này sang giờ khác với gánh nặng ngớ ngẩn của mình – ba chai rượu và cái máy may. Trời êm và có sương mù nhẹ; tôi không thể trông thấy những ánh đèn của một nông trại cho tới khi đã đến thật gần, và sau đó lũ chó nháy xổ vào tôi, ngăn cản tôi lên vào một kho thóc. Đêm ngày càng khuya hơn, tôi mệt mỏi và nản chí, và còn tự làm khổ mình vì lo lắng tới tương lai. Không phải tôi đã lãng phí một đồng tiền cho cái thứ vô giá trị nhất hay sao? Tôi phải bán lại cái máy may đó ngay, để gỡ lại chút vốn.

Cuối cùng tôi cũng tới một nơi không có chó. Vẫn còn một ánh đèn trong cửa sổ, và không vội vã hơn chút nào, tôi bước tới và hỏi xin ở trọ đêm.

XXVIII

Một cô bé đang ngồi may ở bàn; không có ai khác trong phòng. Khi tôi hỏi xin ở trọ, nó trả lời với vẻ đáng tin cậy và rạng rỡ rằng nó sẽ xem sao, và đi vào một căn phòng nhỏ bên cạnh. Khi nó đi, tôi gọi với theo rằng chỉ cần được ngồi đây cạnh lò sưởi cho tới sáng là tôi đã rất mừng.

Giây lát sau cô bé quay vào với bà mẹ. Bà ta vẫn còn đang cài cúc áo. Godkvæld! (Chào buổi tối!) Ở trọ à? Được, được, không có phòng nào để tôi có thể hoàn toàn thoải mái, nhưng rất hạnh phúc mời tôi tới phòng ngủ.”

Thế còn bản thân họ sẽ ngủ ở đâu?

Sao, giờ đã gần sáng rồi, và dù sao cô gái cũng ngồi may ở đó.

Cô ta may gì mà phải ngồi suốt đêm thế? Một cái áo mới?

Không, chỉ là cái váy ngắn thôi. Cô ta sẽ mặc nó đi lễ nhà thờ vào buổi sáng, nhưng không chịu để cho mẹ mình giúp.

Tôi lôi cái máy may ra, và nói đùa rằng một cái váy ít nhiều gì chỉ là một chuyện vặt đối với một vật như thế này. Chờ đó, và tôi sẽ chỉ cho họ thấy.

Vậy ra tôi là một người thợ may?

Không. Nhưng tôi bán máy may.

Tôi lôi mấy tờ hướng dẫn ra, nghiên cứu chúng để xem nó hoạt động thế nào. Cô bé chăm chú lắng nghe; nó còn là một đứa trẻ con, những ngón tay gầy guộc của nó dính đầy thuốc nhuộm xanh lơ trên vải. Có cái gì đó trông thật tội nghiệp ở những ngón tay xanh đó; tôi lôi một chai rượu ra và rót cho tất cả chúng tôi. Sau đó chúng tôi tiếp tục may – tôi với những tờ hướng dẫn và cô bé làm việc với cái máy. Nó rất vui khi thấy cái máy may hoạt động dễ dàng như thế nào, và mắt nó sáng lấp lánh.

Nó bao nhiêu tuổi?

Mười sáu. Vừa làm lễ thêm sức hồi năm ngoái.

Và tên của nó là gì?

Olga.

Mẹ nó đứng quan sát chúng tôi, và cũng muốn tự tay thử cái máy, nhưng mỗi lần bà tới gần, Olga lại nói: “Cẩn thận mẹ ạ, mẹ sẽ khinh khi nó đấy.” Và khi ống chỉ cần quấn thêm chỉ, và mẹ nó cầm lấy cái suốt một lúc, người con lại một lần nữa sợ rằng nó sẽ bị “khinh khi”.[\[12\]](#)

Người đàn bà đặt nồi cà phê lên bếp, và trông chừng ngọn lửa; chẳng bao lâu căn phòng trở nên ấm cúng. Những người dân lẻ loi này hết sức đáng tin cậy và tử tế. Olga cất tiếng cười rộ mỗi khi tôi nói đùa về cái máy. Tôi nhận thấy cả hai người bọn họ không hề hỏi giá của cái máy là bao nhiêu, dù tôi đã bảo là đang đi bán nó. Họ xem nó nằm ngoài tầm tay với của mình. Nhưng họ vẫn có thể tìm được niềm vui khi nhìn nó hoạt động.

Tôi gợi ý rằng Olga nên có một cái máy may như thế, xét theo việc cô bé nắm bắt được cách hoạt động của nó ngay tức khắc.

Mẹ nó đáp rằng phải chờ cho tới khi nó ra ngoài giúp việc được ít lâu đã.

Nó sẽ ra ngoài giúp việc à?

Sao, phải, dù sao thì bà ta cũng hy vọng thế. Cả hai cô con gái khác của bà cũng đang giúp việc, và kiếm được kha khá – tạ ơn Trời. Sáng ra, Olga sẽ gặp họ ở nhà thờ.

Có một tấm gương nhỏ bị rạn treo trên một trong số các bức tường, trên bức tường khác là một vài bức tranh in rẻ tiền – những bức tranh vẽ những người lính ngồi trên lưng ngựa và những nhân vật hoàng gia với thật nhiều châu báu. Một trong số các bức tranh này đã cũ và sòn. Nó là chân dung của Nữ hoàng Eugenie, và rõ ràng không phải mới mua gần đây. Tôi hỏi nó từ đâu đến.

Người phụ nữ tốt bụng không biết. Hẳn là chồng bà đã mua hồi thời còn trẻ.

“Ông ta mua nó tại đây hả?”

Có khả năng ở Hersæt hơn, nơi ông ta phục vụ khi còn trẻ. Tới nay cũng đến ba mươi năm rồi.

Tôi đã có sẵn một kế hoạch nhỏ trong đầu; tôi nói:

“Bức tranh đó đáng giá nhiều tiền đấy.”

Người phụ nữ nghĩ tôi đang nói đùa với bà, vì thế tôi kiểm tra bức tranh cẩn thận và tuyên bố một cách nhấn mạnh rằng nó không phải là một bức tranh in rẻ tiền – không.

Nhưng bà ta hoàn toàn chậm hiểu, và chỉ nói: ờ, tôi đã nghĩ vậy à? Vật này đã được treo ở đó từ khi ngôi nhà được xây dựng. Nhân tiện, nó là của Olga, con bé đã gọi bức tranh là của nó từ lúc nó còn bé xíu.

Tôi khoác lên một vẻ mặt hiểu biết, bí ẩn, và hỏi thêm các chi tiết – Hersæt có thể ở đâu?

Hersæt nằm ở giáo xứ bên cạnh, cách khoảng tám dặm. Ngài Lendsman^[13] sống ở đó...

Cà phê đã sẵn sàng, tôi và Olga tạm nghỉ tay. Giờ chỉ còn phải đơm nút nữa thôi. Tôi đề nghị được xem cái áo choàng nó sẽ mặc với cái váy, hóa ra đó chẳng phải là một cái áo choàng thật sự, mà chỉ là một cái khăn đan trùm đầu. Nhưng nó có một cái áo khoác bỏ đi của một bà chị cho, và cái áo đó sẽ được khoác phía ngoài và che đậy tất cả phần còn lại.

Bà mẹ bảo với tôi rằng Olga đang lớn rất nhanh, không việc gì phải mua cho nó một cái áo choàng trong mười hai tháng sắp tới.

Olga ngồi may khuy áo và móc áo, và chẳng bao lâu làm xong việc. Sau đó nó có vẻ buồn ngủ, vì thế tôi lên giọng của người có thẩm quyền và ra lệnh cho nó đi ngủ. Mẹ nó cảm thấy cần ngồi đó làm bạn với tôi, dù tôi nói bà nên quay lại giường ngủ.

“Mẹ chắc là con nên cảm ơn thật đàng hoàng người đàn ông lạ này vì mọi thứ ông ấy đã giúp con,” bà mẹ nói.

Olga tới gần tôi và đưa bàn tay ra để cảm ơn tôi, và tôi xoay nó lại, kéo nó băng qua phòng tới cửa phòng ngủ.

“Bà cũng nên đi ngủ đi,” tôi nói với mẹ nó. “Tôi không ngồi nói chuyện nữa đâu, vì chính tôi cũng mệt rồi.”

Và khi nhìn thấy tôi nằm xuống cạnh lò sưởi, kê cái ba lô bên dưới đầu, bà lắc đầu với một nụ cười và cũng rời khỏi phòng.

XXIX

Ở đây tôi thấy hạnh phúc và thoải mái; đang là buổi sáng; mặt trời rọi vào qua cửa sổ, và cả Olga lẫn mẹ nó là một sự diệu kỳ, với mái tóc đã chảy ộp mượt mà.

Sau bữa điểm tâm cùng hai mẹ con, và khá nhiều cốc cà phê, Olga khoác lên người cái váy mới, tấm khăn trùm đầu và cái áo khoác. Chà, thật là một cái áo khoác tuyệt diệu, vẫn còn đủ mép viền, và hai hàng cúc áo, cổ và ống tay áo có đường viền. Nhưng Olga bé nhỏ không vừa với nó chút nào. Không hề! Cô bé chỉ toàn những xương với xấu, như một chú bê non.

“Chúng ta không thể thu hẹp các bên một chút sao?” tôi hỏi. “Còn nhiều thời gian mà.”

Nhưng hai mẹ con nhìn nhau và chỉ đáp, hôm nay là Chủ nhật, và không được sử dụng kim hay dao trong ngày đó. Tôi hiểu họ khá rõ, vì hồi còn bé tôi cũng đã nghĩ đúng hệt như thế. Vì vậy tôi thử tìm một cách khác, với một suy nghĩ hơi phóng túng: “Vấn đề sẽ khác khi một cái máy làm việc đó; không có gì nhiều hơn một cỗ xe vô tội chạy ầm ầm trên phố, như có thể xảy ra trong bất kỳ Chủ nhật nào.

Nhưng không; việc này ngoài khả năng của họ. Và dù sao đi nữa, cái áo khoác phải chừa chỗ cho cô bé lớn thêm; trong đôi ba năm nữa nó sẽ trở nên vừa vặn.

Tôi suy nghĩ tìm một vật gì đó để dúi vào tay Olga khi nó đi; nhưng tôi không có gì, vì thế tôi cho nó một đồng Kroner bạc, và nó giơ ngay lập tức hai tay ra để cảm ơn, và khoe đồng bạc với mẹ, thì thầm rằng nó sẽ đưa đồng tiền cho chị nó khi tới nhà thờ. Đôi mắt nó sáng rực niềm vui khi nghĩ như thế. Và mẹ nó, gần như không ít cảm động hơn chút nào, trả lời rằng phải, có lẽ nó nên...

Olga lên đường tới nhà thờ trong cái áo khoác dài, đi xuống đồi với đôi bàn chân lóng nga lóng ngóng. Một cảnh tượng thật dễ thương và phần khích...

Còn bây giờ là Hersæt; nó có phải là một địa điểm lớn?

Vâng, một địa điểm lớn xinh đẹp.

Tôi ngồi một hồi, mắt hấp háy vì buồn ngủ và tiến hành những cuộc phiêu du trong lĩnh vực từ nguyên học. Hersæt có thể là Herresæte (Thái ấp). Hay có khả năng là một herse (tù trưởng địa phương vào thời cổ) đã từng cai trị tại đây. Và con gái của tù trưởng là thiếu nữ tự hào nhất trong vùng, và chính bản thân Phó vương đã tới cầu hôn nàng. Và năm sau nàng sinh cho ông ta một đứa con trai, người đã trở thành vua...

Nói tóm lại, tôi sẽ tới Hersæt. Xét tới việc đi đâu thì cũng như nhau, tôi sẽ tới đó. Có thể tôi sẽ tìm được việc làm ở nhà ngài Lensmand, hoặc luôn có cơ may một điều gì đó xuất hiện; ở bất cứ giá nào, tôi sẽ gặp những người mới. Và sau khi quyết định về Hersæt như vậy rồi, tôi cảm thấy có một mục đích trước mặt tôi.

Người phụ nữ tốt bụng đưa tôi vào nằm nghỉ ở giường của bà, vì tôi ngủ gà gật và khờ cam vì thiếu ngủ. Một con nhện xanh xinh đẹp chậm chậm bò trên tường, và tôi nằm quan sát nó cho tới khi ngủ thiếp đi.

Vài giờ sau, tôi đột ngột thức giấc, cảm thấy tỉnh táo và khỏe khoắn. Người phụ nữ đang nấu ăn. Tôi thu xếp ba lô, trả tiền trọ, và bảo tôi muốn làm một cuộc trao đổi: cái máy may của tôi cho bức tranh của Olga.

Người phụ nữ không tài nào tin nổi như từ đầu tới giờ.

Không sao đâu, tôi nói; nếu bà hài lòng thì tôi cũng thế. Bức tranh có giá trị; tôi biết mình

đang làm gì.

Tôi tháo bức tranh khỏi tường, phủi sạch bụi bặm, và thận trọng cuộn nó lại; bức tường lộ ra một khoảng trống sáng hơn ở chỗ từng treo nó. Rồi tôi lên đường.

Người phụ nữ theo tôi ra ngoài: tôi có thể đợi được không, cho tới khi Olga trở về, để cô bé có thể cảm ơn tôi? Ồ, tôi chỉ ước gì được vậy!

Tôi không thể. Không có thì giờ. Nhấn với cô ấy, nếu có bất cứ điều gì cô ấy không hiểu thì cứ xem những tờ hướng dẫn...

Người phụ nữ đứng nhìn theo khi tôi đi. Tôi hiên ngang đi xuống đường, huýt sáo và hài lòng với những gì tôi đã làm. Giờ chỉ phải vác cái ba lô; tôi đã nghỉ ngơi, mặt trời đang chiếu sáng, và con đường đã hơi khô ráo. Tôi cất tiếng hát với sự thỏa mãn về những gì tôi đã làm.

Chúng suy nhược thần kinh...

Ngày hôm sau tôi tới Hersæt. Thoạt tiên khi đi ngang qua, tôi cảm thấy nó là một địa điểm rất lớn và đẹp; nhưng sau đó khi trò chuyện đôi chút với một trong những nông dân, tôi quyết định thử tìm tới nhà ngài Lensmand. Trước đó tôi từng làm cho những người giàu có – để tôi xem, có Đại úy Falkenberg ở Øvrebø...

Ngài Lensmand là một người đàn ông nhỏ bé, vai rộng, với một chòm râu bạc dài và đôi mắt thâm màu. Ông nói năng cộc cằn, nhưng có đôi mắt nhân hậu; sau đó, tôi nhận ra ông có một tâm hồn vui vẻ, có thể cười to và nói đùa một cách phần khởi trong mọi lúc. Thỉnh thoảng, ông thường tỏ ra kiêu hãnh về địa vị và sự giàu có của mình, và thích người ta thừa nhận điều đó.

“Không, tôi không có việc cho anh. Anh từ đâu tới?”

Tôi kể ra vài nơi tôi đã ghé qua gần đây.

“Không tiền, tôi cho là vậy, và đi quanh để xin ăn?”

Không, tôi không xin ăn; tôi có đủ tiền.

“Chà, anh phải đi xa hơn. Tôi chẳng có gì để cho anh làm ở đây; việc cày bừa đã xong. Anh có thể cắt ván để dựng hàng rào không?”

“Có thể.”

“Ừm. Tốt, tôi không còn sử dụng hàng rào gỗ nữa. Tôi đã rào dây thép. Làm thợ nề được chứ?”

“Được.”

“Thật đáng tiếc. Ở đây tôi đã có mấy tay thợ nề làm từ nhiều tuần qua; lẽ ra anh có thể có một công việc. Nhưng giờ tất cả đã xong xuôi.”

Ông đứng, chọc cây gậy xuống đất.

“Vì sao anh tìm tới tôi?”

“Mọi người bảo hãy tới nhà ngài Lensmand nếu muốn có việc làm.”

“Ồ, vậy hả? Tốt, tôi luôn có một đám đông làm việc này việc khác tại đây – giờ là mấy tay thợ nề. Anh dựng được một cái hàng rào để ngăn chặn lũ gà không? Về chuyện đó, chưa có ma nào trên đời làm nổi, haha!... Anh bảo đã làm cho Đại úy Falkenberg ở Øvrebø hả?”

“Phải.”

“Anh làm gì ở đó?”

“Đốn cây.”

“Tôi không biết ông ta – ông ta sống cách xa quá. Nhưng tôi có nghe nói về ông ta. Có giấy tờ gì từ ông ta không?”

Tôi cho ông xem những gì Đại úy đã viết.

“Đi theo tôi,” ngài Lensmand đột ngột nói. Ông dẫn tôi đi vòng quanh nhà và vào bếp.

“Hãy cho người này một bữa ăn ngon lành – anh ta đã đến từ rất xa, và...”

Tôi ngồi xuống trong cái nhà bếp rộng lớn, sáng sủa để dùng bữa ăn ngon nhất từng có sau một thời gian dài. Tôi vừa ăn xong thì ngài Lensmand lại bước vào.

“Nghe này, anh...” ông nói.

Tôi đứng lên ngay tức khắc và đứng thẳng như một cây tên – một chút phép lịch sự mà tôi hình dung chưa hề mất đối với ông.

“Không, không, ăn cho xong bữa đi, tiếp tục đi. Xong rồi hả? Chắc chắn? Ờ, tôi đã nghĩ... Đi theo tôi.”

Ông đưa tôi ra lều chứa củi.

“Anh có thể làm công việc đồn củi; anh nói sao? Tôi có hai người ở đây, nhưng tôi muốn cử một trong hai người đi làm công việc gửi thư mời, vì thế anh phải đi đồn củi với người kia. Anh có thể thấy ở đây có nhiều gỗ, nhưng nằm ở đây không hại gì, không hề có hại. Anh bảo anh có tiền, cho tôi xem nào.”

Tôi cho ông xem những tờ giấy bạc mà tôi có.

“Tốt. Tôi là một quan chức, anh thấy đó, và phải biết người làm công cho mình. Tôi không cho là anh có bất cứ điều gì không ổn về lương tâm, khi xét tới việc anh đã tìm tới ngài Lensmand, haha! Ờ, như tôi đã nói, hôm nay anh có thể nghỉ ngơi, và bắt đầu đồn củi vào ngày mai.”

Tôi bắt tay vào việc chuẩn bị cho công việc ngày hôm sau, sắp xếp quần áo, giũ cửa và mài lại cái rìu. Tôi không có gắng tay, nhưng thời tiết này chưa cần tới gắng tay, và tôi không còn thiếu thứ gì.

Ngài Lensmand ra gặp tôi nhiều lần, và nói chuyện vu vơ; có lẽ việc trò chuyện với một gã lang thang xa lạ khiến ông thích thú. “Tới đây, Margrethe!” ông gọi bà vợ, khi bà ta đi ngang qua sân; “đây là người làm mới; tôi sẽ cử anh ta đi cửa gỗ.”

XXX

Chúng tôi không nhận được chỉ thị nào đặc biệt, mà chỉ làm theo cách chúng tôi nghĩ là tốt nhất, cưa những cây khô ngọn, và vào chiều tối ngài Lensmand bảo việc đó rất đúng. Nhưng ông sẽ đích thân chỉ cho chúng tôi vào hôm sau.

Tôi sớm nhận ra rằng công việc ở đây sẽ không kéo dài tới lễ Giáng sinh. Với thời tiết hiện tại và mặt đất như thế này, sương giá về đêm và không có tuyết, chúng tôi cưa được khá nhiều mỗi ngày, và không có gì cản trở công việc; bản thân ngài Lensmand nghĩ rằng chúng tôi thông minh như quỷ sứ trong việc đốn cây, haha! Làm việc với ông cụ này khá dễ chịu; ông thường tới chỗ chúng tôi trong rừng, chuyện gẫu và nói đùa, và vì tôi không bao giờ đùa lại, ông xem tôi là một gã khờ khạo, không ngờ gì nữa, nhưng là một tay làm được việc. Lúc này ông bắt đầu cử tôi chạy công việc vặt, với những lá thư gửi tới và lấy từ bưu điện.

Ở chỗ này không có trẻ con, không cả thanh niên trừ những cô hầu và một trong những người làm công, vì thế buổi tối qua khá chậm. Để giết thì giờ, tôi tìm một ít thiếc và a-xít và hàn lại một số nồi ấm cũ trong bếp. Nhưng việc đó sớm xong xuôi. Thế nên một tối nọ tôi bắt tay viết lá thư sau:

“Giá như tôi ở nơi cô đang ở, tôi sẽ làm việc cho cả hai.”

Hôm sau tôi phải tới bưu điện gửi thư cho ngài Lensmand; tôi mang theo lá thư và gửi nó đi. Tôi thấy rất khó chịu. Ngoài ra, trông lá thư thật vụng về, vì tôi đã lấy giấy của ngài Lensmand, và phải dán cả một dải tem dọc theo bì thư để che lại chỗ in tên của ông. Tôi tự hỏi nàng sẽ nói gì khi nhận được nó. Không có tên hay bất cứ địa chỉ nào trên lá thư.

Cứ thế, chúng tôi làm việc trong rừng, tôi và người kia, trò chuyện về công việc nhỏ nhặt của chúng tôi, làm với cả quả tim và tâm hồn, và rất hòa hợp với nhau. Nhiều ngày trôi qua; thật xui xẻo, tôi đã có thể nhìn thấy điểm kết thúc công việc của chúng tôi ngay trước mặt, nhưng tôi hơi hy vọng ngài Lensmand có thể tìm ra một việc khác cho tôi làm khi việc đốn gỗ đã xong. Tôi không muốn cất bước lang lang tiếp trước lễ Giáng sinh.

Thế rồi một hôm tôi lại tới bưu điện, và có một lá thư gửi cho tôi. Tôi không thể hiểu vì sao lá thư đó gửi cho tôi, và tôi đứng, bối rối lật đi lật lại nó; nhưng người ở bưu điện giờ đã biết tôi, ông ta xem lại phong bì và bảo phải, đúng là tên của tôi, và nhờ ngài Lensmand chuyển giúp.

Đột nhiên tôi nảy ra một ý, và tôi tóm lấy lá thư. Phải, nó gửi cho tôi, tôi quên mất... phải, dĩ nhiên...

Và tôi vội vã đi ra đường, lỗ tai lùng bùng suốt thời gian đó, mở lá thư ra và đọc:

“Skriv ikke til mig – ” (Đừng viết cho tôi.)

Không tên, không địa chỉ, nhưng rất rõ ràng và đáng yêu. Từ đầu tiên được gạch dưới.

Tôi không biết đã về nhà bằng cách nào. Tôi nhớ tôi đã ngồi trên một tảng đá ven đường, đọc lá thư và cất nó vào túi, và bước đi cho tới khi gặp một hòn đá khác và lặp lại việc đó lần nữa. Skriv ikke. Nhưng – có phải câu đó có nghĩa là tôi có thể tới và có lẽ sẽ nói chuyện với nàng? Lá thư nhỏ nhắn, xinh xắn ấy, và những ký tự thanh tú, uyển chuyển. Hai tay nàng đã cầm giữ nó, đôi mắt nàng đã đặt lên nó, hơi thở nàng đã chạm vào nó. Và cuối câu là một dấu gạch ngang. Có cả một trời ý nghĩa trong cái dấu đó.

Tôi về nhà, giao lại thư từ của ngài Lensmand, và đi vào rừng. Tôi mơ màng cả buổi. Người bạn của tôi, không ngờ gì nữa, hẳn phải thấy rằng tôi là một con người không thể hiểu nổi, khi thấy tôi cứ đọc đi đọc lại lá thư, rồi cất nó vào cùng với số tiền.

Nàng thật tuyệt vời khi tìm ra tôi! Hẳn nàng đã giờ cái phong bì lên trước ánh đèn, không ngờ gì nữa, và đọc được tên của ngài Lensmand dưới những con tem; sau đó nghiêng mái đầu xinh đẹp sang một bên, hơi khép mắt và nghĩ trong một thoáng: hiện giờ anh ấy đang làm việc cho ngài Lensmand ở Hersæt.

Chiều hôm đó, khi chúng tôi trở về nhà, ngài Lensmand bước ra và nói này nói nọ với chúng tôi, rồi hỏi:

“Có phải anh đã nói anh từng làm việc cho Đại úy Falkenberg ở Øvrebø không?”

“Phải.”

“Tôi thấy ông ta đã phát minh được một cái máy.”

“Một cái máy?”

“Một cái cửa tinh xảo để cửa cây. Nó có trong báo.”

Tôi giật mình khi nghe thấy thế. Chắc không phải ông ta đã phát minh ra cái cửa tinh xảo của tôi đấy chứ?

“Hẳn đã có sự hiểu lầm,” tôi nói. “Đại úy không phải là người phát minh ra nó.”

“Ồ, không phải sao?”

“Không phải. Nhưng tôi đã để lại cái cửa ở chỗ ông ta.”

Và tôi kể cho ngài nghe Lensmand mọi chuyện. Ông đi vào để lấy tờ báo, và cả hai chúng tôi đọc những gì nó ghi: “Phát minh mới... Phóng viên tại chỗ của chúng tôi... Có tầm quan trọng to lớn đối với những ông chủ đất rừng... Nguyên tắc cấu tạo như sau:... ”

“Anh không định nói đó là phát minh của anh đấy chứ?”

“Có, nó là của tôi.”

“Và ông đại úy đang cố đánh cắp nó? Sao, đây là một vụ hay ho, một vụ khá hay ho. Cứ giao nó cho tôi. Có ai trông thấy anh đang chế tạo vật đó không?”

“Có, tất cả mọi người làm của ông ấy ở đó đều thấy.”

“Thượng đế cứu giúp tôi nếu đây không phải là vụ việc khó nhai nhất mà tôi nghe được trong một thời gian dài. Ăn cắp phát minh của một người khác! Và còn số tiền nữa... sao, nó có thể mang tới cho anh một triệu đồng!”

Tôi buộc phải thú nhận tôi không thể hiểu được ông đại úy.

“Vậy hả? Haha, nhưng tôi hiểu! Tôi không làm Lensmand suốt từ bấy tới nay mà không vì việc gì. Không, tôi ngờ rằng ông ta không giàu như ông ta vờ vĩnh. Tốt, tôi sẽ gửi cho ông ta một lá thư, chỉ khoảng một dòng – anh nói sao về việc đó? Hahaha! Cứ để đó cho tôi.”

Nhưng tới đây tôi bắt đầu thấy khó chịu. Ngài Lensmand quá thô bạo ngay tức khắc, rất có thể Đại úy không có lỗi gì trong chuyện này, có thể tự thân gã phóng viên đã phạm sai lầm. Tôi cầu xin ngài Lensmand để cho tôi tự tay viết lá thư.

“Và đồng ý chia lợi với cái tên lưu manh đó? Không bao giờ! Anh cứ giao mọi việc cho tôi. Và, dù sao đi nữa, nếu anh tự viết, anh không thể đặt vấn đề một cách đúng đắn như cách của tôi.”

Nhưng tôi cố thuyết phục cho tới khi cuối cùng ông đồng ý rằng tôi nên viết lá thư đầu tiên, và sau đó ông sẽ xử lý việc đó. Tôi lại lấy một ít giấy của ngài Lensmand.

Tối hôm đó tôi không viết trọn lá thư; đó là một ngày kích động, và tâm trí tôi rối bời. Tôi suy nghĩ và tính toán; vì Fruen, tôi sẽ không viết thẳng cho Đại úy và gây nên nỗi buồn cho nàng; không, tôi sẽ gửi một dòng cho anh bạn của tôi, Lars Falkenberg, báo gã để mắt tới cái máy

giùm.

Đêm đó cái xác lại tới tìm tôi – cái bà cụ bất hạnh đó, trong bộ đồ liệm của mình, đã không chịu để cho tôi yên ổn về việc cái móng tay cái của bà ta. Tôi đã trải qua một quá trình xúc động dài trong cả ngày hôm đó, vì thế đêm nay bà ta lại tới. Tôi còng vì khủng khiếp, tôi nhìn thấy bà ta lướt tới, dừng lại ở giữa phòng và chìa thẳng bàn tay ra. Người bạn đồn gỗ của tôi nằm trên cái giường sắt tường, và tôi thấy nhẹ nhõm lạ lùng khi nghe anh ta cũng nằm rên rỉ và trở trăn; với bất cứ giá nào, hai chúng tôi cùng chia mỗi nguy hiểm. Tôi lắc đầu để nói rằng tôi đã chôn cái móng ở một chốn yên bình, và không thể làm gì hơn nữa. Nhưng cái xác vẫn đứng yên ở đó. Tôi xin lỗi bà ta; nhưng rồi, đột ngột, tôi bị xâm chiếm bởi một cảm giác bực mình; tôi nổi cơn thịnh nộ, và nói thẳng với bà ta rằng tôi không dích dắc gì tới chuyện vớ vẩn của bà ta nữa. Tôi đã mượn cái móng đó trong tình thế bắt buộc, nhưng tôi đã làm tất cả những gì có thể từ nhiều tháng trước, và đã chôn lại nó... Khi nghe thấy thế, bà ta lướt ngang qua gối tôi, cố lên ra phía sau tôi. Tôi bật dậy và hét lên.

“Gì vậy?” người đàn ông nằm ở giường bên hỏi.

Tôi dụi mắt và đáp rằng tôi đã nằm mơ, chỉ thế thôi.

“Người vừa mới vào là ai vậy?” anh ta hỏi.

“Tôi không biết. Bộ có ai ở đây sao?”

“Tôi đã nhìn thấy có ai đó đi vào...”

XXXI

Vài ngày sau, tôi ngồi xuống một cách bình tĩnh và kiêu hãnh, viết thư cho Falkenberg. Tôi có để lại một cái cửa ở Øvrebø, tôi viết; một ngày nào đó, nó có thể là một vật hữu ích cho những người chủ đất rừng, và tôi đề nghị sẽ tới lấy nó đi trong một thời gian ngắn. Xin để mắt tới nó và trông chừng để nó không bị hư hỏng.

Vâng, tôi viết như thế với một văn phong lịch sự. Đó là cách thức có phẩm giá nhất. Và vì Falkenberg, dĩ nhiên, sẽ nhắc tới nó trong nhà bếp, và có lẽ còn khoe lá thư với mọi người, nó phải có tính chất tế nhị. Nhưng nó không chỉ tế nhị mà thôi; tôi ấn định một ngày cụ thể, để làm cho nó có tính chất nghiêm túc: tôi sẽ tới lấy cái máy vào hôm Thứ hai, 11 tháng 12.

Tôi nghĩ bụng: đấy, thế mới rõ ràng và dễ nghe; nếu cái máy không có ở đó vào hôm Thứ hai, sao chứ, vậy thì đã xảy ra chuyện gì đó.

Tôi tự tay mang lá thư tới bưu điện, và dán một loạt tem ngang qua phong bì giống lần trước...

Trạng thái mê ly đẹp đẽ vẫn còn đọng lại trong tôi. Tôi đã nhận được lá thư dễ thương nhất trần đời; nó nằm đây, trong túi áo của tôi; nó được gửi tới cho tôi. *Skriv ikke*. Không, thật sự, nhưng tôi có thể tới. Và còn một dấu gạch ngang ở cuối thư nữa.

Ở bất cứ giá nào cũng không hề có một sự nhầm lẫn về cái từ gạch dưới đó: nó nhằm dụng ý nhấn mạnh toàn bộ lá thư như một mệnh lệnh chẳng hạn? Các quý cô luôn luôn thích gạch dưới mọi loại từ, đặt những dấu gạch ngang ở nơi này, nơi khác, mọi nơi. Nhưng nàng thì không; không, nàng thì không!

Chỉ vài hôm nữa công việc ở nhà ngài Lensmand sẽ kết thúc; nó rất phù hợp, mọi thứ hoạt động tốt đẹp; tôi sẽ có mặt ở Øvrebø vào ngày 11. Và có lẽ thời điểm đó không hề quá sớm một phút nào. Nếu Đại úy thật sự có bất kỳ ý định nào về cái máy của tôi, cần thiết phải hành động ngay lập tức. Phải chăng một kẻ xa lạ muốn đánh cắp một triệu kiếm được vô cùng khó nhọc của tôi? Không phải tôi đã vất vả vì nó hay sao? Tôi gần như bắt đầu hối tiếc về lá thư lịch sự gửi cho Falkenberg; lẽ ra tôi nên viết gay gắt hơn; giờ có lẽ ông ta sẽ tưởng là tôi quá nhu nhược, không thể vùng lên phản kháng. Sao, thậm chí ông ta còn có thể nảy ra ý định tìm nhân chứng chống lại tôi, và bảo rằng tôi không hề phát minh ra cái máy! Hoho, ông chủ Falkenberg, cứ thử coi! Trước hết, chuyện đó sẽ khiến ông trả giá bằng sự cứu chuộc vĩnh viễn; và nếu như thế chưa đủ, tôi sẽ kiện ông về tội khai man trước bạn và người bảo trợ của tôi, ngài Lensmand. Và ông biết điều đó có nghĩa là gì.

“Dĩ nhiên là anh phải đi,” ngài Lensmand bảo khi tôi nói với ông về việc đó. “Và hãy về đây cùng với cái máy của anh. Anh phải quan tâm tới lợi ích của mình, tất nhiên; nó có thể là một vấn đề đáng kể.”

Chuyến tới bưu điện ngày hôm sau mang tới một tin tức làm tình huống thay đổi trong khoảnh khắc; có một lá thư từ chính Đại úy Falkenberg đăng trên báo, nói rằng do một sự hiểu lầm nên phóng viên đã phát biểu rằng cái máy cửa mới là phát minh của ông. Thiết bị này được thiết kế bởi một người đàn ông từng làm việc ở trang trại của ông vào thời gian trước. Còn về giá trị của nó, ông không bày tỏ bất kỳ ý kiến nào. – Đại úy Captain Falkenberg.

Ngài Lensmand và tôi nhìn nhau.

“Này, giờ anh sẽ nói gì?” ông hỏi.

“Với bất cứ giá nào, ông Đại úy vô tội.”

“Thế à! Anh biết tôi nghĩ sao không?”

Im lặng. Ngài Lensmand thủ vai Lensmand từ đầu tới cuối, dò tìm manh mối của những kế hoạch và mưu đồ. “Ông ta không vô tội,” ông nói.

“Thật thế ư?”

“À, tôi đã thấy kiểu này trước đó. Đang co mình thủ thế, chỉ có vậy thôi. Lá thư của anh khiến cho ông ta cảnh giác. Haha!”

Tới lúc này, tôi phải thú nhận với ngài Lensmand rằng tôi không hề viết thư cho Đại úy mà chỉ đơn giản gửi một tin nhắn cho một trong những người làm công ở Øvrebø; và thậm chí lá thư vẫn chưa thể tới đó, vâng, khi xét tới việc nó mới vừa được gửi đi đêm hôm trước.

Câu này khiến ngài Lensmand tịt ngòi, và ông ta thôi dò tìm manh mối các thứ. Mặt khác, dường như giờ đây ông ta hướng tới việc ngờ vực rằng cỗ máy đó thật ra có chút giá trị nào không.

“Hoàn toàn có khả năng cái máy không tốt chút nào,” ông nói. Nhưng rồi ông tử tế nói thêm: “Ý tôi là, có thể cần kiểm tra lại và cải tiến nó. Chính anh cũng từng thấy người ta luôn thay đổi những thứ như tàu chiến và máy bay ra sao. Anh vẫn quyết định đi đấy chứ?”

Không có thêm lời nào về việc tôi quay trở lại đây và mang theo cỗ máy. Nhưng ngài Lensmand đã viết cho tôi một thư giới thiệu rất tốt. Ông sẽ vui mừng được giữ tôi lại lâu hơn, nó ghi, nhưng công việc đã bị cắt ngang vì những lý do cá nhân của riêng tôi ở một nơi khác...

Vào buổi sáng, khi tôi chuẩn bị lên đường, một thiếu nữ đứng trong sân để chờ tôi bước ra. Đó là Olga. Đã bao giờ có một đứa trẻ như thế chưa nhỉ? Hẳn cô bé đã đi bộ từ nửa đêm để tới đây sớm thế. Và nó đứng đó, trong cái váy ngắn màu xanh trời và cái áo khoác.

“Cháu đấy hả, Olga? Cháu đi đâu vậy?”

Nó đã đến để gặp tôi.

Làm sao nó biết tôi ở đây?

Nó đã hỏi thăm về tôi và tìm ra nơi tôi ở. Và xin phép hỏi có thật là nó có quyền giữ cái máy may không? Nhưng dĩ nhiên không thể có điều đó...

Phải, cái may may đúng là của nó; không phải tôi đã đổi lấy bức tranh của nó đấy sao? Cái máy may hoạt động tốt không?

Vâng, nó hoạt động tốt.

Chúng tôi không nói chuyện với nhau nhiều; tôi muốn nó đi trước khi ngài Lensmand bước ra và bắt đầu đặt câu hỏi.

“Nào, chạy về nhà đi, cô bé; cháu còn phải đi cả một chặng đường dài đó.”

Olga đưa bàn tay cho tôi – nó hoàn toàn lọt thỏm trong bàn tay của tôi, và cô bé để nó nằm đó bao lâu tùy ý của tôi. Sau đó nó cảm ơn tôi và vui vẻ lê bước trở về. Đôi bàn chân của nó cứ lóng nga lóng ngóng trông thật ngộ.

Tôi đã đi gần tới đích.

Chiều Chủ nhật, tôi nằm trong một cái lều gác rừng cách không xa Øvrebø, để có mặt ở đó vào sáng sớm Thứ hai. Mọi người sẽ thức giấc lúc chín giờ, sau đó chắc chắn là tôi có đủ may mắn để gặp người tôi tìm kiếm.

Tôi ngày càng nóng ruột kinh khủng và cứ hình dung ra những điều xấu. Tôi đã viết một lá thư mềm mỏng cho Falkenberg, không dùng từ nào gay gắt, nhưng nói cho cùng có thể Đại úy bị xúc phạm do cách tôi xác định ngày như thế; cho ông ta bấy nhiêu đó thời gian... Giá mà tôi chưa từng viết gì hết!

Trong lúc đi về phía ngôi nhà, tôi ngày càng khom xuống thấp, thu người bé lại, dù thật sự tôi không làm điều gì sai trái. Tôi quẹo khỏi đường cái và đi vòng để tới những tòa nhà phụ trước – và tôi bắt gặp Falkenberg ở đó. Gã đang cọ rửa cổ xe ngựa. Chúng tôi chào hỏi nhau, và lại là bằng hữu tốt như trước.

Có phải gã sắp ra ngoài với cỗ xe không?

Không, vừa mới trở về đêm trước. Đã đi ra nhà ga.

Vậy ai là người đi xa?

Fruen.

Fruen sao?

Phải, Fruen.

Im lặng.

Thật thế ư? Fruen đi đâu?

Đến thị trấn ở một thời gian.

Im lặng.

Cái gã người lạ đó đã tới đây viết bài cho báo về cái máy của anh,” Falkenberg nói.

“Cả Đại úy cũng đi vắng hả?”

“Không, Đại úy ở nhà. Anh nên nhìn thấy nét mặt ông ta khi thư của anh tới.”

Tôi bảo Falkenberg đi lên căn gác xếp cũ. Tôi vẫn còn hai chai rượu vang trong ba lô. Tôi lôi chúng ra và chúng tôi cùng bắt đầu chén chú chén anh; chà, hai chai rượu này tôi đã mang tới mang lui, dăm này sang dăm khác, và phải rất cẩn thận với chúng, giờ chúng rất có ích cho tôi. Nếu không có chúng Falkenberg sẽ không bao giờ nói quá nhiều.

“Câu chuyện về Đại úy và lá thư của tôi là sao? Ông ta có nhìn thấy nó không?”

“Ờ, chuyện bắt đầu thế này,” Falkenberg nói. “Fruen đang ở trong bếp khi tôi bước vào với lá thư. Nàng hỏi, ‘Lá thư với đầy tem trên đó là gì thế?’ Tôi mở nó ra, và bảo anh đã gửi tới để báo rằng anh sẽ đến vào ngày 11.”

“Nàng đã nói gì?”

“Nàng không nói thêm câu nào. À có, nàng hỏi lần nữa, ‘Anh ta đến vào ngày 11 hả?’ Và tôi đáp phải, đúng thế.”

“Và vài hôm sau anh được lệnh đánh xe đưa nàng tới nhà ga?”

“Sao, vâng, hẳn phải vài ngày. Ờ, khi đó tôi nghĩ, nếu Fruen biết về vụ lá thư, chắc chắn là Đại

úy cũng biết. Anh có biết ông ta đã nói gì khi tôi mang nó vào không?”

Tôi không trả lời câu hỏi này, nhưng suy nghĩ mãi. Hẳn phải có chuyện gì đó sau tất cả những điều này. Phải chăng nàng đang trốn tránh tôi? Điên khùng! Đại úy Phu nhân ở Øvrebø không thể nào trốn tránh một trong những người làm công của mình. Nhưng toàn bộ vụ này có vẻ lạ lùng. Tôi đã luôn mong mỗi rằng nàng muốn tôi tới đây để nói chuyện với nàng, vì tôi đã bị cấm không được viết.

Falkenberg nói tiếp, hơi bối rối:

“Ờ, tôi đưa lá thư của anh cho Đại úy, dù anh không bảo tôi làm chuyện đó. Có tai hại gì không?”

“Không có gì quan trọng. Ông ta nói gì?”

“Phải, hãy trông chừng cái máy đi,’ ông ta nói và nhăn mặt. “Phòng khi có người tới đánh cắp nó,’ ông ta nói.”

“Vậy là giờ Đại úy đang giận tôi sao?”

“Không, tôi không nghĩ vậy. Từ hôm đó tôi không nghe gì thêm về chuyện này.”

Nói cho cùng, về Đại úy thì không có gì quan trọng mấy. Khi Falkenberg đã nốc khá nhiều rượu, tôi hỏi gã có biết Fruen ở nơi nào trong thị trấn không. Không, nhưng có lẽ Emma biết. Chúng tôi kéo Emma tới, mời cô ta uống, nói nhiều chuyện vớ vẩn, và dần dà đi vòng tới trọng tâm; cuối cùng hỏi một cách tế nhị. Không, Emma không biết địa chỉ, nhưng Fruen đã đi để mua sắm cho lễ Giáng sinh, và nàng đi với Frøken Elisabeth ở nhà ông mục sư, thế nên ở đó hẳn là họ biết địa chỉ. Nhân tiện, tôi muốn có nó để làm gì?

Ờ, chỉ là vì tôi đang có một cây trầm nạm vàng, và muốn hỏi xem bà ta có định mua nó hay không.

“Cho tôi xem nào.”

May là tôi có thể cho cô ta xem cây trầm; nó là một món đồ cũ xinh xắn; tôi đã mua nó từ một trong số các cô hầu ở Hersæt.

“Fruen sẽ không mua đâu,” Emma nói. “Chính tôi cũng không mua.”

“Không nếu cô chịu trả giá với tôi, Emma ạ, sao nhỉ?” Và tôi lại gượng gạo pha trò một câu.

Emma đi khỏi. Tôi cố khai thác Falkenberg lần nữa. Đôi khi Falkenberg khá nhạy bén trong việc thấu hiểu mọi người.

Gã có còn hát cho Fruen nghe không?

Ồi Trời, không; chuyện đó đã kết thúc. Falkenberg ước gì gã không hề làm việc ở đây; chốn này không có gì khác ngoài rắc rối và khốn khổ.

Rắc rối và khốn khổ ư? Họ không phải là bạn của nhau sao, Đại úy và phu nhân của ông ta?

Ờ, phải, họ là bạn. Vẫn hệt như cách cũ. Thứ bảy trước nàng đã khóc lóc cả ngày.

“Nếu thế thì thật buồn cười,” tôi nói, “khi họ rất chính trực và quan tâm tới nhau.” Và tôi quan sát để xem Falkenberg nói gì về chuyện đó.

“Ờ, nhưng họ luôn mệt mỏi,” Falkenberg nói với giọng miền Valdres. “Và nàng cũng xuống sắc nhiều. Trong thời gian anh đi, nàng xanh xao gầy guộc hẳn.”

Tôi ngồi trong căn gác xép vài giờ, để mắt trông chừng tòa nhà chính từ cửa sổ, nhưng Đại úy không xuất hiện. Vì sao ông không ra ngoài? Chờ thêm nữa chỉ là việc vô vọng; tôi sẽ phải đi mà không nói lời xin lỗi với Đại úy. Tôi có thể tìm ra đủ lý lẽ tốt; tôi có thể đổ lỗi cho bài báo

đầu tiên và bảo rằng nó đã khiến tôi rối trí trong một khoảnh khắc – và trong đó có chút sự thật. Phải, tất cả những gì tôi phải làm bây giờ là cột ràng cái máy thành một bó, cố sức nhét nó vào cái ba lô, và lại lên đường cho những chuyến lang thang.

Emma lấy trộm một ít thức ăn cho tôi trước khi tôi đi.

Lần này là một chặng đường dài khác; đầu tiên là tới nhà ông mục sư – dù chặng đó hơi chệch đường chút ít – sau đó là tới nhà ga. Một đợt tuyết nhỏ đang rơi, khiến việc đi bộ khá nặng nề; và còn hơn thế nữa, tôi không thể thư thả, mà phải cố gắng đi nhanh hết sức. Các quý cô chỉ ở thị trấn để mua đồ cho lễ Giáng sinh, và họ đã đi trước tôi khá lâu.

Chiều hôm sau tôi tới nhà ông mục sư. Tôi đã tính rằng tốt nhất là nói chuyện với Fruen.

“Tôi đang trên đường vào thị trấn,” tôi nói với bà. “Và tôi đã mang theo cái máy này; tôi có thể để lại đây món nặng nhất trong thời gian đó không?”

“Anh đang vào thị trấn à?” Fruen nói. “Nhưng chắc anh sẽ ở đây tới mai chứ, phải không?”

“Không, rất cảm ơn. Mai tôi phải có mặt ở thị trấn.”

Fruen suy nghĩ giây lát rồi nói.

“Elisabeth đang ở thị trấn. Anh có thể mang cho nó một gói đồ - một món mà nó quên mang theo.”

Việc đó sẽ mang tới cho tôi cái địa chỉ, tôi nghĩ thầm.

“Nhưng tôi phải chuẩn bị nó trước đã.”

“Vậy nếu Frøken Elisabeth đã đi trước khi tôi tới thì sao?”

“Ồ, không, nó đi với Fru Falkenberg, và họ sẽ ở đó suốt tuần.”

Đây đúng là một tin lớn, tin vui. Giờ tôi đã có cả địa chỉ lẫn thời gian.

Fruen đứng liếc mắt nhìn tôi, rồi nói:

“Tốt, vậy anh sẽ ở lại đêm phải không? Anh thấy đó, tôi phải chuẩn bị một thứ trước đã...”

Tôi được bố trí cho một phòng trong tòa nhà chính, vì trời quá lạnh để có thể ngủ trong kho thóc. Và đêm đó, khi tất cả người nhà đã đi ngủ, mọi thứ đã lắng yên, Fruen tới phòng tôi với gói đồ và bảo:

“Xin thứ lỗi vì tôi tới quá muộn. Nhưng tôi nghĩ anh có thể đi vào sớm ngày mai trước khi tôi thức dậy.”

XXXIII

Vậy là một lần nữa tôi lại ở đây, trong sự chen chúc và ồn ào của một thành phố, với những tờ nhật trình và những thị dân. Tôi đã cách xa tất cả mọi thứ này nhiều tháng, và thấy nó không có gì vui thú. Tôi dành ra một buổi sáng để thu xếp mọi thứ; mua sắm ít quần áo, rồi bắt tay vào việc tìm kiếm Frøken Elisabeth theo địa chỉ của nàng. Nàng đang ở với vài người bà con.

Và giờ đây tôi có đủ may mắn để gặp người kia hay chẳng? Tôi bồn chồn như một cậu con trai. Hai bàn tay tôi quá thô thiển đối với những chiếc găng tay, và tôi tháo chúng ra; rồi khi bước lên thềm tôi nhận thấy hai bàn tay của tôi không hợp lắm với bộ đồ đang mặc, nên lại đeo găng tay vào. Rồi tôi nhấn chuông.

“Frøken Elisabeth? Vâng, xin ông vui lòng chờ một chút.”

Frøken Elisabeth bước ra. “Goddag (Chào buổi sáng). Anh muốn nói chuyện với... Ồ, anh đấy à?”

Tôi đã mang tới một gói đồ từ mẹ nàng. Værsaagod. (Xin mời đi trước.)

Nàng xé cái gói và nhìn vào trong. “Ồ, không ngờ Mama lại nghĩ tới thứ đó. Cặp kính để xem opera. Chúng tôi đã tới nhà hát rồi... Lúc đầu tôi không nhận ra anh.”

“Thật thế sao! Đâu có lâu mấy từ khi...”

“Không, nhưng... nói cho tôi biết xem anh có muốn hỏi thăm về ai khác không? Haha.”

“Có,” tôi đáp.

“Chà, chị ấy không ở đây. Tôi chỉ ở đây với mấy người bà con. Không, chị ấy ở Victoria.”

“Tốt, cái gói là cho cô,” tôi nói, cố che giấu nỗi thất vọng.

“Chờ chút đã. Tôi sắp đi ra ngoài; chúng ta có thể cùng đi.”

Frøken Elisabeth mặc thêm áo ngoài, cất tiếng gọi qua một cánh cửa để nói rằng nàng sẽ không đi lâu và sẽ đi với tôi. Chúng tôi đón một cỗ xe ngựa và tới một quán cà phê yên tĩnh. Frøken Elisabeth nói rằng phải, nàng thích tới những quán cà phê. Nhưng quán này thì không thú vị cho lắm.

Nàng thích tới chỗ khác chẳng?

“Vâng, tới khách sạn Grand.”

Tôi ngần ngừ; việc này không an toàn mấy. Tôi đã đi xa khá lâu, và nếu chúng tôi gặp bất kỳ người quen biết nào, có thể tôi phải nói chuyện với họ. Nhưng Frøkenen nhất quyết tới Grand. Nàng đã có vài hôm thực hành ở thủ đô, và đã có được khá nhiều tự tin. Nhưng trước đây tôi đã rất thích nàng.

Chúng tôi lại ngồi xe tới Grand. Trời đang ngã về chiều. Frøkenen chọn chỗ ngồi ở bàn sáng nhất, cả người tỏa ra niềm vui rạng rỡ. Tôi gọi ít rượu vang.

“Hiện giờ anh mặc đồ thật là đẹp,” nàng nói, với một tròng cười.

“Tôi không thể bước vào đây đằng hoàng trong bộ đồ lao động.”

“Không, dĩ nhiên không. Nhưng, nói thật tình, cái áo blu đó... tôi nói với anh những gì tôi nghĩ có được không?”

“Vâng, cứ nói.”

“Cái áo blu hợp với anh hơn.”

Đấy! Quý sứ tới mà lấy đi những bộ đồ thành thị! Tôi ngồi đó, đầu óc tràn ngập những điều khác, và không quan tâm tới kiểu trò chuyện này.

“Cô ở lại thị trấn lâu không?”

“Tới chừng nào Lovise còn ở. Chúng tôi đã mua sắm xong. Không, tôi xin lỗi; tất cả đều quá ngắn.”

Sau đó nàng lại trở nên vui vẻ và vừa cười vừa hỏi: “Anh có thích sống với chúng tôi ở vùng nông thôn không?”

“Thích. Đó là một thời gian vui thú.”

“Và anh sẽ sớm trở lại chứ? Haha.”

Có vẻ như nàng đang trêu chọc tôi. Đang cố, dĩ nhiên, tỏ ra nàng nhìn thấu qua tôi: rằng tôi đã không chơi đùa – đã đóng khá tốt vai trò của một người làm công miền thôn dã. Nàng thật quá sức trẻ con! Tôi có thể dạy cho nhiều người làm công biết việc của họ, và có không chỉ một công việc làm ăn ở mấy đầu ngón tay. Dù trong tiếng gọi thật sự của mình, tôi cố xoay xở để đạt tới giấc mơ kế tiếp đẹp nhất trong mọi giấc mơ...

“Tôi sẽ đề nghị Papa đóng lên cột một tấm thông báo vào mùa xuân tới, ghi rằng anh sẵn lòng đặt ống nước các thứ nhé?”

Nàng nhắm mắt lại và bật cười – nàng cười thật vui vẻ.

Tôi bị giằng xé vì phấn khích, và sự vui vẻ của nàng khiến tôi đau đớn, dù tất cả mọi thứ khá vui. Tôi đưa mắt liếc quanh, cố thu người lại; đây đó có một người quen gật đầu chào tôi, và tôi đáp lại; mọi thứ dường như rất xa xăm đối với tôi. Tôi đang ngồi với một cô gái đáng yêu và điều đó khiến mọi người chú ý chúng tôi.

“Hình như anh biết những người này?”

“Phải, một hai người trong số đó. Cô có đi chơi chỗ nào trong thị trấn không?”

“Ồ, có, rất nhiều. Tôi có hai người em trai họ hàng ở đây, và còn có bạn của họ nữa.”

“Anh chàng Erik tội nghiệp, ở chốn thôn quê ngoài kia,” tôi nói đùa.

“Ồ, anh với chàng Erik trẻ tuổi của anh. Không, có một người ở thị trấn này; anh ta tên Bewer. Nhưng hiện giờ tôi không chơi với anh ta.”

“Ồ, việc đó sẽ không kéo dài.”

“Anh nghĩ thế à? Thật sự tôi khá nghiêm túc về việc này. Tôi nghĩ có thể tối nay anh ta sẽ tới đây.”

“Cô phải chỉ anh ta cho tôi nếu anh ta tới.”

“Tôi đã nghĩ, khi chúng ta ngồi xe tới đây, rằng anh và tôi có thể ngồi đây với nhau, anh biết đó, và chọc cho anh ta nổi máu ghen.”

“Đúng, vậy chúng ta sẽ làm thế.”

“Vâng, nhưng... Không, anh phải trẻ hơn một chút mới được. Ý tôi là...”

Tôi miễn cưỡng cười to.Ồ, chúng tôi sẽ xoay xở ổn thôi. Đừng coi thường những gã già chúng tôi, những gã quá lứa lỡ thì chúng tôi, đôi khi chúng tôi có thể cực kỳ hữu ích. “Chỉ có điều tốt hơn cô nên để tôi ngồi trên cái trường kỷ bên cạnh cô, để anh ta không thể thấy tôi bị hói ở sau gáy.”

Chà, nhưng khó mà tiến hành cuộc chuyển hóa nguy hiểm tới tuổi già theo bất kỳ cách thức lặng lẽ và đẹp mắt nào. Có một sự miễn cưỡng, một vở kịch đầy nỗ lực ngó ngàng và những điều

bộ nhả nhỏ, trận đấu chống lại những ai trẻ tuổi hơn chúng ta, và sự ghen tị.

“Frøken....” Lúc này tôi hỏinàng với trọn vẹn trái tim của mình. “Frøken, cô có thể gọi cho Fru Falkenberg và mời cô ta tới đây được không?”

Nàng suy nghĩ một lúc.

“Vâng, chúng ta sẽ đi,” nàng nói với vẻ rộng lượng.

Chúng tôi đi tới buồng điện thoại, gọi tới khách sạn Victoria: Fruen ở đó.

“Chị đấy phải không, Lovise? Chị không bao giờ đoán nổi em đang đi với ai đâu? Chị có tới được không? Ồ, tốt. Bọn em ở Grand. Không, giờ em không thể nói với chị được. Vâng, dĩ nhiên là một người đàn ông – chỉ có điều hiện giờ anh ta là một quý ông – em sẽ không nói đó là ai đâu. Chị có tới không? Sao, chị vừa mới bảo sẽ tới mà! Có ai đó hả? Vâng, được, cứ làm theo ý chị, dĩ nhiên, nhưng em nghĩ... Vâng, anh ta đang đứng đây. Chị đang vội hả...”

Frøken Elisabeth gác máy và nói ngắn gọn:

“Chị ấy phải tới gặp vài người bạn.”

Chúng tôi quay lại bàn và gọi thêm rượu vang; tôi cố tỏ ra vui vẻ, và đề nghị gọi sâm-panh. Vâng, cảm ơn. Và sau đó, khi chúng tôi đang ngồi đó, Frøkenen đột ngột nói:

“Ồ, Bewer kia rồi! Tôi rất mừng vì chúng ta đang uống sâm-panh.”

Nhưng tôi chỉ có một ý tưởng trong đầu, và lúc này đang được yêu cầu trình diễn những gì tôi có thể, vờ quyến rũ tiểu thư trẻ tuổi này vì lợi ích cuối cùng của một kẻ khác, tôi thấy mình đang nghĩ một đằng nói một nẻo. Dĩ nhiên điều này sẽ dẫn tới tai họa. Tôi không thể gạt cuộc nói chuyện điện thoại đó ra khỏi đầu; hẳn nàng đã có một ý nghĩ nào đó – đã nhận ra kẻ đang đợi nàng ở đây chính là tôi. Nhưng tôi đã làm gì chứ? Vì sao tôi bị đột ngột tổng cổ khỏi Øvrebø, và Falkenberg chiếm chỗ của tôi? Hoàn toàn có khả năng Đại úy và vợ ông không luôn luôn là những người bạn tốt của nhau, nhưng Đại úy đã đánh hơi thấy sự nguy hiểm khi tôi có mặt ở đó, và muốn giúp cho vợ mình ít nhất không rơi vào nỗi nhục như thế. Và hiện giờ, nàng ở đây, cảm thấy hổ thẹn vì tôi đã làm việc ở chỗ của nàng, vì nàng đã dùng tôi làm người đánh xe, và đã hai lần chia sẻ thức ăn với tôi trên đường. Và nàng còn xấu hổ vì tôi không còn trẻ nữa...

“Thế này không được đâu,” Frøken Elisabeth nói.

Vì thế tôi cố trấn tĩnh lại, và bắt đầu nói đủ loại chuyện ngốc nghếch để làm cho nàng cười. Tôi uống khá nhiều và việc đó có ích; cuối cùng, có vẻ như nàng thật sự tưởng rằng tôi đang thỏa hiệp với nàng là vì chính nàng. Nàng tò mò nhìn tôi.

“Không, thật sự, anh có nghĩ là tôi đẹp không?”

“Ồ, xin cô đấy – cô không hiểu sao? – Tôi đang nói về Fru Falkenberg.”

“Suyt!” Frøken Elisabeth nói. “Dĩ nhiên đó là Fru Falkenberg; tôi biết rất rõ điều đó, nhưng anh không cần phải nói vậy... Tôi thật sự nghĩ rằng chúng ta đang bắt đầu gây được ấn tượng với anh ta ở đằng kia. Chúng ta cứ tiếp tục như đang làm, và tỏ ra quan tâm.”

Vậy là nói cho cùng nàng không nghĩ rằng tôi đang cố vì chính mình. Dù sao, tôi đã quá già đối với loại cung cách này. Quỷ sứ bắt nó đi, vâng, dĩ nhiên.

“Nhưng anh không thể có được Fru Falkenberg,” nàng nói, bắt đầu lần nữa. “Đó chỉ là chuyện vô vọng.”

“Không, tôi không thể có được nàng. Cả với cô cũng vậy.”

“Anh lại nói về Fru Falkenberg nữa đấy à?”

“Không lần này là với cô.”

Im lặng.

“Anh có biết tôi đã yêu anh không? Phải, khi tôi còn ở nhà.”

“Việc này thật là thú vị,” tôi nói, rời khỏi chiếc trường kỷ. “Ồ, chúng ta sẽ nắm được Bewer, đừng lo.”

“Vâng, chỉ là tưởng tượng, tôi từng tới nghĩa trang để gặp anh vào những buổi tối. Nhưng anh, con người gốc gác, anh chẳng nhìn thấy gì hết.”

“Hiện giờ cô đang nói về Bewer, dĩ nhiên,” tôi nói.

“Không, hoàn toàn là sự thật đấy. Và hôm nọ khi anh đang đào khoai trên đồng tôi đã tới. Tôi không tới để gặp anh chàng Eric, không hề.”

“Chỉ nghĩ rằng lẽ ra đó là tôi,” tôi đáp, tỏ vẻ u buồn.

“Vâng, dĩ nhiên anh nghĩ điều đó thật lạ lùng. Nhưng thật sự, anh biết đó, những người sống ở thôn quê cũng phải có ai đó để ưa thích.”

“Fru Falkenberg có nói giống vậy không?”

“Fru Falkenberg? Không, chị ấy bảo chị ấy không ưa thích bất cứ người nào, chỉ chơi đàn dương cầm và các thứ đại loại. Nhưng tôi đang nói về chính mình. Anh có biết tôi có lần tôi đã làm gì không? Không, thật sự, tôi không thể nói với anh chuyện đó. Anh có muốn biết hay không?”

“Vâng, nói cho tôi nghe đi.”

“Tốt... vì, nói cho cùng, tôi chỉ là một đứa trẻ con khi so với anh, vì thế việc này không quan trọng. Đó là khi anh đang ngủ ở kho thóc; một hôm tôi tới đó và xếp đặt ngay ngắn mấy tấm chăn của anh, và dọn một cái giường đang hoang.”

“Cô đã làm chuyện đó sao,” tôi bật thốt, hoàn toàn chân thật, quên hẳn vai diễn của mình.

“Anh nên nhìn thấy tôi lên vào. Hahaha!”

Nhưng nàng thiếu nữ này chưa đủ tài đóng kịch, nàng thay đổi sắc mặt với thú nhận nho nhỏ của mình, và bật cười gượng gạo để che đậy sự bối rối.

Tôi cố giúp nàng bình thần lại, và nói:

“Cô biết đó, cô đúng là một người nhân hậu. Fru Falkenberg sẽ không bao giờ làm một điều như thế.”

“Không; nhưng vì chị ấy lớn tuổi hơn. Anh nghĩ chúng tôi cùng tuổi à?”

“Fru Falkenberg có nói là cô ta không muốn ưa thích bất cứ người nào không?”

“Có.Ồ, không... phiền quá, tôi không biết. Fru Falkenberg đã kết hôn, dĩ nhiên; chị ấy không nói bất cứ điều gì. Giờ hãy nói chuyện về tôi trở lại chút đi... Vâng, và anh có nhớ cái lần chúng ta tới cửa tiệm mua đồ, anh biết đó? Tôi đã đi càng lúc càng chậm để cho anh đuổi kịp...”

“Phải, cô thật tốt bụng. Và giờ tôi sẽ làm một điều để đáp trả lại cô.”

Tôi đứng lên, bước qua chỗ anh chàng Bewer trẻ tuổi đang ngồi, và hỏi cậu ta có phiền không khi tới ngồi cùng bàn với chúng tôi. Tôi đưa cậu ta về; Frøken Elisabeth đỏ bừng mặt khi cậu ta tới. Sau đó tôi nói với hai người trẻ tuổi đó, chúc họ gắn bó với nhau, khi xong việc, tôi sực nhớ ra còn có một việc phải làm, và phải đi ngay lập tức.

“Tôi rất tiếc phải đi ngay bây giờ. Frøken Elisabeth, tôi e là cô đã khiến cho tôi choáng váng, khiến tôi hoàn toàn bị chuốc bùa mê; nhưng tôi nhận ra rằng việc đó chỉ là chuyện vô vọng.

Nhân tiện, đây là một điều tuyệt vời đối với tôi...”

XXXIV

Tôi lê bước tới đường Raadhusgaten, và đứng một hồi cạnh trạm xe ngựa, quan sát lối vào khách sạn Victoria. Nhưng dĩ nhiên nàng đã ra ngoài thăm mấy người bạn. Tôi nhắm mắt đưa chân vào khách sạn, nói chuyện với người gác cửa.

Phải, Fruen đang ở trong phòng số 12, tầng một.

Vậy bà ta không ra ngoài thăm bạn sao?

Không.

Có phải bà ta chỉ ra ngoài chốc lát không?

Fruen không hề nói thế.

Tôi lại bước ra đường; những người đánh xe vung vẩy những tấm da phủ chân, mời mọc tôi hạ cổ. Tôi chọn một cỗ xe và trèo vào.

“Tới đâu ạ?”

“Cứ ở yên tại chỗ. Tôi thuê anh theo giờ.”

Những gã đánh xe đi quanh xì xào, kẻ bàn thế này, người tán thế kia: ông ta đang theo dõi khách sạn; ra ngoài để bắt ghen vợ ông ta đang hẹn hò với một thương gia đi du lịch nào đó.

Phải, tôi đang theo dõi chỗ này. Có ánh đèn trong một hai căn phòng, và đột nhiên tôi chợt nghĩ ra rằng có thể nàng đang đứng ở một ô cửa sổ và trông thấy tôi. “Chờ chút,” tôi nói với người đánh xe, và lại đi vào khách sạn.

“Phòng số 12 ở đâu?”

“Tầng một.”

“Nhìn ra đường Raadhusgaten phải không?”

“Vâng.”

“Vậy đó phải là em gái của tôi,” tôi nói, bịa đặt đôi điều để chuồn qua người gác cửa.

Tôi đi lên cầu thang, và để không cho mình có cơ hội quay lại, tôi gõ cửa ngay khoảnh khắc tôi nhìn thấy con số. Không trả lời. Tôi gõ lần nữa.

“Có phải hầu phòng không?” từ trong phát ra một giọng nói.

Tôi không thể đáp phải; giọng tôi sẽ phản bội tôi. Tôi thử xoay nắm cửa – cửa đã bị khóa. Có lẽ nàng e rằng tôi có thể tới; có thể nàng đã nhìn thấy tôi ở bên ngoài.

“Không, đây không phải là người hầu phòng,” tôi nói, và tôi có thể nghe những từ run rẩy một cách lạ lùng ra sao.

Sau đó tôi đứng lắng nghe hồi lâu; tôi có thể nghe tiếng ai đó di chuyển bên trong, nhưng cửa vẫn đóng. Rồi có hai hồi chuông ngắn từ một trong những căn phòng dưới sảnh. Hẳn đó là nàng, tôi tự nhủ; nàng đang cảm thấy khó chịu, và đã ấn chuông gọi người hầu phòng. Tôi bước xa khỏi cửa, để tránh bất kỳ sự lúng túng nào cho nàng, và, khi người hầu phòng tới, tôi bước ngang qua như thể đang đi xuống thang. Lúc ấy người hầu phòng nói, “Phải, hầu phòng đây,” và cửa mở.

“Không, không,” người hầu phòng nói; “chỉ có một quý ông đang xuống thang.”

Tôi nghĩ tới việc lấy một phòng ở khách sạn, nhưng ý tưởng này khiến tôi khó chịu; nàng không phải là một bà vợ bỏ trốn để hẹn hò với những thương gia đi du lịch. Khi xuống tới dưới,

tôi nhận xét với người gác cửa rằng hình như Fruen đang nằm nghỉ.

Sau đó tôi bước ra ngoài và lại chui vào xe. Thời gian trôi qua, cả một giờ; người đánh xe muốn biết tôi có thấy lạnh không? Ờ, có, chút xíu. Tôi đang chờ ai đó hay sao? Phải... Anh ta đưa cho tôi tấm chăn cất trong thùng xe, và tôi boa cho anh ta tiền đủ để mua một ly rượu vì sự chu đáo đó.

Thời gian tiếp tục trôi; giờ này sang giờ khác. Lúc này những người đánh xe trò chuyện không chút úp mở, nói thẳng với nhau rằng tôi đang khiến cho lũ ngựa lạnh cóng cho tới chết.

Không, việc này không hay ho chút nào. Tôi trả tiền cho người đánh xe, trở về nhà, và viết lá thư sau:

“Cô không cho phép tôi viết cho cô; cô có cho phép tôi được gặp cô lần nữa hay không? Tôi sẽ ghé thăm cô ở khách sạn lúc năm giờ chiều mai.”

Tôi có nên xác định một thời điểm sớm hơn? Nhưng ánh sáng buổi sáng quá tỏ; nếu tôi xúc động và miệng tôi bị co giật, có thể trông tôi sẽ rất đáng sợ.

Tôi mang lá thư tới khách sạn rồi lại trở về nhà.

Một đêm dài – ôi, những giờ đó mới dài làm sao! Khi tôi nên ngủ, thả lỏng thân người và nghỉ ngơi thư giãn, tôi lại không thể. Ngày lên, và tôi ngồi dậy. Sau một hồi lang thang qua những con phố, tôi lại trở về nhà, và ngủ.

Nhiều giờ trôi qua. Khi thức giấc và tỉnh táo trở lại, tôi vội vàng nôn nóng tới buồng điện thoại để hỏi xem Fruen có đi chưa.

Chưa, Fruen chưa đi.

Tạ ơn Trời, hình như nàng không muốn lẫn tránh tôi; hẳn nàng đã nhận được thư của tôi từ lâu. Không; tôi đã ghé vào một giờ gây lúng túng vào chiều hôm trước, chỉ thế thôi.

Tôi ăn một chút gì đó, nằm xuống, và lại ngủ. Khi tôi thức trời đã xế. Tôi lại lảo đảo bước vào buồng điện thoại và gọi như lần trước.

Không, Fruen chưa đi. Nhưng hành lý của bà ấy đã sắp xếp xong. Bà ấy sẽ ra ngoài ngay bây giờ.

Tôi chuẩn bị ngay tức khắc, và vội vã vòng qua đường Raadhusgaten để đứng canh chừng. Trong khoảng nửa giờ tôi nhìn thấy một số người vào ra, nhưng không có người tôi tìm kiếm. Giờ đã là năm giờ, tôi đi vào và nói với người gác cửa.

Fruen đã đi.

Đã đi rồi?

“Có phải ông đã gọi không? Bà ấy ra đúng lúc đó và lấy các thứ hành lý. Nhưng ở đây tôi có một lá thư.”

Tôi nhận lá thư, không mở nó ra, mà chỉ hỏi giờ tàu chạy.

“Tàu chạy lúc 4 giờ 45,” người gác cửa nói, nhìn vào đồng hồ đeo tay. “Giờ là năm giờ.”

Tôi đã vất đi nửa giờ khi đứng canh ở bên ngoài.

Tôi ngồi xuống một bậc thềm, nhìn chòng chọc vào sàn nhà.

Người gác cửa tiếp tục nói. Hẳn anh ta đã biết rõ đó không phải là em gái của tôi.

“Tôi đã nói với Fruen có một quý ông vừa gọi tới. Nhưng bà ta chỉ nói bà ta không có thì giờ, và nhờ tôi đưa cho ông lá thư này.”

“Khi cô ấy đi có một tiểu thư khác đi cùng hay không?”

“Không.”

Tôi đứng dậy và bước ra ngoài. Trên phố, tôi mở thư ra và đọc:

“Anh đừng theo đuổi tôi nữa—”

Tôi thờ ơ cất lá thư vào túi. Nó không làm cho tôi ngạc nhiên, không tạo ra ấn tượng gì mới mẻ. Hoàn toàn mang tính chất đàn bà, những từ vội vã, viết trong cơn bốc đồng, với đường gạch dưới và một dấu gạch ngang...

Rồi tôi chợt nghĩ ra việc đi sang địa chỉ của Frøken Elisabeth; vẫn còn một tia hy vọng. Tôi nghe tiếng chuông cửa reo bên trong nhà khi ấn chuông, và đứng lắng nghe như thể đang ở trong một sa mạc hoang vu.

Frøken Elisabeth đã đi trước đó một giờ.

Sau đó là rượu vang, và rồi whisky. Và rồi whisky vô tận. Và suốt hai mươi mốt ngày rượu chè be bét, trong thời gian đó một tấm màn buông xuống và giấu đi ý thức trần gian của tôi. Trong tình trạng này, một ngày nọ tôi chợt nảy ra ý nghĩ gửi một vật tới một ngôi nhà nhỏ ở miền quê. Nó là một cái gương soi, có khung mạ vàng rực rỡ. Và nó được gửi tới một bé gái, tên là Olga, một tạo vật ngọt ngào, gợi niềm thương cảm, như một chú bê non.

Phải, vì tôi vẫn chưa hồi phục khỏi cơn suy nhược thần kinh.

Cái cửa đang nằm trong phòng tôi. Nhưng tôi không thể lấp nó lại, vì các bộ phận bằng gỗ to nặng nhất tôi đã bỏ lại tại nhà ông mục sư ở vùng quê. Giờ nó không quan trọng gì mấy, tình yêu của tôi đối với vật đó đã lụi tàn. Những người bạn mắc chứng suy nhược thần kinh của tôi, hãy tin tôi, loại người như chúng ta thật vô dụng với tư cách là những con người, và thậm chí chúng ta không có ích gì cho bất cứ loài thú vật nào.

Tôi cho là một ngày nào đó tôi sẽ chán ngán tình trạng vô tri vô giác này, lại lên đường ra đi và sống trên một hòn đảo thêm lần nữa.

HẾT

★★★

• Chú thích

[1] Đồ quý sứ! Quyền năng của quý! (Từ đây trở đi, những từ in nghiêng là chữ Na Uy hoặc chữ Pháp, theo bản tiếng Anh.

[2] Rượu mạnh.

[3] Tạm biệt.

[4] Thiếu nữ, tiểu thư.

[5] Phu nhân.

[6] Erik Pontoppidan là một tác giả Đan Mạch, giám mục, sử gia kiêm nhà khảo cổ (1698 – 1764).

[7] Ngàn lần cảm ơn phu nhân, bà thật tốt bụng.

[8] Đây này.

[9] Trái tim tôi đã sẵn sàng.

[10] Ôi trời.

[11] Cảm ơn vì món rượu vang Skjænken.

[12] Forakte, nghĩa đen là khinh khi. Rõ ràng từ này bị cô gái sử dụng sai, thật ra cô ta định nói là “làm hỏng”, mục đích của tác giả là tạo ấn tượng về sự “tội nghiệp” đầy cảm động, giống như chi tiết những ngón tay dính thuốc nhuộm cũng như những điệu bộ và thái độ bối rối của cô ta sẽ được đề cập sau đây.

[13] Viên chức hành chánh cấp xã thời bấy giờ ở Na Uy.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>